

PHƯƠNG ÁN

Ứng phó thiên tai tỉnh Bình Định năm 2022

(Kèm theo Quyết định số: _____/QĐ-UBND ngày _____/9/2022 của UBND tỉnh)

PHẦN I

CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA PHƯƠNG ÁN

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng chống thiên tai và Luật đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ Nghị định số 66/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật đê điều;

- Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

- Căn cứ Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg ngày 31 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên các sông thuộc phạm vi cả nước;

- Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai;

- Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-TWPCTT ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai về việc ban hành tạm thời Sổ tay hướng dẫn công tác phòng, chống thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19;

- Căn cứ Chỉ thị 03/CT-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh về Công tác Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2022 trong bối cảnh Covid-19 đang diễn ra trên địa bàn tỉnh.

- Căn cứ các Quyết định của Trưởng ban Ban Chỉ huy về Phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh: Số 169/QĐ-BCH ngày 29 tháng 7 năm 2021 Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy PCTT-

TKCN và PTDS tỉnh; số 172/QĐ-BCH ngày 02 tháng 8 năm 2021 phân công nhiệm vụ thành viên Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh;

- Căn cứ các Quyết định của Giám đốc các sở, ngành, Thủ tướng các đơn vị và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố về việc ban hành Phương án ứng phó thiên tai năm 2022 trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19.

II. MỤC ĐÍCH

1. Chủ động ứng phó trước mọi tình huống thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh. Huy động các nguồn lực để chủ động ứng phó có hiệu quả trước tình huống thiên tai có thể xảy ra.

2. Thường xuyên quán triệt và thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phương án ứng phó với thiên tai sát với tình hình thực tế của địa phương, nhằm nâng cao năng lực ứng phó thiên tai của các tổ chức, đơn vị, góp phần hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra.

3. Bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm trên địa bàn; Bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản, nhà cửa của nhân dân, các công trình giao thông, thông tin liên lạc hoạt động thông suốt, bảo đảm an ninh trật tự trong thời gian xảy ra thiên tai.

4. Xác định cụ thể những khu vực nguy hiểm, số hộ dân, số người dân cần phải sơ tán, địa điểm sơ tán đến, hậu cần nơi đến sơ tán, phương tiện và nhân lực thực hiện để chủ động triển khai ứng phó thiên tai trong điều kiện dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực xử lý các tình huống, sự cố do thiên tai gây ra.

III. YÊU CẦU

1. Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “04 tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ) + thực hiện linh hoạt nguyên tắc "ngăn chặn - phát hiện - cách ly - khoanh vùng - dập dịch" theo quy mô và phạm vi hẹp nhất có thể, phù hợp với diễn biến dịch bệnh COVID-19; áp dụng linh hoạt công thức chống dịch “5K + vaccine, thuốc + điều trị + công nghệ + ý thức người dân + các biện pháp khác”; bảo đảm nguyên tắc phòng ngừa, chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương, có hiệu quả sau thiên tai.

2. Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai đạt hiệu quả của các cấp, các ngành.

3. Xác định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành trong hoạt động phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.

4. Tăng cường thông tin, tuyên truyền, cảnh báo, hướng dẫn các biện pháp phòng tránh và ứng phó thiên tai kịp thời đến cộng đồng dân cư.

5. Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, tránh thiên tai của người dân.

PHẦN II TÌNH HÌNH CHUNG

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ DÂN SINH - KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Điều kiện tự nhiên

a. Vị trí địa lý

Bình Định là tỉnh duyên hải Nam Trung bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, diện tích tự nhiên 6.025 km² với 11 đơn vị hành chính gồm thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn và 8 huyện. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ngãi, điểm cực Bắc 14°42'10" vĩ độ Bắc, 108°55'4" kinh độ Đông. Phía Nam giáp tỉnh Phú Yên, điểm cực Nam 13°39'10" vĩ độ Bắc, 108°54'00" kinh độ Đông. Phía Tây giáp tỉnh Gia Lai, điểm cực Tây 14°27' vĩ độ Bắc, 108°27' kinh độ Đông. Phía Đông giáp Biển Đông với bờ biển dài 134 km, điểm cực Đông là xã Nhơn Châu thuộc thành phố Quy Nhơn, có tọa độ: 13°36'33" vĩ độ Bắc, 109°21' kinh độ Đông. Bình Định có vị trí chiến lược quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của miền Trung, là một trong những cửa ngõ ra biển của các tỉnh Tây Nguyên, vùng Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và Thái Lan.

b. Đặc điểm địa hình

- Địa hình của tỉnh thấp dần từ Tây sang Đông, với độ chênh lệch khoảng 1.000m. Các dạng địa hình phổ biến: Vùng núi đồi và trung du, vùng đồng bằng và vùng ven biển.

- Vùng núi đồi và trung du diện tích 4.200 km² với độ cao trung bình 500 - 1.000 m. Các dãy núi chạy theo hướng Bắc - Nam, có sườn dốc đứng. Nhiều khu vực núi ăn ra sát biển tạo thành các mỏm núi đá dọc theo bờ, vách núi dốc đứng và dưới chân là các dải cát hẹp. Vùng đồi tiếp giáp giữa miền núi phía Tây và đồng bằng phía Đông, có diện tích 1.600 km², có độ cao dưới 100m, độ dốc tương đối lớn từ 10° - 15°. Vùng đồng bằng diện tích khoảng 1.000 km², được ngăn cách với biển bởi các đầm phá, đồi cát hay dãy núi. Vùng ven biển gồm các cồn cát tạo thành một dãy hẹp chạy dọc ven biển, độ cao vài chục mét. Bình Định còn có 33 đảo lớn nhỏ, trong đó đảo Nhơn Châu là đảo lớn nhất diện tích 3,64 km² có trên 2.000 dân.

c. Mạng lưới sông ngòi

Bình Định có khá nhiều sông, các sông suối không lớn, độ dốc cao; có 4 sông lớn là Lại Giang, La Tinh, Kôn và Hà Thanh, tổng chiều dài 352 km, tổng diện tích lưu vực 5.699 km², theo thứ tự từ bắc vào nam với các đặc điểm chính sau:

- *Sông Lại Giang*: Là con sông lớn thứ hai của tỉnh Bình Định có diện tích lưu vực là 1.466 km², dài 73 km. Sông bắt nguồn từ các dãy núi đông Trường Sơn có đỉnh cao từ 900 m đến 1.000 m đổ ra biển ở cửa An Dũ. Sông Lại Giang gồm 2 nhánh sông lớn chính là sông An Lão và sông Kim Sơn.

+ Sông An Lão bắt nguồn từ vùng núi cao của huyện An Lão và Ba Tơ,

chảy theo hướng bắc - nam đến Lại Khánh thì nhập với sông Kim Sơn thành sông Lại Giang, chảy theo hướng Tây nam - Đông bắc rồi đổ ra biển.

+ Sông Kim Sơn bắt nguồn từ vùng núi cao của huyện Hoài Ân, chảy theo hướng tây nam - đông bắc đến Lại Khánh nhập với sông An Lão thành sông Lại Giang.

- *Sông La Tinh*: Lưu vực sông La Tinh thuộc địa bàn hai huyện Phù Mỹ và Phù Cát. Sông bắt nguồn từ sườn đông dãy núi cao xã Cát Sơn, có diện tích lưu vực 719 km², chiều dài sông 52 km và chảy vào đầm Đề Gi. Ngoài sông chính còn có các nhánh Kiều Duyên dài 20 km, diện tích lưu vực 179 km²; nhánh sông Cạn 61,4 km²; nhánh Đức Phổ 34,6 km².

- *Sông Côn*: là sông lớn nhất trong các sông trong tỉnh có tổng diện tích lưu vực là 3.067 km², dài 178 km. Sông bắt nguồn từ vùng rừng núi của dãy Trường Sơn ở độ cao 700 - 1000m. Sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam đến Bình Tường rồi chảy theo hướng tây - đông và đến Bình Thạnh sông chia thành hai nhánh chính: Nhánh Đập Đá chảy ra cửa An Lợi rồi đổ vào đầm Thị Nại; nhánh Tân An có nhánh sông Gò Chàm cách ngã ba về phía hạ lưu khoảng 2km, sau khi chảy trên vùng đồng bằng rồi nhập với sông Tân An cùng đổ vào đầm Thị Nại tại cửa Tân Giảng. Tất cả các nhánh sông Đập Đá và Tân An sau khi đổ vào đầm Thị Nại được thông ra biển qua cửa Quy Nhơn.

- *Sông Hà Thanh*: Sông Hà Thanh có diện tích lưu vực là 580 km², chiều dài dòng sông chính là 48 km. Sông bắt nguồn ở những đỉnh núi cao trên 1.100 m ở huyện Vân Canh, chảy theo hướng tây nam - đông bắc. Tới cầu Diêu Trì, sông chia thành hai nhánh Hà Thanh và Trường Úc đổ vào đầm Thị Nại rồi chảy ra biển.

d. Khí hậu

- Bình Định thuộc khí hậu duyên hải Nam Trung Bộ - miền khí hậu Đông Trường Sơn. Có hai mùa rõ rệt, mùa khô từ tháng 1 - 8, mùa mưa từ tháng 9 - 12, thường xuất hiện nắng nóng và khô hạn. Mùa mưa thường chịu ảnh hưởng các cơn bão với tần suất trung bình từ 1 - 2 cơn/năm, thường gây ra lũ lụt.

- Khí hậu Bình Định được phân thành ba vùng chính: Vùng 1 là vùng núi phía Tây Bắc của tỉnh bao gồm huyện An Lão, Vĩnh Thạnh, các xã phía Tây huyện Hoài Ân và các xã vùng núi phía Tây thị xã Hoài Nhơn. Vùng này có tổng lượng mưa năm từ 2.200 mm trở lên, nhiệt độ trung bình năm dưới 26⁰C. Vùng 2 là vùng núi phía Nam tỉnh bao gồm huyện Tây Sơn, Vân Canh và các xã phía Tây huyện Phù Cát, có tổng lượng mưa năm từ 1.800 - 2.100 mm, nhiệt độ trung bình năm dưới 26⁰C. Vùng 3 là vùng đồng bằng ven biển, có tổng lượng mưa năm từ 1.700 - 2.200 mm, nhiệt độ trung bình năm trên 26⁰C.

- Chế độ nhiệt: Tổng lượng bức xạ hàng năm khá cao từ 140 đến 150 cal/cm². Nhiệt độ trung bình hàng năm là 27,1⁰C. Trung bình cao nhất là 34,6⁰C, trung bình thấp nhất là 19,9⁰C. Biên độ nhiệt ngày đêm trung bình 5 - 8⁰C.

- Số giờ nắng: Bình Định là tỉnh nằm trong vùng có số giờ nắng khá cao; trung bình hàng năm có số giờ nắng 2.200 - 2.400 giờ. Thời kỳ nhiều nắng là từ tháng 3 đến tháng 9 và tháng ít nắng là tháng 11 và tháng 12.

- Bốc hơi: Lượng bốc hơi tiềm năng trong năm và tăng dần từ Bắc vào Nam tỉnh. Tại Hoài Nhơn là 1.029 mm và tăng dần đến Quy Nhơn là 1.131 mm. Bốc hơi tập trung trong các tháng mùa hạ từ tháng 6 - 8 và tháng có lượng bốc hơi ít là tháng 10, tháng 11.

- Chế độ ẩm: Độ ẩm trong khu vực khá thấp, trung bình hàng năm khoảng 79%. Từ tháng 10 - 12 hàng năm tương đối ẩm và từ tháng 1 - 9 là thời kỳ khô.

- Chế độ mưa: Lượng mưa bình quân hàng năm từ 1.800 - 3.300 mm. Lượng mưa giảm dần từ Bắc đến Nam tỉnh, cao nhất vùng núi huyện An Lão 3.300 mm, thấp nhất tại huyện Tuy Phước với lượng mưa dưới 1.700 mm.

+ Mùa mưa ngắn, chỉ tập trung vào 4 tháng từ tháng 9 - 12, chiếm 70% đến 80% tổng lượng mưa năm. Do mùa mưa ngắn, cường độ mưa lớn nên thường gây ngập, lụt làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân.

+ Mùa khô kéo dài từ tháng 1 - 8, lượng mưa 20% đến 30% tổng lượng mưa năm. Mùa khô thường xảy ra khô hạn, thiếu nước cho sản xuất, sinh hoạt.

- Gió, bão: Hướng gió mùa Đông là hướng Tây Bắc, sau đó đổi sang hướng Bắc và Đông Bắc. Mùa Hạ là hướng Tây hoặc Tây Nam. Bão thường tập trung vào tháng 9, 10, 11. Nhiều nhất là tháng 10 chiếm 47% tổng số cơn bão đổ bộ.

2. Dân số và Lao động

Dân số trung bình của Bình Định là 1.508.322 người (theo Niên giám thống kê năm 2021), tăng 20.419 người, tương đương 1,372% so với năm 2020, bao gồm dân số thành thị 620.809 người, chiếm 41,16%; dân số nông thôn 887.513 người, chiếm 58,84%; dân số nam 742.865 người, chiếm 49,25%, dân số nữ 765.457 người, chiếm 50,75%.

Cộng đồng dân cư gồm nhiều dân tộc cùng chung sống. Trong đó, người Kinh chiếm 97,2%; dân tộc khác chiếm 2,1%.

Lao động và việc làm: Theo niên giám thống kê năm 2021, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2021 là 834.137. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc đã qua đào tạo đạt 24,5%; tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi là 2,75%.

3. Tình hình kinh tế - xã hội

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2021 (theo giá so sánh 2010) ước đạt 51.629,8 tỷ đồng, tăng 4,11% so với năm 2010. Trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 14.061 tỷ đồng, tăng 2,95%; khu vực công nghiệp và xây dựng ước đạt 15.371,5 tỷ đồng, tăng 8,49%; riêng công nghiệp ước đạt 10.215,8 tỷ đồng, tăng 10,4%; khu vực dịch vụ ước đạt 19.843,5 tỷ đồng, tăng 1,48%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước đạt 2.353,8 tỷ đồng, tăng 6,44% (Nguồn tài liệu Niên giám thống kê tỉnh Bình Định năm 2021 của Cục Thống kê Bình Định).

- Tổng sản phẩm trong tỉnh theo giá hiện hành ước đạt 95.311,4 tỷ đồng. Trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 27.970,1 tỷ đồng, chiếm 29,3%; khu vực công nghiệp và xây dựng ước đạt 28.258,2 tỷ đồng,

chiếm 29,6%; khu vực dịch vụ ước đạt 34.791,4 tỷ đồng, chiếm 36,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm đạt 4.291,7 tỷ đồng, chiếm 4,6%.

II. ĐẶC ĐIỂM CƠ SỞ HẠ TẦNG, CÔNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

1. Nhà ở, khu đô thị, kinh tế, công nghiệp

Toàn tỉnh có 246.270 nhà kiên cố trên tổng số 392.850 nhà, chiếm 63%, bảo đảm cho khoảng 1.230.000 người dân trú tránh an toàn; còn 37% là nhà bán kiên cố và đơn sơ tập trung vùng nông thôn, ven biển. Nhà bán kiên cố chỉ chịu được gió bão cấp 8, nhà đơn sơ chỉ chịu được gió bão cấp 6. Vì vậy, vùng nông thôn và ven biển khi xảy ra gió bão cấp 6 trở lên, các hộ gia đình nhà đơn sơ phải thực hiện sơ tán trước về nơi trú tránh an toàn. Vùng ven biển Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước và thành phố Quy Nhơn có hơn 36.000 người dân với 8.060 hộ cần có nhà ở kiên cố hoặc tái định cư về nơi an toàn. Cả tỉnh có 210.809 người cao tuổi, 755.105 phụ nữ là đối tượng đặc biệt quan tâm khi có thiên tai xảy ra

2. Cơ sở giáo dục, đào tạo

Toàn tỉnh có 624 trường học và 01 Trung tâm GDTX. Trong đó: có 218 trường mầm non, 203 trường tiểu học, 141 trường Trung học cơ sở; 51 trường Trung học phổ thông, 7 trường phổ thông cơ sở, 3 trường trung học, 1 trường có 3 cấp học và 01 Trung tâm GDTX tỉnh; có 02 trường Đại học: Trường Đại học Quy Nhơn, Đại học Quang Trung; có 03 trường Cao đẳng: Trường Cao đẳng Bình Định (sáp nhập trường Cao đẳng kỹ thuật công nghệ Quy Nhơn), trường Cao đẳng nghề Quy Nhơn, Cao đẳng Nghề Cơ điện - Xây dựng và Nông lâm Trung bộ (thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT); 11 Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên và một số Trung tâm đào tạo nghề phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh và khu vực. Hiện có 8.892 cán bộ giáo viên nữ, 57.107 học sinh mầm non, 128.996 học sinh tiểu học và 91.717 học sinh trung học cơ sở là đối tượng dễ bị tổn thương bởi mưa bão, lũ lụt.

3. Hệ thống bệnh viện, trung tâm y tế

Trên địa bàn tỉnh hiện có 186 cơ sở y tế khám chữa bệnh công lập thuộc tỉnh gồm: 22 bệnh viện (kể cả các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố), 05 phòng khám đa khoa khu vực và 159 trạm y tế xã, phường, thị trấn. Các cơ sở đủ điều kiện đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh nhân dân trong tỉnh và các tỉnh lân cận.

4. Hệ thống đường giao thông

Bình Định có đủ các loại hình giao thông gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường hàng không và đường biển, cụ thể như sau:

- Giao thông đường bộ: Mạng lưới đường bộ hiện nay trên địa bàn tỉnh dài 11.110,6km. Trong đó:

+ Quốc lộ có 05 tuyến (QL.1, QL.1D, QL.19, QL.19B và QL.19C) dài 305,9km; cụ thể: QL.1 dài 118,3 km (giáp Quảng Ngãi tại Km1125+00 thuộc thị xã Hoài Nhơn, giáp Phú Yên tại Km1243+300 thuộc thành phố Quy Nhơn); QL.1D dài 21,6 km (điểm đầu giáp QL.1 tại Km1121+300 thuộc thị trấn Diêu

Trì, huyện Tuy Phước, giáp Phú Yên tại Km21+600 thuộc thành phố Quy Nhơn); QL.19 dài 67,0 km (điểm đầu tại cảng Quy Nhơn đến giáp Gia Lai tại Km67+000 thuộc huyện Tây Sơn); QL.19B dài 59,7 km (có điểm đầu tại cảng nước sâu Nhơn Hội thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội, điểm cuối giao với QL.19 tại Km41+120 thuộc thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, hiện tại có 1,6km đầu tuyến thuộc khu kinh tế Nhơn Hội chưa được xây dựng); QL.19C dài 39,3km (điểm đầu giáp QL.1 tại Km1220+550, điểm cuối giáp Phú Yên tại Km39+300 thuộc huyện Vân Canh). Ngoài ra, tuyến QL.19 mới được đầu tư xây dựng hoàn thành dài 17,4 km (có điểm đầu tại cảng Quy Nhơn đến giao QL.1 tại Km1213+500); trong đó, có đoạn tuyến từ Km0-Km2+480 đi trùng với đường QL.19 (đường Đồng Đa).

+ Đường tỉnh có 11 tuyến dài 446,4km; cụ thể: tuyến ĐT.629 (Bồng Sơn-An Lão), ĐT.630 (Hoài Đức-Kim Sơn), ĐT.631 (Nhơn Hưng-Phước Thắng), ĐT.632 (Phù Mỹ-Bình Dương), ĐT.633 (Chợ Gồm-Đề Gi), ĐT.634 (Hòa Hội-Hội Sơn), ĐT.636 (Gò Bồi-Bình Nghi), ĐT.637 (Vườn Xoài-Vĩnh Sơn), ĐT.638 (Chương Hòa-Long Vân), ĐT.639 (Quy Nhơn-Tam Quan), ĐT.640 (Ông Đô-Cát Tiến).

+ Đường giao thông nông thôn gồm có 53 tuyến đường huyện dài 542,4km và các tuyến đường khác dài 9.169km.

+ Đường đô thị dài 613,4km, đường kết nối dài 18,5km và đường chuyên dùng dài 207km.

- Giao thông đường sắt: Có tuyến đường sắt Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh có chiều dài là 156,7km, bao gồm tuyến chính Bắc - Nam dài 146,3km, có 11 ga với ga chính là ga Diêu Trì; ngoài ra còn đoạn nối từ ga Diêu Trì đến ga Quy Nhơn có chiều dài 10,4km. Ga Quy Nhơn là ga hành khách nằm trong nội thành.

- Giao thông đường biển:

+ Bình Định có đường bờ biển dài 134km. Các bến cảng biển chính tập trung ở trong đầm Thị Nại, thành phố Quy Nhơn. Cụm cảng biển Quy Nhơn đóng vai trò quan trọng chiến lược về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (loại I), bao gồm các khu bến chức năng: Quy Nhơn - Thị Nại, Nhơn Hội và bến Tam Quan.

+ Luồng hàng hải Quy Nhơn có tổng chiều dài tuyến luồng là 6,3km; chiều rộng 110m; cao độ đáy đạt -11,0m; vũng quay trở tàu rộng 300m, đủ điều kiện cho các tàu có trọng tải 50.000 DWT giảm tải ra vào luồng Quy Nhơn an toàn.

- Giao thông đường hàng không:

+ Cảng Hàng không Phù Cát (CHK Phù Cát) cách trung tâm thành phố Quy Nhơn 30km về phía Tây Bắc, cách Quốc lộ 1 khoảng 1,5km về hướng Tây; đây là sân bay sử dụng chung dân dụng và quân sự, đạt cấp 4C, đáp ứng khả năng khai thác các loại tàu bay A321, B737 và tương đương. Nhà ga hành khách có diện tích 8.397m², năng lực phục vụ 600 hành khách giờ cao điểm, công suất thiết kế 1,2-1,5 triệu hành khách/năm, có khả năng mở rộng để nâng công suất lên 2,4 triệu hành khách/năm.

+ Theo quy hoạch định hướng đến năm 2030: đạt cấp sân bay 4E và sân bay quân sự cấp I, công suất 4 triệu hành khách/năm, 50.000 tấn hàng hóa/năm, có 12 vị trí đỗ tàu bay, đáp ứng khả năng khai thác các loại tàu bay code E trở xuống như B777, A320, A321 và tương đương. Nhà ga hành khách có công suất đạt 2,4 triệu hành khách/năm, đồng thời cải tạo nhà ga hành khách đến năm 2030 đạt 4 triệu hành khách/năm.

- Giao thông đường thủy nội địa: Hệ thống giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh gồm: vùng nội thủy dọc bờ biển dài 134 km có diện tích khoảng 3.216km²; đầm Thị Nại khoảng 50,6km²; đầm Đề Gi rộng khoảng 16km²; khu du lịch Hàm Hồ diện tích mặt nước khoảng 0,1km² (tổng diện tích khu du lịch 0,4km²); Hồ Núi Một diện tích mặt nước khoảng 0,8 km² (tổng diện tích 12km²); 4 con sông lớn tổng chiều dài 242km gồm: sông Hà Thanh, sông La Tinh, sông Lại Giang và sông Côn. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 01 tuyến Hải Cảng – Nhơn

Châu đang khai thác với tần suất 01 chuyến đi về/ngày, chiều dài 30 km, nối thành phố Quy Nhơn với xã đảo Nhơn Châu.

5. Hệ thống thủy lợi

Toàn tỉnh có 709 công trình thủy lợi. Trong đó có 163 hồ chứa nước, với tổng dung tích chứa là 592 triệu m³ nước; 278 đập dâng và 268 trạm bơm, bảo đảm tưới chắc cho diện tích canh tác 119.109 ha, (lúa 96.969 ha, màu 21.672 ha, nuôi trồng thủy sản và muối: 468 ha).

Qua rà soát, hiện trạng vẫn còn 36 hồ chứa bị hư hỏng, xuống cấp chưa được sửa chữa với tình trạng hư hỏng chủ yếu là thấm qua thân đập; mặt đập bị biến dạng, mái đập sạt lở; khẩu độ thoát lũ không đáp ứng yêu cầu, tràn đất bị xói lở; trong đó, có 12 hồ xuống cấp nghiêm trọng, nguy cơ mất an toàn trong mùa mưa năm 2022.

Toàn tỉnh đã xây dựng kiên cố được khoảng 334,9/712,1 km đê kè sông; 57,2/106,3 km đê kè cửa sông và 12,7/28,2 km đê kè biển. Cụ thể:

Đê kè sông: Tổng chiều dài khoảng 712,1 km, làm nhiệm vụ bảo vệ dân sinh và sản xuất tại những vùng xung yếu thường xuyên bị lũ lụt hoặc những đoạn sông cong bị xói lở. Đã được xây dựng kiên cố với tổng chiều dài khoảng 334,9 km (bằng 47% chiều dài đê kè), tập trung chủ yếu ở các sông lớn như sông Lại Giang, La Tinh, sông Côn, Hà Thanh và một số dòng suối chính; đê kè cửa sông: Tổng chiều dài 57,2/106,3 km đê kè cửa sông, tập trung chủ yếu ở cửa sông Tam Quan, cửa sông Lại Giang, cửa sông La Tinh và cửa sông Côn - Hà Thanh (đê Đông); đê biển: Đã kiên cố được 12,7/28,2 km đê kè biển.

Hệ thống đê, kè sông bảo vệ dân cư, sản xuất nông nghiệp, cơ sở hạ tầng những khu vực xung yếu vùng trung du, vùng đồng bằng dọc theo 4 sông lớn Lại Giang, La Tinh, sông Côn và Hà Thanh. Các tuyến đê được thiết kế với khả năng phòng chống lũ với tần suất 10% cho lũ sớm, lũ muộn, lũ tiểu mãn (riêng đê thuộc nội thành Quy Nhơn có tần suất 5%), lũ chính vụ chấp nhận cho tràn qua đê để phân lũ vào trong đồng. Khi mưa lũ lớn diện rộng, kết hợp với triều cường thì vùng hạ lưu của bốn sông lớn xảy ra ngập lụt. Hệ thống đê hiện có chỉ bảo đảm chống đỡ được với gió bão cấp 7 – 8 khi không có triều cường.

Toàn tỉnh có 5.065 km hệ thống kênh mương. Hàng năm lũ lụt gây sạt lở, bồi lấp kênh mương, không dẫn được nước tưới phục vụ sản xuất.

6. Hệ thống điện lưới

Hệ thống điện trong tỉnh được cấp từ hệ thống điện Quốc gia khu vực Miền Trung qua trạm biến áp 220 kV (Quy Nhơn, Phù Mỹ, Phước An) và 15 trạm biến áp 110 kV với tổng công suất 889 MVA trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; sau đó qua đường dây 22 kV đến các trạm phân phối 22/0,4 kV để cấp điện cho các phụ tải phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Lưới điện trung áp đã được đầu tư toàn bộ tại các xã, phường trong tỉnh; trong đó, có 159 phường, xã có điện lưới quốc gia.

Toàn tỉnh có 502 km đường dây cao thế 110 kV; 2.832 km đường dây 22kV và 4.832 km đường dây hạ thế; 15 trạm biến áp 110 kV với công suất trung bình đạt 368 MW; có 4.536 trạm biến áp phân phối điện.

Trên địa bàn tỉnh Bình Định hiện có 3 dự án điện gió đã vận hành phát điện với tổng công suất 77,4 MW; 05 dự án điện mặt trời vận hành phát điện với tổng công suất là 415,5 MWp và 09 nhà máy thủy điện đang vận hành phát điện với tổng công suất là 158,9 MW (*Số dự án trên chưa tính đến dự án thủy điện An Khê-Ka Nak, có cụm đầu mối thuộc địa bàn tỉnh Gia Lai, chỉ có nhà máy thủy điện An Khê nằm trên địa bàn tỉnh Bình Định với có công suất lắp máy 160MW đang vận hành phát điện*). Các nhà máy điện vận hành phát điện đã góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, giải quyết việc làm cho người lao động và tăng thu ngân sách đáng kể cho địa phương.

Hiện nay còn 01 dự án điện gió, công suất 30MW đã thi công xong nhưng chưa hoàn thành kịp các quy trình nghiệm thu, thử nghiệm trước ngày 01/11/2021 để đưa vào vận hành phát điện thương mại; 01 dự án điện mặt trời giai đoạn 2, với quy mô công suất 114MWp đã thi công hoàn thành nhưng chưa có quy định mới để đưa vào vận hành.

Đối với các dự án thủy điện đã có tác động tích cực trong việc góp phần duy trì điều hòa dòng chảy về hạ du vào mùa kiệt nhằm phục vụ cho các nhu cầu cấp nước sinh hoạt, sản xuất, thủy lợi, ... Nhiều dự án thủy điện hoàn thành góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn vùng sâu, vùng xa phục vụ đời sống, sản xuất của người dân nông thôn, nhất là hệ thống giao thông giữa các khu vực lân cận. Nhiều tuyến đường vành đai nối liền các xã miền núi, tạo điều kiện thuận lợi giao thương giữa các vùng, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội.

Hệ thống điện trong tỉnh đang vận hành an toàn, bảo đảm cung cấp điện ổn định. Tuy nhiên, cần quan tâm bảo trì, nâng cấp hệ thống điện để bảo đảm vận hành an toàn trong mùa mưa bão.

7. Hệ thống nước sinh hoạt

- Hệ thống cấp nước đô thị và khu công nghiệp:

Đến năm 2022, tổng công suất thiết kế các nhà máy cấp nước tại các đô thị đạt 100.630 m³/ngày.đêm (tăng 14.698 m³/ngày.đêm so với cuối năm 2019), tổng công suất khai thác nước sạch tại các đô thị và khu công nghiệp đạt 86.154 m³/ngày.đêm (đạt 85,6% tổng công suất thiết kế), tăng 12.765m³/ngày.đêm so

với cuối năm 2019 (tăng 13,58%). Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch đạt 80,06%, (năm 2021).

- Hệ thống cấp nước nông thôn:

Trên địa bàn tỉnh có 129 công trình cấp nước tập trung vùng nông thôn, tổng công suất thiết kế 47.449 m³/ngày.đêm, cấp nước cho 80.800/105.662 hộ, đạt 76,5%. Trong đó: 106 công trình có công nghệ xử lý đơn giản (lắng, lọc), chủ yếu là các công trình cấp nước phục vụ cho vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số và 23 công trình có công nghệ xử lý nước hoàn chỉnh, công suất thiết kế 34.028 m³/ngày.đêm (chiếm 72,58% tổng công suất), cấp nước cho 73.445 hộ (chiếm 69,5%), tập trung ở vùng trung du, đồng bằng và ven biển.

Tổng số hộ dân nông thôn là 308.321 hộ, trong đó, tổng số hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh là 305.704 hộ, đạt 99,1% bao gồm: 90.117 hộ được sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung đạt 29,2% (trong đó, có 12.440 hộ sử dụng nước từ các công trình cấp nước đô thị và 77.677 hộ sử dụng nước từ các công trình cấp nước tập trung nông thôn); 215.587 hộ sử dụng nước từ cấp nước nhỏ lẻ bằng giếng khoan, giếng đào chiếm 69,92%. Phấn đấu đến 2025 sử dụng nước đáp ứng theo QCVN 02:2009/BYT của Bộ Y tế đạt 40%.

Trong 129 công trình có 16 công trình hoạt động bền vững (chiếm 12,4%), 01 công trình hoạt động tương đối bền vững (chiếm 0,8%), 79 công trình hoạt động kém bền vững (chiếm 61,2%) và 33 công trình không hoạt động (chiếm 25,6% các công trình, đã được công trình mới thay thế, không còn vai trò cấp nước). Hiện tại có 92 công trình cấp nước không đạt chất lượng theo quy định.

Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh chưa thật sự ổn định, thường biến động, chịu ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai.

8. Hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn

Hiện nay, hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh gồm có hệ thống trạm quan trắc của ngành Khí tượng thủy văn Quốc gia và mạng lưới các trạm quan trắc tự động lượng mưa, mực nước chuyên dùng (cho công tác phòng chống thiên tai, quản lý công trình thủy lợi, thủy điện).

Hệ thống trạm quan trắc ngành Khí tượng thủy văn Quốc gia đang vận hành gồm: 01 trạm hải văn Quy Nhơn (tự động), 06 trạm thủy văn (04 tự động gồm trạm An Hòa, Bồng Sơn Vĩnh Hiệp, Bình Nghi và 02 trạm thủy văn thủ công gồm trạm An Lão và Vĩnh Sơn), 07 trạm khí tượng (trạm Quy Nhơn, An Nhơn, Hoài Nhơn, Hoài Đức, Phù Mỹ, Tây Thuận, Canh Thuận), 01 trạm cảnh báo dông sét Quy Nhơn, 01 rada thời tiết Quy Nhơn, cùng với 27 trạm quan trắc tự động lượng mưa.

Mạng lưới các trạm quan trắc tự động lượng mưa chuyên dùng hiện có 74 trạm trên các lưu vực sông trên địa bàn tỉnh, như sau: Trên lưu vực sông Côn - Hà Thanh có 35 trạm/ diện tích lưu vực 3.809 km² (mật độ 109 km²/1 trạm); lưu vực sông La Tinh có 14 trạm/ diện tích lưu vực 780 km² (mật độ 56 km²/1 trạm); lưu vực sông Lại Giang có 22 trạm/ diện tích lưu vực 1.402 km² (mật độ 64 km²/1 trạm), lưu vực đầm Trà Ổ có 02 trạm và 01 trạm ở xã đảo Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn.

Về trạm quan trắc tự động mực nước chuyên dùng hiện có 40 trạm: Trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh có 15 trạm, lưu vực sông La Tinh có 13 trạm, lưu vực sông Lại Giang có 12 trạm. Trong 40 trạm trên, có 21 trạm quan trắc mực nước sông (sông Kôn 8 trạm, sông Hà Thanh 4 trạm, sông La Tinh 06 trạm, sông Lại Giang 3 trạm) và 19 trạm quan trắc tự động mực nước hồ chứa.

Phần mềm “Hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc tự động lượng mưa, mực nước chuyên dùng tỉnh Bình Định” đã được xây dựng, do Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy về Phòng chống thiên tai quản lý vận hành. Dữ liệu quan trắc mưa, mực nước được chia sẻ công khai trên trang Thông tin điện tử của Văn phòng tại địa chỉ <https://quantrac.pcttbinhdinh.gov.vn/> và <https://vrain.vn/>

9. Hệ thống thông tin liên lạc và truyền tin cảnh báo thiên tai

- Hệ thống thông tin liên lạc: Hiện nay, hệ thống cơ sở hạ tầng để bảo đảm công tác thông tin liên lạc đã bao phủ 100% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, hệ thống viễn thông với: trạm thông tin di động (trạm BTS) là 1.575 trạm; tổng số thuê bao điện thoại (kể cả di động và cố định) là 1.396.381 thuê bao; cột treo cáp khoảng 8.835 tuyến cáp treo với tổng chiều dài khoảng 5.889 km, cáp ngầm có khoảng 2.110 tuyến với tổng số chiều dài khoảng 1.989km; Mạng Internet triển khai rộng khắp với công nghệ FTTH (FTTx), truy nhập Internet tốc độ cao bằng cáp quang đến tận thuê bao; điểm cung cấp dịch vụ viễn thông có khoảng 478 điểm.

- Ngoài ra, trước và trong khi có thiên tai các doanh nghiệp viễn thông luôn chủ động điều động các xe lưu động thông tin di động GSM (03 xe, bao gồm: VNPT Bình Định: 01 xe, Chi nhánh Viettel: 01 xe, Chi nhánh Mobifone: 01 xe); sử dụng các hệ thống thông tin liên lạc qua vệ tinh Inmarsat, máy liên lạc vô tuyến sóng ngắn Codan và các phương tiện về ô tô, xe máy, nhiên liệu, vật liệu phục vụ cho hoạt động đảm bảo mạng lưới Viễn thông, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt trong mọi tình huống, đảm bảo thống nhất việc chỉ đạo, điều hành và phối hợp chặt chẽ giữa Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (PCTT&TKCN) của ngành Thông tin và Truyền thông, các đơn vị, doanh nghiệp; huy động mọi lực lượng, phương tiện về bưu chính, viễn thông trên địa bàn để đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ PCTT&TKCN từ tỉnh đến cơ sở, hạn chế đến mức thấp nhất việc gián đoạn thông tin liên lạc trong quá trình PCTT&TKCN.

- Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Báo Bình Định, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao các huyện, thị xã, thành phố, Đài truyền thanh cơ sở thực hiện tốt công tác phổ biến các kiến thức về tình hình diễn biến thiên tai bất thường, biến đổi khí hậu để tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về PCTT&TKCN đến người dân; Phổ biến kiến thức, kinh nghiệm, gương điển hình trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Hệ thống truyền tin của Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và Phòng thủ dân sự các cấp qua fax, email; hệ thống liên lạc tàu cá qua sóng radio của Đài Thông tin duyên hải Quy Nhơn và Trạm bờ Quy Nhơn (Chi cục Thủy sản); hệ thống phát thanh - truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định và các địa phương, các kênh thông tin báo chí.

Thông tin thiên tai thường xuyên cập nhật trên website Văn phòng thường trực về Phòng, chống thiên tai Bình Định <https://pcttbinhdinhh.gov.vn>, trang Facebook Thông tin Phòng chống thiên tai Bình Định.

10. Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, lũ

- Toàn tỉnh có 03 khu neo đậu tránh trú bão: Khu vực Đàm Thị Nại (thành phố Quy Nhơn và huyện Tuy Phước), khu vực đầm Đề Gi (huyện Phù Cát, Phù Mỹ) và khu vực Tam Quan (huyện Hoài Nhơn).

- Khu vực thành đầm Thị Nại neo đậu khoảng 2.400 tàu tại 4 vùng nước. Đầm Đề Gi (huyện Phù Cát và Phù Mỹ), neo đậu khoảng 2.000 tàu cá. Khu vực huyện Hoài Nhơn có cảng Tam Quan Bắc, neo đậu khoảng 1.200 tàu.

III. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Do vị trí địa lý, đặc điểm địa hình, địa mạo cùng với tác động biến đổi khí hậu toàn cầu, tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh diễn ra hết sức phức tạp và có xu thế ngày càng gia tăng về số lượng cũng như mức độ khốc liệt. Các loại hình thiên tai thường xuất hiện ở Bình Định là áp thấp nhiệt đới (ATNĐ), bão, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, dông, sét, lốc, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất, ... Đặc biệt là loại hình thiên tai do bão, lũ, mưa lớn xảy ra hàng năm gây ra nhiều thiệt hại và ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân trong tỉnh.

Thiệt hại do thiên tai gây ra từ năm 1999 đến năm 2021 trên địa bàn tỉnh đã làm 478 người chết, 353 người bị thương, 8.285 nhà bị sập, 363.304 nhà dân bị tốc mái, hư hỏng. Tổng ước tính thiệt hại hơn 12.515 tỷ đồng.

1. Bão và áp thấp nhiệt đới

- Thường xuất hiện vào mùa mưa từ tháng 9 - 12. Trung bình mỗi năm chịu tác động trực tiếp của 1 - 2 cơn bão. Khi vào đất liền, bão gây gió mạnh tới cấp 11 - 12. Theo phân vùng của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bão đổ bộ vào Bình Định có thể tới cấp 16. Bão thường gây mưa từ 200 - 300 mm trong 2 - 3 ngày.

- Từ năm 1975 đến nay đã quan trắc được gió, tốc độ gió bão 40 m/s tại Quy Nhơn, An Nhơn, Hoài Nhơn (năm 1984, 1995). Trước năm 1975, đã quan trắc được gió bão 59 m/s tại Quy Nhơn vào ngày 16/9/1972. Hướng gió mạnh ở phía Bắc tỉnh chủ yếu là Bắc đến Tây Bắc; phía Nam tỉnh hướng Tây, Bắc và Tây Bắc. Gió mạnh thường xuất hiện tại vị trí bão đổ bộ không có địa hình che chắn; tại khe núi, thung lũng gió cũng mạnh hơn. Khi đổ bộ vào đất liền, bão thường gây mưa từ 200 - 300 mm trong 2 - 3 ngày; bán kính 100 - 200 km; phía Bắc tỉnh vùng An Lão, Hoài Ân thường mưa nhiều hơn. Khi kết hợp với không khí lạnh, diện mưa sẽ mở rộng, thời gian mưa tới 5 - 6 ngày, lượng mưa có thể 700mm. Đặc biệt, nơi có địa hình đón gió bão thường có mưa rất lớn.

2. Lũ, ngập lụt, lũ quét

- Lũ lụt xảy ra trên phạm vi rộng, bình quân mỗi năm xảy ra 3 đến 4 đợt lũ. Năm nhiều nhất có 8 đợt lũ (1999), năm ít nhất có 2 trận lũ (2004). Lũ lụt phổ biến nhất là lũ chính vụ xuất hiện vào tháng 10, 11. Lũ tiểu mãn xuất hiện vào cuối tháng 5. Lũ sớm xuất hiện vào tháng 9 và lũ muộn xuất hiện vào tháng 12. Thời gian mưa gây lũ mỗi đợt thường từ 2 - 3 ngày có đợt lên đến 5 ngày. Tổng

lượng mưa từ 200 - 300 mm, có đợt lên đến 400 - 750 mm. Đợt lũ lịch sử từ ngày 14 - 17/11/2013 lượng mưa phổ biến từ 250 - 450mm. Tổng lượng dòng chảy trong mùa lũ chiếm tới 70% lượng dòng chảy cả năm. Thời kỳ đầu mùa lũ với lượng mưa trung bình trên lưu vực xấp xỉ 50 mm, làm mực nước trên các sông dao động tăng hoặc có lũ nhỏ. Lũ ở mức báo động I - II xuất hiện khi trên lưu vực có lượng mưa từ 100 - 150 mm; lượng mưa trên lưu vực từ 150 - 250 mm, mực nước các sông ở hạ lưu xấp xỉ hoặc vượt báo động III. Qua số liệu thống kê nhiều trận lũ trong nhiều năm, lượng mưa gây lũ trung bình thường từ 130 - 200 mm. Tổng lượng dòng chảy mùa lũ chiếm tới 70% lượng dòng chảy năm.

- Từ tháng 9 đến tháng 12 hằng năm là thời kỳ mưa lũ ở tỉnh Bình Định, mưa lớn tập trung từ tháng 10 đến tháng 12. Có 03 loại hình thái thời tiết gây mưa lũ trên địa bàn tỉnh, đó là:

+ Khi có bão, ATNĐ đổ bộ vào đất liền hoặc ảnh hưởng trực tiếp như di chuyển dọc theo bờ biển, hoặc đổ bộ vào phía Bắc tỉnh Quảng Ngãi, phía Nam tỉnh Phú Yên. Đi kèm với bão thường có các đợt mưa to trước và sau bão, ATNĐ.

+ Khi có gió mùa Đông - Bắc cường độ mạnh tràn về kết hợp với hoàn lưu của bão, ATNĐ. Đây là hình thái thời tiết có xu thế gây mưa to, lũ lớn trên đất liền.

+ Khi dải hội tụ nhiệt đới hoạt động ở phía Nam Biển Đông, đồng thời ở phía Bắc có gió mùa hoặc tín phong Đông Bắc hoạt động và di chuyển xuống phía Nam. Hình thái thời tiết này thường gây ra mưa lớn, kéo dài nhiều ngày.

- Các cơn lũ lớn điển hình năm 1999, 2007, 2009, 2011, 2013, 2017, 2020 trên địa bàn tỉnh đều do các hình thái kết hợp nêu trên gây ra.

- Năm 2009, 2013, 2016, 2020, 2021 đã xảy ra lũ quét, lũ lịch sử, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội. Thiệt hại do lũ và lũ quét làm cho 117 người chết, 107 người bị thương, nhiều cơ sở hạ tầng bị hư hại, tổng thiệt hại kinh tế lên đến 6.704 tỷ đồng. Những năm gần đây, do ảnh hưởng của mưa có cường suất cao, lũ quét có khả năng xuất hiện ngày càng nhiều với mức độ khác nhau. Lũ quét thường phát sinh bất ngờ, xảy ra trong phạm vi hẹp nhưng sức tàn phá lớn và gây ra những tổn thương nghiêm trọng về người và tài sản, ảnh hưởng đến cuộc sống của nhân dân ở khu vực ven các sông, suối.

3. Khô hạn, sạt lở đất

- Khô hạn xảy ra khi tháng 1 - 8 có lượng mưa ít, thiếu hụt từ 50 - 70% so với lượng mưa trung bình nhiều năm cùng kỳ, nhiệt độ cao, độ ẩm thấp. Hầu hết các lưu vực sông thường xảy ra khô hạn khi nắng nóng kéo dài. Các năm 1983, 1987, từ 1991 - 1993, 1998, 2014 - 2020, hạn hán liên tục xảy ra.

- Trong những năm gần đây, sạt lở đất, đá xảy ra phổ biến trong tỉnh. Khi có tác động của bão mạnh, mưa lớn, lũ lụt thì xảy ra sạt lở đất, đá. Đầu tháng 11/2021 lượng mưa trung bình 652 mm. Trên các vùng núi, trung du và đồng bằng ven biển đã sạt lở đất, đá nghiêm trọng. Rủi ro thiên tai do sạt lở cấp độ 1.

Sạt lở đất, đá tại 8 địa phương. Vùng núi xảy ra tại huyện An Lão (An Vinh), Vân Canh (Canh Liên). Vùng trung du tại Tây Sơn (Bình Tường), Hoài Ân (Ân Thạnh). Vùng đồng bằng ven biển tại Hoài Nhơn (Hoài Mỹ), Phù Mỹ (Mỹ Thọ), Phù Cát (Cát Thành, Cát Minh) và thành phố Quy Nhơn (Đồng Đa, Quang Trung).

4. Khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai

a. Đối với bão, áp thấp nhiệt đới

- Vùng bị ảnh hưởng gió bão:

Bảng 1: Vùng có nguy cơ ảnh hưởng của gió bão

TT	Địa phương	Số xã	Xã, phường, thị trấn ảnh hưởng
01	Quy Nhơn	19	Nhơn Lý, Nhơn Hải, Nhơn Châu, Phước Mỹ, Nhơn Phú, Quang Trung, Thị Nại, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Trần Quang Diệu, Lê Lợi, Nguyễn Văn Cừ, Ngô Mây, Nhơn Bình, Bùi Thị Xuân, Đồng Đa, Ghềnh Ráng, Hải Cảng, Lê Hồng Phong.
02	An Nhơn	17	Phường Bình Định, Đập Đá, Nhơn Hưng, Nhơn An, Nhơn Phong, Nhơn Hạnh, Nhơn Thành, Nhơn Hậu, Nhơn Mỹ, Nhơn Phúc, Nhơn Khánh, Nhơn Hòa, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Tân.
03	Hoài Nhơn	17	Tam Quan Bắc, Hoài Mỹ, Hoài Xuân, Hoài Châu Bắc, Tam Quan Nam, Hoài Hương, Hoài Đức, Hoài Sơn, Hoài Châu, Hoài Phú, Hoài Hảo, Tam Quan, Hoài Thanh, Bồng Sơn, Hoài Hải, Hoài Tân, Hoài Thanh Tây.
04	Phù Cát	18	Cát Chánh, Cát Sơn, Cát Lâm, TT. Ngô Mây, Cát Hiệp, Cát Hanh, Cát Trinh, Cát Tân, Cát Tường, Cát Nhơn, Cát Thắng, TT. Cát Tiến, Cát Hải, Cát Hưng, Cát Tài, Cát Minh, Cát Khánh, Cát Thành.
05	Phù Mỹ	10	Mỹ Tài, Mỹ Cát, Mỹ Chánh, Mỹ Thọ, Mỹ Thành, Mỹ An, Mỹ Thắng, Mỹ Đức, Mỹ Châu, Mỹ Lợi.
06	Tuy Phước	13	Phước Thắng, Phước Hòa, Phước Sơn, Phước Thuận, Phước Nghĩa, Phước Hiệp, Phước Hưng, Phước Quang, Phước Lộc, Phước Thành, Phước An, TT. Diêu Trì, TT. Tuy Phước.
07	Vân Canh	7	Canh Vinh, Canh Hiền, Canh Hiệp, Canh Thuận, Canh Hòa, Canh Liên, TT Vân Canh.
08	Vĩnh Thạnh	9	Vĩnh Hòa, Vĩnh Quang, Vĩnh Thuận, Vĩnh Kim, Vĩnh Sơn, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Hảo, Vĩnh Thịnh, TT. Vĩnh Thạnh.
09	Hoài Ân	10	Ân Nghĩa, Ân Hữu, Ân Tường Tây, Ân Tường Đông, Ân Đức, Ân Thạnh, Ân Mỹ, Ân Tín, Ân Hảo Tây, Ân Hảo Đông.
10	An Lão	10	An Hòa, An Tân, An Quang, An Hưng, TT An Lão, An Trung, An Dũng, An Vinh, An Nghĩa, An Toàn.
11	Tây Sơn	14	Bình Hòa, Bình Nghi, Bình Tân, Bình Thành, Bình Thuận, Bình Tường, Tây An, Tây Bình, Tây Giang, Tây Phú, Tây Thuận, Tây Vinh, Tây Xuân, Vĩnh An.
Tổng cộng		144	

- Vùng bị ảnh hưởng do nước biển dâng do bão:

Bảng 2: Vùng có nguy cơ ảnh hưởng do nước biển dâng do bão

TT	Cấp huyện	Số xã	Xã, phường, thị trấn ảnh hưởng
01	Quy Nhơn	3	Nhon Lý, Nhơn Hải, Nhơn Châu.
02	Hoài Nhơn	8	Hoài Châu Bắc, Hoài Mỹ, Tam Quan Bắc, Hoài Xuân, Tam Quan Nam, Hoài Thanh, Hoài Hương, Hoài Hải.
03	Tuy Phước	4	Phước Thắng, Phước Hòa, Phước Sơn, Phước Thuận.
04	Phù Cát	5	Cát Thành, Cát Khánh, Cát Minh, Cát Hải, Cát Tiến
05	Phù Mỹ	6	Mỹ Cát, Mỹ Thọ, Mỹ Thành, Mỹ An, Mỹ Thắng, Mỹ Đức
Tổng cộng		26	

b. Đối với lũ lụt

Bảng 3: Vùng có nguy cơ ảnh hưởng lũ lụt

TT	Cấp huyện	Số xã	Xã, phường, thị trấn ảnh hưởng
1	Quy Nhơn	5	Phước Mỹ, Bùi Thị Xuân, Trần Quang Diệu, Nhơn Bình, Nhơn Phú.
2	An Nhơn	15	Phường Bình Định, Đập Đá, Nhơn Hưng, Nhơn An, Nhơn Phong, Nhơn Hạnh, Nhơn Thành, Nhơn Hậu, Nhơn Mỹ, Nhơn Phúc, Nhơn Khánh, Nhơn Hòa, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Nhơn Tân.
3	Hoài Nhơn	17	Tam Quan Bắc, Hoài Mỹ, Hoài Xuân, Hoài Châu Bắc, Tam Quan Nam, Hoài Hương, Hoài Đức, Hoài Sơn, Hoài Châu, Hoài Phú, Hoài Hảo, Tam Quan, Hoài Thanh, Bồng Sơn, Hoài Hải, Hoài Tân, Hoài Thanh Tây.
4	Phù Cát	17	Cát Chánh, Cát Sơn, Cát Lâm, TT. Ngô Mỹ, Cát Hiệp, Cát Hạnh, Cát Trinh, Cát Tân, Cát Tường, Cát Nhơn, Cát Thắng, TT. Cát Tiến, Cát Hưng, Cát Tài, Cát Minh, Cát Khánh, Cát Thành.
5	Phù Mỹ	9	Mỹ Tài, Mỹ Cát, Mỹ Chánh, Mỹ Thọ, Mỹ Thành, Mỹ Thắng, Mỹ Châu, Mỹ Lợi, Mỹ Hiệp.
6	Tuy Phước	13	Phước Thắng, Phước Hòa, Phước Sơn, Phước Thuận, Phước Nghĩa, Phước Hiệp, Phước Hưng, Phước Quang, Phước Lộc, Phước Thành, Phước An, TT. Điều Trị, TT. Tuy Phước.
7	Vân Canh	7	Canh Vinh, Canh Hiền, Canh Hiệp, Canh Thuận, Canh Hòa, Canh Liên, TT Vân Canh.
8	Vĩnh Thạnh	7	Vĩnh Hòa, Vĩnh Quang, Vĩnh Thuận, Vĩnh Kim, Vĩnh Sơn, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Thịnh.
9	Hoài Ân	10	Ân Nghĩa, Ân Hữu, Ân Tường Tây, Ân Tường Đông, Ân Đức, Ân Thạnh, Ân Mỹ, Ân Tín, Ân Hảo Tây, Ân Hảo Đông.
10	An Lão	3	An Hòa, An Tân, TT An Lão
11	Tây Sơn	12	Bình Hòa, Bình Nghi, Bình Thành, Bình Tường, Tây An, Tây Bình, Tây Giang, Tây Phú, Tây Thuận, Tây Vinh, Tây Xuân, TT Phú Phong.
Tổng cộng		115	

c. Đối với sạt lở đất: Theo báo cáo số 112/BC-BCH ngày 15/01/2021 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh về kết quả khảo sát các khu vực có nguy cơ sạt lở đất, đá trên địa bàn tỉnh:

- Nguy cơ sạt lở cao: 12 khu vực.

+ Huyện Hoài Ân 04 khu vực: Khu vực thôn Bình Hòa Bắc, xã Ân Hảo Đông; Khu vực thôn Đồng Nhà Mười, xã Ân Sơn; Khu vực điểm cao 182, thôn Phú Ninh, xã Ân Nghĩa; Khu vực điểm cao 318, thôn Nhơn Sơn, xã Ân Nghĩa.

+ Huyện An Lão 03 khu vực: Khu vực núi Đá, thôn Trà Cong, xã An Hòa; Khu vực núi Đá Chồng, thôn Vạn Long, xã An Hòa; Khu vực đèo Đá Cạnh, thị trấn An Lão.

+ Huyện Vĩnh Thạnh 02 khu vực: Khu vực thôn 03, xã Vĩnh Kim; Khu vực điểm cao 130, thôn Đắc Tra, xã Vĩnh Kim.

+ Thành phố Quy Nhơn 02 khu vực: Khu vực núi Một, khu phố 1, phường Đống Đa; Khu vực hóc Bà Bép, tổ 27, khu phố 5, phường Đống Đa.

+ Huyện Phù Cát 01 khu vực: Khu vực núi Gành, thôn Đức Phổ 1, xã Cát Minh.

Đặc điểm: Các khu vực trên có độ dốc lớn, bề mặt nền đất phần lớn là đá tảng, đá mồ côi; nền đất yếu, thiếu ổn định, một số khu vực đã xảy ra hiện tượng rạn nứt, sụt lún và di chuyển của nền đất ... ảnh hưởng lớn đến các hộ dân định cư, sinh sống dưới chân núi. Bên cạnh đó, bề mặt nền đất có sự thay đổi kết cấu do tác động từ hoạt động khai thác, sản xuất của nhân dân, phần lớn diện tích trồng cây công nghiệp (keo lai), diện tích còn lại là rừng ngoài sản xuất (cơ bản là cây nhỏ, thưa, chủ yếu thân dây leo); một số khu vực nhân dân tự ý san ủi, mức đất để mở rộng phạm vi sinh sống, xây dựng nhà trái phép trên nền đất gỏi ... đã tác động kết cấu địa lý của địa hình.

- Nguy cơ sạt lở thấp: 16 khu vực.

+ Thành phố Quy Nhơn 04 khu vực: Khu vực tổ 1 và tổ 7, thôn Lý Chánh, xã Nhơn Lý; Khu vực gành Hải Bắc, thôn Hải Bắc, xã Nhơn Hải; Khu vực tổ 50, khu phố 6; tổ 61, khu phố 7, phường Quang Trung; Khu vực tổ 15B, khu phố 3, phường Ghềnh Ráng.

+ Huyện An Lão 03 khu vực: Khu vực Trụ sở thôn Thuận Hòa đến núi Đầu Voi, xã An Tân; Khu vực núi Hòn Mây, thôn 5, xã An Vinh; Khu vực núi Hòn Chiêng 1, thôn 5, xã An Nghĩa.

+ Huyện Vĩnh Thạnh 03 khu vực: Khu vực thôn 05, xã Vĩnh Kim; Khu vực thôn Suối Cát, xã Vĩnh Sơn; Khu vực thôn M3, xã Vĩnh Thịnh.

+ Huyện Hoài Ân 01 khu vực: Khu vực núi Chợ, thị trấn Tăng Bạt Hổ.

+ Thị xã Hoài Nhơn 01 khu vực: Khu vực núi Nhiệm, thôn Hy Tường, xã Hoài Sơn.

+ Huyện Phù Mỹ 01 khu vực: Khu vực núi Đầu Voi, thôn Hòa Nghĩa, xã Mỹ Hiệp.

+ Thị xã An Nhơn 01 khu vực: Khu vực núi Ông Dài, Thọ Tân Bắc, xã Nhơn Tân.

+ Huyện Tuy Phước 01 khu vực: Khu vực xóm 4, thôn Cảnh An, xã Phước Thành.

+ Huyện Tây Sơn 01 khu vực: Khu vực điểm cao 85, thôn Hòa Sơn, xã Bình Tường.

Đặc điểm: Nền địa chất các khu vực trên cơ bản ổn định, chưa có hiện tượng rạn nứt, biến dạng; bề mặt nền đất ở một số khu vực thay đổi về kết cấu do hoạt động sản xuất và khai thác đá của nhân dân. Đến thời điểm hiện tại, các khu vực trên tính chất nguy hiểm không cao, nếu xảy ra sạt lở chỉ ở mức độ nhỏ, cục bộ, khả năng ảnh hưởng đến nhân dân thấp, nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ khi có diễn biến xấu, cực đoan của thời tiết.

- Sạt lở gây chia cắt giao thông: 07 khu vực.

+ Huyện An Lão 03 khu vực: Đường giao thông mới từ xã An Trung đi xã An Vinh; Đường giao thông từ xã An Quang đi xã An Toàn; Đường giao thông từ ngã ba Ghề (ngã ba đường đi xã An Toàn và xã An Nghĩa) đến thôn 3, xã An Nghĩa.

+ Huyện Vĩnh Thạnh 02 khu vực: Đường giao thông ĐH33 từ đập hồ Định Bình đến xã Vĩnh Sơn; Đường giao thông từ ngã 3 đèo Vĩnh Sơn đến thôn Đăk Tra, O5, O3, O2, Kon Trú, xã Vĩnh Kim.

+ Huyện Vân Canh 02 khu vực: Đường giao thông từ Ngã ba Cà Te đi các thôn Cà Nâu, Cà Bưng, Cà Bông, xã Canh Liên; Đường giao thông từ làng Canh Giao, xã Canh Hiệp đến thôn Đa Lộc, xã Xuân Lãnh, huyện Đông Xuân, tỉnh Phú Yên.

Đặc điểm: Các khu vực trên cơ bản là đường giao thông độc đạo đến địa bàn các thôn, xã vùng sâu của huyện; ta luy dương là các sườn núi có độ dốc lớn, ta luy âm phần lớn là vực sâu; dọc hai bên đường là nương rẫy, rừng trồng cây lâm nghiệp (keo lai) và rừng tự nhiên; có nhiều khe suối cạn từ đỉnh núi xuống mặt đường. Do nhiều yếu tố tác động, nên bề mặt nền đất các khu vực trên có độ liên kết không cao, đất đá thường theo khe suối đổ xuống đường giao thông khi có mưa, lũ. Tiềm ẩn các khu vực trên đã xảy ra sạt lở ở nhiều điểm, gây chia cắt giao thông, cô lập một số thôn, xã trên địa bàn.

- Mưa, lũ năm 2021 đã gây ra 16 điểm sạt lở đất, đá:

+ Thành phố Quy Nhơn có 04 điểm: đầu đường Nguyễn Tất Thành, khu chung cư Hưng Thịnh, Quốc lộ 1D tại khu vực 3 phường Ghềnh Ráng, chân núi Bà Hòa.

+ Huyện Phù Cát có 02 điểm: vùng núi Cẩm, xã Cát Thành; vùng núi Gành, xã Cát Minh.

+ Thị xã Hoài Nhơn có 01 điểm tại đèo Lộ Diêu, xã Hoài Mỹ.

+ Huyện Phù Mỹ có 01 điểm tại xã Mỹ Thọ.

+ Huyện An Lão có 03 điểm sạt lở lớn (01 khu dân cư và 02 đường giao thông) tại xã An Trung, An Dũng và An Toàn.

+ Huyện Vân Canh có 01 điểm sạt lở trên tuyến đường đi xã Canh Liên.

+ Huyện Hoài Ân có 02 điểm sạt lở nghiêm trọng tại thôn Ân Thạnh 1 và thôn Phú Văn, xã Ân Thạnh.

+ Huyện Tây Sơn có 02 điểm sạt lở tại núi Cây Da, xã Bình Tường và Núi Trang Dài, xã Tây Phú.

d. Xu thế thời tiết từ tháng 9 đến hết năm 2022: Theo bản tin Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Bình Định ngày 15/8/2022:

Dự báo từ nay cho tới hết năm 2022, trên khu vực Biển Đông có khả năng xuất hiện khoảng 08 - 10 cơn bão và áp thấp nhiệt đới. Có khoảng 03 - 05 cơn ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta; trong đó Bình Định chịu ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp 01 - 02 cơn bão.

Từ tháng 10-11/2022, khu vực Bình Định dự báo lượng mưa cao hơn TBNN, cảnh báo nguy cơ cao xảy ra mưa lớn dồn dập.

- Tháng 9/2022, tổng lượng mưa phổ biến xấp xỉ so với TBNN với xác suất khoảng 60-70% (Lượng mưa TBNN tháng 9: vùng đồng bằng từ 200 – 270mm, vùng núi phía bắc tỉnh 320mm).

- Tháng 10/2022, tổng lượng mưa phổ biến cao hơn từ 20-50% với xác suất khoảng 80-90% (Lượng mưa TBNN tháng 10 từ 450 - 600mm, riêng vùng núi phía bắc tỉnh 700mm).

- Tháng 11/2022, tổng lượng mưa phổ biến cao hơn từ 30-50%, có nơi trên 50% so với TBNN cùng thời kỳ với xác suất khoảng 80-90% (Lượng mưa TBNN tháng 11 từ 450 – 580mm, riêng vùng núi phía bắc tỉnh 780mm).

- Tháng 12/2022, tổng lượng mưa phổ biến cao hơn từ 15-30% với xác suất khoảng 60-70% (Lượng mưa TBNN tháng 12 từ 150 – 230mm, riêng vùng núi 390mm).

Từ tháng 9 đến tháng 12/2022, mực nước trên các sông tương đương TBNN, khả năng xuất hiện 2 - 3 đợt lũ lớn. Đỉnh lũ cao nhất trên các sông phổ biến ở mức báo động 2 - 3, có sông trên báo động 3. Trên các sông suối nhỏ, vùng thượng lưu các sông khả năng xuất hiện lũ lớn, lũ quét và sạt lở đất.

PHẦN III NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

I. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ

1. Về Chỉ huy ứng phó các cấp độ rủi ro thiên tai

Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó rủi ro thiên tai (rủi ro thiên tai được phân thành 05 cấp tăng dần về mức độ rủi ro, bao gồm: Cấp độ 1, cấp độ 2, cấp độ 3, cấp độ 4 và cấp độ 5 - trình trạng khẩn cấp về thiên tai - Xem thêm [Phụ lục 1](#)) được quy định chi tiết tại Điều 7 Nghị định 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ, tóm lược như sau:

a. Chỉ huy ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 1:

- Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó khi có thiên tai xảy ra.

- Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ 2 xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch UBND cấp xã.

b. Chỉ huy ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 2:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó thiên tai; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương.

- Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 7 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

c. Chỉ huy ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 3, cấp độ 4:

- Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống thiên tai; Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo.

- Chủ tịch UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm huy động nguồn lực theo thẩm quyền, chỉ huy triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn.

- Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện các nhiệm vụ nêu trên phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

d. Ứng phó rủi ro thiên tai vượt cấp độ 4:

Được Chủ tịch nước ban bố tình trạng khẩn cấp về thiên tai; việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai xảy ra trên địa bàn cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý: Quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP.

Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, đơn vị liên quan và UBND cấp huyện, cấp xã tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định công bố tình huống khẩn cấp về thiên tai. Phân công trách nhiệm các cơ quan, đơn vị ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn bị ảnh hưởng.

2. Về thông tin liên lạc

- Văn phòng Thường trực về Phòng chống thiên tai của Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh:

+ Điện thoại: 0256.3646.919 hoặc 0256.3646.855.

+ Số fax: 0256.3647.229 hoặc 0256.3535.239.

+ Email: trucbanpclb@gmail.com; Zalo: 0973.777.696.

+ Website: <https://pcttbinhdinhh.gov.vn/>

- Cơ quan Thường trực về Tìm kiếm cứu nạn: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:

+ Điện thoại: 0256.3846.228.

+ Số fax: 0256.3846.228.

- Số điện thoại các thành viên chủ chốt Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh:

Bảng 4: Danh bạ điện thoại thành viên chủ chốt

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức vụ	Điện thoại
1	Ông Nguyễn Tuấn Thanh	PCT Thường trực UBND tỉnh	Phó trưởng ban Thường trực	0983477027
2	Ông Trần Văn Phúc	GD Sở Nông nghiệp và PTNT	Phó trưởng ban	0913434444
3	Ông Trần Thanh Hải	CHT Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Phó trưởng ban	0983115778
4	Ông Võ Đức Nguyên	GD Công an tỉnh	Phó trưởng ban	0913400234
5	Ông Lương Ngọc Chinh	CHT BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	Ủy viên Thường trực	0988651687
6	Ông Hồ Đắc Chương	PGĐ Sở Nông nghiệp và PTNT	Ủy viên Thường trực	0914022369
7	Ông Nguyễn Đức Nam	PGĐ Công an tỉnh	Ủy viên Thường trực	0905877799
8	Ông Đỗ Xuân Hùng	Phó CHT - Tham mưu trưởng BCH Quân sự tỉnh	Ủy viên Thường trực	0982115925
9	Ông Lê Xuân Sơn	Văn phòng Thường trực về Phòng chống thiên tai tỉnh	Chánh Văn phòng	0914035127

(Danh bạ chi tiết xem [Phụ lục 2](#))

3. Về lực lượng ứng phó thiên tai

Ngoài lực lượng chính quy, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh bổ sung, kiện toàn 11 đại đội dự bị động viên 11 huyện, thị xã, thành phố; 159 trung đội dân quân cơ

động 159 xã. UBND cấp xã củng cố đội xung kích Phòng, chống thiên tai trong đó nòng cốt là lực lượng dân quân tự vệ, có từ 60 - 85 người/đội; tổng số thành viên đội xung kích, toàn tỉnh 10.381 người. Lực lượng quản lý đê nhân dân cấp xã cho các xã có đê 91 người. Lực lượng tại chỗ đáp ứng được hỗ trợ sơ tán dân trước khi bão, lũ xảy ra.

Bảng 5: Lực lượng ứng phó thiên tai tại các địa phương (đơn vị: người)

Lực lượng	Tổng cộng	Tây Sơn	Vĩnh Thạnh	Vân Canh	Hoài Ân	An Lão	Phù Mỹ	Phù Cát	Tuy Phước	An Nhơn	Hoài Nhơn	Quy Nhơn
Quân đội	1.042	36	3	39		119	267	177	26	105	145	125
Bộ Đội Biên phòng	279						31	179	8		51	10
Công an	1.640	210	80	65	174	106	261	145	52	175	318	54
Y tế	1.117	112	58	117	123	69	146	138	65	125	128	36
Thanh niên tình nguyện	4.328	263	226	136	267	220	616	988	260	232	652	468
Doanh nghiệp huy động	2.224	19	3	24	64	25	121	306	13	200	249	1.200
Hội chữ thập đỏ	761	18	52	26	71	30	61	340	13	18	106	26
Dân quân tự vệ	3.432	408	455	178	225	210	552	662	130	100	898	22
Hội Phụ nữ	2.159	238	165	54	145	72	316	612	13	113	390	41
Lực lượng xung kích	8.805	455	380	419	682	656	1.115	616	916	924	1.119	1.523
Hội Nông dân, đoàn thể khác	3.440	369	220	125	251	80	471	996	52	170	636	70
Thành viên Ban chỉ huy, VPTT	3.562	399	130	223	298	275	598	230	130	494	481	304
Cán bộ công nhân viên chức	8.081	1.789	177	158	413	210	570	506	65	800	2.886	507
Lực lượng khác	1.559		35	50	101	0	388	336	390		430	309
Cộng	42.429	3.908	1.984	1.564	2.814	2.072	5.513	6.231	2.133	3.456	8.059	4.695

(Nguồn số liệu: Báo cáo rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai của UBND các huyện, thị xã, thành phố tháng 8 năm 2022)

4. Về Phương tiện, trang thiết bị PCTT và TKCN hiện có

Phương tiện, trang thiết bị PCTT và TKCN chủ yếu toàn tỉnh hiện có:

- 61 xe ô tô chở người dưới 16 chỗ, 05 xe ô tô chở người dưới 40 chỗ, 53 ô tô vận tải, 34 ô tô bán tải, 14 xe chỉ huy PCLB, 03 xe thiết giáp, 08 xe cứu thương; 03 xe chữa cháy; 08 tàu các loại, 515 xuồng, 18 ca nô các loại.

- 16.944 phao áo cứu sinh, 14.613 phao tròn cứu sinh, 194 phao bè cứu sinh, 21 phao cứu sinh, 195 phao các loại, 597 bộ nhà bạt, 109 máy phát điện, 515 mặt nạ phòng độc, 12 máy bơm nước chữa cháy, 149 máy bơm nước các loại; 60 cửa xích cầm tay, 75 cửa máy.

Các sở, ngành, đơn vị, UBND các cấp tự kiểm tra phương tiện, trang thiết bị được giao quyền quản lý, sử dụng để sẵn sàng phục vụ ứng phó thiên tai.

(Chi tiết theo [Phụ lục 7](#)).

5. Vật tư, phương tiện, trang thiết bị dự kiến huy động bảo vệ công trình trọng điểm

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lập rà soát lập danh sách cụ thể vật tư, phương tiện, trang thiết bị (loại vật tư, phương tiện, địa điểm bố trí, số lượng, nhiên liệu sử dụng, nhân lực, danh sách doanh nghiệp) có thể huy động được các thiết bị, xe máy, vật tư của các doanh nghiệp trên địa bàn, cập nhật vào Phương án ứng phó thiên tai năm 2022 của địa phương.

Bảng 6: Vật tư, phương tiện, trang thiết bị huy động ứng phó thiên tai

Đối tượng	Đơn vị	Tổng cộng	Tây Sơn	Vĩnh Thạnh	Vân Canh	Hoài Ân	An Lão	Phù Mỹ	Phù Cát	Tuy Phước	An Nhơn	Hoài Nhơn	Quy Nhơn
Vật tư													
- Đá học	m ³	4.127			5	90	60	74	2.852		500	546	
- Đá dăm, sỏi	m ³	5.666	603	100	0	223	0	267	1.698		575	2.200	
- Cát	m ³	10.225	972	150	24	541	200	540	2.892	70	1.850	2.986	
- Đất	m ³	12.021			60	0	200	363	4.772		3.000	3.626	
- Rọ thép	m ³	4.278		50	0	0	0	70	2.643		1.290	225	
- Bao tải	cái	467.640	38.180	10.500	23.200	10.930	30.000	71.350	72.980	66.500	20.000	124.000	
- Vải bạt	m ²	19.940				1.500			15.440		3.000	2.370	
- Tôn lợp	m ²	8.000		500					6.000		1.500	25.550	
Trang thiết bị													
- Nhà bạt cứu sinh	Cái	264	20	4	22	9	34	15	64	3	41	43	9
- Phao áo cứu sinh	Cái	12.949	1.136	244	864	1.847	1.104	757	3.111	710	1.196	1.476	504
- Phao tròn cứu sinh	Cái	8.275	1.111	297	373	673	808	759	1.407	320	515	1.575	437
- Máy phát điện	Cái	190	17	4	12	30	5	10	77	5	3	27	6
- Áo mưa chuyên dụng	Cái	5.467	101	96	210	40	275	495	2.440	230	489	1.091	
- Flycam	Cái	12	0	0	0	0	0	0	10		0	2	
- Loa cầm tay	Cái	753	17	36	48	41	34	139	127	123	41	127	20
- Dây thùng	m	24.500	1050	500	250	1.800	100	500	16.800		4.000	4.570	
- Máy Icom	Cái	21	4				7		10				
Phương tiện													
- Xe cứu hộ các loại	Chiếc	58	1	0	3	6	0	0	13	4	1	30	

Đối tượng	Đơn vị	Tổng cộng	Tây Sơn	Vĩnh Thạnh	Vân Canh	Hoài Ân	An Lão	Phù Mỹ	Phù Cát	Tuy Phước	An Nhơn	Hoài Nhơn	Quy Nhơn
- Xe chữa cháy	Chiếc	8	0	0	0	0	0	0	0	0	3	5	
- Tàu, thuyền cứu nạn	Chiếc	383	16	2	2	273	5	18	50		0	46	10
- Ca nô	Chiếc	32	3		2	0	3	2	3	3	2	10	4
- Số ô tô có thể huy động		537		5	43	52	23	241	48	27		156	98
+ Xe 45 chỗ	Cái	156	5	4	0	0	0	23	7	5	20	22	70
+ Xe 25 - 29 chỗ	Cái	124	2	0	0	0	5	34	23	3	35	21	1
+ Xe 16 chỗ	Cái	315	23	16	1	24	11	56	47	4	55	75	3
+ Xe 4 - 7 chỗ	Cái	828	77	51	32	46	25	128	120	15	160	150	24
+ Số ô tô tải có thể huy động	Cái	1.183	121	123	41	86	23	81	144	46	125	244	149
+ Số máy ủi, xúc có thể huy động	Cái	473	66	22	17	52	18	53	101	7	40	86	11
+ Xe cứu thương	Cái	29	3	2	2		2	3	5	2	2	6	2

(Nguồn số liệu: Báo cáo rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai của UBND các huyện, thị xã, thành phố tháng 8 năm 2022)

Bảng 7: Phương tiện huy động bảo vệ công trình trọng điểm

Địa bàn	Phương tiện phục vụ bảo vệ công trình trọng điểm (cái)								Nhân lực (người)
	Máy xúc	Ô tô tải	Xe ben	Ghe, Thuyền	Máy cưa	Rựa	Máy Kéo	Xe ủi	
Tây Sơn	39	65	70	28	235	655	31	20	939
Vĩnh Thạnh	16	100	25	31	384	2.848	8	1	3.413
Vân Canh	28	45	30	2	74	630	4	3	814
An Lão	20	100	30	29	384	2.848	8	1	3.420
Hoài Ân	33	75	31	82	94	415	13	19	762
Phù Mỹ	50	39	52	28	48	358	20	26	626
Phù Cát	79	98	129	177	170	2.245	124	50	4.395
Tuy Phước	13	13	13	65	26	130	0	13	273
An Nhơn	39	125	60	142	85	610	11	40	1.280
Hoài Nhơn	59	109	98	85	151	460	40	36	1.443
Quy Nhơn	3	149	2	10	15			5	168
Tổng cộng	379	918	540	679	1.651	11.199	259	214	17.533

(Nguồn số liệu: Báo cáo rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai của UBND các huyện, thị xã, thành phố tháng 8 năm 2022)

Biện pháp bố trí, sử dụng phương tiện, thiết bị bảo vệ công trình trọng điểm: Các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị phục vụ công tác PCTT và TKCN có trách nhiệm thực hiện một số nội dung sau:

- Rà soát, lập danh sách cụ thể khu vực cần bảo vệ, số lượng vật tư, trang thiết bị, phương tiện, nhiên liệu, nhân lực. Các khu vực có nguy cơ sạt lở đất chia cắt cần có phương án bố trí cụ thể, bảo đảm công tác khắc phục nhanh hậu quả do mưa lũ gây ra.

- Tổ chức kiểm tra, vận hành chạy thử, duy tu, bảo dưỡng bảo đảm sẵn sàng hoạt động khi có yêu cầu.

- Bố trí phương tiện, thiết bị ứng trực đến địa bàn xung yếu được phân công trước khi bão đổ bộ hoặc có lũ trên mức báo động 3.

- Tổ chức chỉ huy, bố trí nhân sự bảo đảm vận hành trang thiết bị, máy móc ở nơi tập kết và hiện trường ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

- Tổ chức tập kết, bảo quản vật tư, vật liệu phục vụ ứng phó các tình huống, thường xuyên theo dõi, kiểm tra chất lượng, số lượng bảo đảm yêu cầu cần thiết.

5. Về nhu yếu phẩm

- Cấp tỉnh: Bố trí kinh phí từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh. Phương án dự trữ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm ở cấp tỉnh do Sở Công Thương ban hành.

- Cấp huyện: Tổ chức dự trữ lương thực, nước uống bảo đảm cứu trợ trong các tình huống *(các hình thức dự trữ có thể thực hiện như: dự trữ tại kho, hợp đồng cung ứng chủ động với các cơ sở sản xuất - kinh doanh, lưu ý dự trữ ở những địa bàn thường xuyên bị chia cắt, cô lập ...)*, có phương án phân phối trước lương thực, hàng hóa đến các địa phương có nguy cơ bị cô lập khi lũ lụt, bão nhất là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, khu vực có nguy cơ chia cắt giao thông do sạt lở đất.

- Cấp xã: Tổ chức dự trữ hoặc hợp đồng cung ứng chủ động với các cơ sở sản xuất - kinh doanh, vận động nhân dân tự dự trữ trong gia đình lương thực ***bảo đảm sử dụng trong 07 ngày (tối thiểu 03 ngày)***.

- Các mặt hàng dự trữ, cung ứng thiết yếu như: Gạo, mì tôm gói, bánh mì, bánh ngọt các loại, nước uống đóng chai.

Theo báo cáo số 112/BC-SCT ngày 20/6/2022 của Sở Công thương: Các mặt hàng mì ăn liền, gạo, nước uống đóng chai chủ yếu được dự trữ tại các đơn vị có khả năng cung ứng lớn như Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định, Chi nhánh Liên Hiệp HTX Thương mại TP.Hồ Chí Minh - Co.opmart An Nhơn, Công ty Cổ phần Nước Khoáng Quy Nhơn, Công ty Xăng dầu Bình Định và một số nhà phân phối khác.

Bảng 8: Dự trữ hàng hóa phòng chống lụt, bão năm 2022

TT	Doanh nghiệp	Mặt hàng lương thực, thực phẩm			
		Mì ăn liền (gói)	Lương khô (kg)	Gạo (tấn)	Nước uống đóng chai (lít/chai)
1	Công ty TNHH MTV Sài Gòn Co.op Bình Định	300.000	1.000	20	30.000
2	CN nhánh Liên hiệp HTX Thương mại thành phố Hồ Chí Minh - Co.opmart An Nhơn	100.000	500	10	10.000
3	CN Cty CP Espace Business Huế tại Bình Định	600.000	-	50	50.000
5	Công ty TNHH TM SX XNK Anh Nhật	660.000	-	-	-
6	CN Cty TNHH MM MEGA MARKET (VN) tại tỉnh Bình Định	411.600	-	24	54.690
7	Công ty TNHH Thiên Phúc	120.000	-	-	-
	Tổng cộng	2.191.600	1.500	104	144.690

(Nguồn: Báo cáo số 112/BC-SCT ngày 20/6/2022 của Sở Công thương)

Với nhiên liệu xăng, dầu diezen, dầu hỏa chủ yếu dự trữ tại Công ty Xăng dầu Bình Định với số lượng là 20.000m³ các loại. Ngoài ra, các mặt hàng vật liệu xây dựng (tấm lợp, tole, đinh vít, dây thép ...) cũng được dự trữ tại các đại lý vật liệu xây dựng, cửa hàng bán lẻ trên địa bàn toàn tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng khi có sự cố xảy ra trong mùa mưa bão.

Bảng 9: Số lượng lương thực, thực phẩm dự trữ tại các địa phương

TT	Địa phương	Lương thực, thực phẩm					Nước uống đóng chai (chai)
		Lương khô (gói)	Mì tôm (gói)	Gạo (kg)	Thực phẩm (kg)	Đồ hộp (kg)	
1	Tây Sơn	1.000	24.250	43.700			22.600
2	Vĩnh Thạnh	4.000	67.420	84.520	8.410	1.000	57.420
3	Vân Canh		18.270	11.200	1.065	0	1.740
4	An Lão	850	26.000	4.100	2.500	650	7.500
5	Hoài Ân		27.070	17.355	7.170	320	33.000
6	Phù Mỹ	1.400	32.520	16.950			34.750
7	Phù Cát	24.550	137.289	199.890	59.668	11.651	213.642
8	Tuy Phước		13.000	13.000			2.600
9	An Nhơn		25.500	35.000			42.000
10	Hoài Nhơn	16.725	284.982	92.007	24.200	123.385	318.106
11	Quy Nhơn		55.000	38.000			10.000
	Tổng	31.800	711.301	517.722	78.813	13.621	743.358

(Nguồn số liệu: Báo cáo rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai của UBND các huyện, thị xã, thành phố tháng 8 năm 2022)

Bảng 10: Dự trữ nhiên liệu, hóa chất, thiết bị xử lý nước tại các địa phương

TT	Địa bàn	Nhiên liệu			
		Chất đốt (kg)	Dầu Diesel (lít)	Xăng (lít)	Dầu hỏa (lít)
1	Tây Sơn		24.500	23.500	7.605
2	Vĩnh Thạnh	47.660	7.200	2.250	140
3	Vân Canh		400	340	140
4	An Lão		1.100	2.100	2.000
5	Hoài Ân	830	2.430	2.410	2.274
6	Phù Mỹ	100		170	215
7	Phù Cát	46.888	25.920	21.525	16.200
8	Tuy Phước				
9	An Nhơn		26.000	29.500	7.605
10	Hoài Nhơn	12.722	8.560	7.190	5.060
11	Quy Nhơn		34.000	34.000	9.000
	Tổng cộng	95.378	130.110	122.815	50.024

(Nguồn số liệu: Báo cáo rà soát, cập nhật phương án ứng phó thiên tai của UBND các huyện, thị xã, thành phố tháng 8 năm 2022)

6. Về thuốc, hóa chất phòng bệnh

- Dự trữ cơ sở thuốc, hóa chất cho công tác phòng chống dịch COVID-19 trong mùa bão lũ 2022, như sau:

- + Cơ sở thuốc phòng chống lụt bão (PCLB): 241 cơ sở.
- + Cloramin B (viên): 274.000 viên.
- + Cloramin B (kg): 1.350 kg.
- + Aquatab 67 mg: 610.000 viên.
- + Khẩu trang y tế: 75.500 cái.
- + Khẩu trang N95: 17.500 cái.
- + Dung dịch sát khuẩn tay nhanh 500ml: 3.575 chai.
- + Bộ trang phục phòng chống dịch dùng 01 lần: 3.000 bộ.

- Số lượng tồn kho về cơ sở thuốc, hóa chất phòng, chống dịch, phòng chống lụt bão đến 31/8/2022: 31 cơ sở thuốc PCLB, 6.791 kg Cloramin B bột, 105.385 viên Cloramin B, 665.150 viên Aquatab 67mg, 370 lít hóa chất diệt bọ gậy; 687 lít hóa chất diệt muỗi, 38 bộ dụng cụ PCLB, 136 máy phun hóa chất.

(Thống kê chi tiết xem [Phụ lục 8](#))

II. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI ÁP THẤP NHIỆT ĐỐI, BÃO, BÃO MẠNH

1. Kịch bản 1: Áp thấp nhiệt đới, bão và bão mạnh (gió mạnh tới cấp bão 11)

a. Công tác truyền thông: Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh và các địa phương triển khai đồng bộ công tác truyền thông như sau:

- Chuyển tải các văn bản chỉ đạo của Trung ương, địa phương đến các cơ quan, đơn vị và nhân dân.

- Các bản tin về áp thấp nhiệt đới, bão của cơ quan khí tượng thủy văn được cung cấp cho các cơ quan truyền thông và các cơ quan chức năng từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở để chủ động triển khai ứng phó.

- Thường xuyên theo dõi các bản tin cảnh báo, dự báo thiên tai và diễn biến dịch bệnh COVID-19 qua các phương tiện thông tin đại chúng.

- Trên biển: Tàu thuyền nhận thông tin từ Đài Tiếng nói Việt Nam, hệ thống Đài Thông tin Duyên hải và Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh.

- Hình thức truyền thông tin giữa các cấp, các ngành và đến người dân:

- + Qua Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định.

- + Qua mạng xã hội: Facebook, Zalo, các báo điện tử.

- + Qua hệ thống truyền thanh của địa phương.

- + Qua loa cầm tay trực tiếp, xe loa tuyên truyền cơ động.

- + Nhận thông tin qua: Điện thoại cố định, điện thoại di động, fax, email.

- + Các hình thức thông tin, truyền thông chính thống khác.

b. Tổ chức ứng phó: Thực hiện chỉ huy tập trung, thống nhất:

- Chủ tịch UBND kiêm Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS các cấp trực tiếp chỉ huy, điều hành, phân công các lực lượng có mặt trên địa bàn trong quá trình phòng tránh, ứng phó với thiên tai.

- Các sở, ngành, địa phương theo dõi chặt chẽ diễn biến thiên tai. Triển khai lực lượng tại chỗ ứng phó theo Lệnh của Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh. Chủ tịch UBND cấp huyện, xã phối hợp Chỉ huy trưởng quân sự, Công an cứu hộ, cứu nạn người hoặc xử lý sự cố công trình do thiên tai.

Tùy thuộc vào các bản tin dự báo áp thấp nhiệt đới, bão (tin bão gần Biển Đông, tin áp thấp nhiệt đới, bão trên Biển Đông, tin áp thấp nhiệt đới, bão khẩn cấp) và dự báo khả năng ảnh hưởng đến tàu thuyền hoạt động trên các vùng biển và khu vực đất liền của tỉnh sẽ có các phương án ứng phó. Tập trung vào các nội dung:

*** UBND các huyện, thị xã, thành phố:** Chủ tịch UBND cấp huyện là tổng chỉ huy trên địa bàn, chịu trách nhiệm:

- Trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng, chống thiên tai cấp trên.

- Tổ chức trực ban 24/24h, theo dõi chặt chẽ diễn biến áp thấp nhiệt đới, bão, thông tin cảnh báo kịp thời đến chính quyền cơ sở và người dân để chủ động phòng, tránh.

- Hoãn tất cả các cuộc họp không quan trọng để tập trung chỉ đạo đối phó với bão, áp thấp nhiệt đới.

- Thông báo cho gia đình chủ tàu kêu gọi tàu thuyền thoát khỏi vùng nguy hiểm của áp thấp nhiệt đới, bão và vào nơi trú tránh an toàn, kéo tàu thuyền nhỏ

lên bờ, chẳng giữ ổn định; tàu thuyền lớn cho neo đậu đúng quy định; yêu cầu tất cả thuyền viên rời khỏi tàu thuyền trước khi bão vào, kiểm tra phòng cháy nổ trên tàu.

- Tổ chức, hướng dẫn di chuyển, chẳng buộc, gia cố các lồng bè nuôi trồng thủy sản để bảo đảm an toàn cho người và giảm thiệt hại đối với nuôi trồng thủy sản.

- Triển khai lực lượng, phương tiện tiến hành sơ tán dân ở các khu vực ven biển, khu vực thấp trũng có nguy cơ ngập do triều cường kết hợp với nước biển dâng do bão, các khu vực thường bị ngập sâu, sạt lở, trên các lồng bè, chòi canh thủy sản.

- Tranh thủ thu hoạch, chủ động tháo nước diện tích gieo trồng vụ mùa, kê và đưa lên cao lúa giống gieo sạ; thu hoạch thủy hải sản trên các lồng bè, ao hồ.

- Rà soát, bảo đảm an toàn cho người dân, khách du lịch ở khu vực ven biển, nhất là thành phố Quy Nhơn, các xã ven biển và đảo; kiểm soát, hướng dẫn giao thông nhất là các tuyến đường ven biển, cầu Thị Nại để bảo đảm an toàn cho người và phương tiện.

- Chỉ đạo, hướng dẫn chẳng chống, gia cố nhà cửa, trụ sở, trường học, bệnh viện, kho tàng, ... và các công trình công cộng, đặc biệt đối với công trình cột, tháp cao, biển quảng cáo, nhà cao tầng đang thi công; tổ chức cắt tỉa cành cây tại các khu đô thị, khu dân cư.

- Phân công lãnh đạo và cán bộ xuống địa bàn kiểm tra, đôn đốc.

- Yêu cầu các đơn vị phải triển khai công tác phòng, chống thiên tai của đơn vị.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát lại lực lượng, phương tiện, vật tư sẵn sàng ứng phó khi có yêu cầu; rà soát lại Phương án sơ tán, kiểm tra và thực hiện công tác bảo đảm an toàn nơi sơ tán đến phù hợp trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19. Lưu ý: Thực hiện linh hoạt nguyên tắc "ngăn chặn - phát hiện - cách ly - khoanh vùng - dập dịch" theo quy mô và phạm vi hẹp nhất có thể, phù hợp với diễn biến dịch bệnh và triển khai đầy đủ các nội dung được nêu tại phần Phụ lục 3 trong trường hợp sơ tán dân có người bị COVID-19.

- Hạn chế, cấm người đi lại trong thiên tai; thông báo cho học sinh tạm nghỉ học tránh bão khi có lệnh của UBND tỉnh.

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, chốt chặn, an ninh trật tự, bảo vệ tài sản trước, trong và sau thiên tai.

- Sẵn sàng Phương án phòng, chống lũ, lũ quét, vỡ hồ chứa do mưa kèm theo áp thấp nhiệt đới, bão.

- Bảo đảm thông tin liên lạc, kiểm soát tình hình, các khu vực trọng điểm cần phải tổ chức ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, báo cáo Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh, UBND tỉnh.

- Bảo đảm lương thực, nước uống, y tế trước, trong và sau thiên tai.

- Ngay sau áp thấp nhiệt đới, bão suy yếu: Tổ chức ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu người bị nạn.

- Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện đề nghị Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh, UBND tỉnh hỗ trợ.

*** Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh**

- Hằng năm, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh lập Kế hoạch Hiệp đồng ứng phó sự cố, thiên tai - tìm kiếm cứu nạn với các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn tỉnh Bình Định. Trong Kế hoạch nêu cụ thể về các tình huống thiên tai và phân công trách nhiệm về địa bàn ứng phó xử lý của từng đơn vị cụ thể. Các lực lượng trong kế hoạch hiệp đồng gồm: Các lực lượng của Bộ Quốc phòng, Quân khu, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh. (Kế hoạch số 1682/KH-BCH ngày 02/8/2022 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh về hiệp đồng ứng phó sự cố, thiên tai - tìm kiếm cứu nạn với các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2022 kèm theo).

- Triển khai công điện của các cấp về công tác ứng phó với bão, áp thấp nhiệt đới. Tổ chức họp Ban Chỉ huy PCTT và TKCN chỉ đạo cơ quan, đơn vị tăng cường trực trực (trực chỉ huy, trực ban) theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình áp thấp nhiệt đới, bão; sẵn sàng lực lượng, phương tiện ứng phó.

- Chỉ đạo kiểm tra các đơn vị bảo đảm vật chất, lương thực, thực phẩm, quân trang, xăng dầu, quân y, phương tiện vận tải phục vụ công tác sẵn sàng ứng phó bão, áp thấp nhiệt đới.

- Hiệp đồng với Trung đoàn Không Quân 925 sẵn sàng ứng cứu và cứu trợ đường không khi cần thiết.

- Tổ chức triển khai lực lượng chằng chống nhà cửa, sơ tán bộ đội, phương tiện, khí tài, vũ khí trang bị, vật chất, ... đến nơi trú tránh an toàn cho cơ quan, đơn vị của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; sử dụng các đơn vị trực thuộc tham gia chằng chống doanh trại, nhà kho, tiếp tục cắt tỉa cây xanh; giúp dân chằng chống nhà cửa, sơ tán người, tài sản, phương tiện theo kế hoạch đã hiệp đồng với các đơn vị của Bộ, Quân khu tham gia PCTT và TKCN trên địa bàn, trong đó lưu ý thực hiện các biện pháp bảo đảm phòng chống dịch bệnh Covid tại các khu tập trung người dân sơ tán. Sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ khác khi có lệnh.

- Phối hợp với Bệnh viện Quân y 13 làm tốt công tác chuẩn bị mọi mặt sẵn sàng tiếp nhận nạn nhân cứu chữa tại chỗ. Tổ chức các tổ Quân y cơ động sẵn sàng tham gia tìm kiếm cứu nạn, xử lý vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh cho đơn vị, nhân dân ở các vùng trọng điểm khi bão qua.

- Ban Chỉ huy Quân sự các huyện, thị xã, thành phố ven biển tổ chức lực lượng phối hợp với Đoàn Biên phòng cùng với cơ quan chức năng của địa phương nắm chắc số lượng tàu thuyền đã di chuyển vào bờ và hướng dẫn neo đậu; số lượng tàu thuyền còn đang hoạt động trên biển; cấm tàu thuyền ra khơi và tiếp tục thông báo cho tàu thuyền tìm nơi trú tránh.

*** Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh**

- Bắn pháo hiệu cảnh báo bão theo quy định.

- Thông báo gia đình và thuyền trưởng biết diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới; hướng dẫn tàu thuyền thoát ra vùng biển nguy hiểm, nhanh chóng về nơi trú tránh gần nhất.

- Kiểm đếm tàu thuyền trên các vùng biển; cùng chính quyền địa phương bảo đảm an toàn tàu thuyền neo đậu tại cảng Tam Quan, Đề Gi, Quy Nhơn và các vùng biển trú tránh.

- Tổ chức triển khai lực lượng chằng chống nhà cửa, sơ tán bộ đội, phương tiện, khí tài, vũ khí trang bị, vật chất, ... đến nơi trú tránh an toàn cho cơ quan, đơn vị Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; cắt tía cây xanh; giúp dân chằng chống nhà cửa, sơ tán người, tài sản, phương tiện trên địa bàn. Sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ khác khi có lệnh.

- Tập kết lực lượng, phương tiện, trang thiết bị vào các bến bãi, vị trí khi có tin bão, áp thấp nhiệt đới gần bờ, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ sơ tán dân khi có lệnh; trong đó lưu ý thực hiện các biện pháp bảo đảm phòng chống dịch bệnh Covid tại các khu tập trung người dân sơ tán đến bao gồm cả ngư dân trên các tàu ngoài tỉnh đến trú tránh.

*** Đề nghị Đài Thông tin Duyên hải Quy Nhơn:** Bảo đảm thông tin liên lạc với tàu thuyền, thông tin về áp thấp nhiệt đới, bão, kêu gọi tàu thuyền vào bờ hoặc thoát ra khỏi khu vực nguy hiểm; thông tin về các tình huống tìm kiếm cứu nạn trên biển.

*** Công an tỉnh**

- Tập kết lực lượng, phương tiện, trang thiết bị vào các bến bãi, vị trí khi có tin bão, áp thấp nhiệt đới gần bờ, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ sơ tán dân khi có lệnh.

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các địa phương triển khai Phương án bảo đảm an toàn giao thông, chốt chặn các tuyến đường và các khu vực nguy hiểm.

- Triển khai Phương án bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản nhà nước và nhân dân. Đồng thời xử phạt nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng chống dịch bệnh Covid -19.

- Triển khai Phương án phòng cháy, chữa cháy, chú ý đến các khu vực trú đậu của tàu thuyền, khu vực đã sơ tán nhân dân.

- Triển khai hoạt động ứng cứu sập đổ công trình.

*** Sở Xây dựng**

- Hướng dẫn việc chằng chống nhà ở, nhà xưởng, kho tàng, công trình công cộng trước khi bão đổ bộ.

- Triển khai Phương án phòng, chống lụt, bão cho các công trình, công trình đang thi công dở dang, tháp cầu, cây xanh, hệ thống điện chiếu sáng, cấp nước.

- Triển khai Phương án chống ngập lụt, ngập úng trong khu vực nội thị,

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải triển khai Phương án huy động các trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác ứng phó bão.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai phương án bảo đảm an toàn các công trình viễn thông, các trụ anten trong khu dân cư.

*** *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn***

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới.
- Phối hợp Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Định thông báo các chủ tàu thuyền biết diễn biến của bão để chủ động phòng tránh; đối với tàu thuyền đang neo đậu tại bến không cho ra khơi để bảo đảm an toàn.

- Rà soát, kiểm tra kế hoạch sơ tán dân vùng ven biển khi bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ và báo cáo về Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

- Phối hợp UBND cấp huyện triển khai công tác bảo đảm an toàn hồ chứa, đập dâng, đê, kè, kênh mương trên địa bàn.

- Tham mưu Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND tỉnh vận hành điều tiết hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; vận hành điều tiết hồ chứa nước Đồng Mít trong các tình huống khẩn cấp, lũ lớn.

- Đôn đốc, chỉ đạo công tác trực ban của Văn phòng Thường trực về Phòng chống thiên tai tỉnh.

*** *Sở Giao thông vận tải***

- Triển khai Phương án phòng, chống bão đối với các công trình giao thông.

- Phối hợp với chính quyền địa phương điều động phương tiện bảo đảm vận chuyển người dân sơ tán đến trú tránh an toàn.

- Bố trí lực lượng kiểm soát giao thông, bảo vệ cầu trên các tuyến Quốc lộ 1, Quốc lộ 19, Tỉnh lộ và hệ thống giao thông đô thị trong tỉnh.

- Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh trong công tác giải phóng lòng đường phục vụ ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn.

- Phối hợp với Sở Xây dựng rà soát Phương án chuẩn bị huy động trang thiết bị, phương tiện, vật tư phục vụ công tác sơ tán, ứng phó.

*** *Sở Công Thương và Công ty Điện lực Bình Định***

- Sở Công Thương: Rà soát Phương án chuẩn bị, dự trữ, cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân trước và sau bão; Phối hợp với Chi cục Quản lý thị trường tỉnh quản lý tốt thị trường, giá cả, chất lượng hàng hóa trong thiên tai, dịch bệnh Covid 19 xảy ra. Triển khai Phương án phòng, chống bão đối với các công trình, kho tàng, trụ sở của ngành. Chỉ đạo các hồ thủy điện vận hành theo đúng quy định.

- Công ty Điện lực Bình Định: Triển khai Phương án bảo đảm an toàn hệ thống, mạng lưới điện cho tất cả các cấp điện thế.

*** *Sở Tài nguyên và Môi trường***

- Phối hợp với Sở Xây dựng triển khai Phương án xử lý ngập úng.

- Sẵn sàng Phương án tổ chức khắc phục môi trường sau bão; phương án xử lý sự cố tràn dầu, phương án bảo đảm an toàn các công trình, xử lý môi trường.

*** Sở Y tế**

- Khẩn trương tổ chức công tác chuẩn bị phòng tránh nhằm bảo đảm an toàn các bệnh viện, cơ sở điều trị, kho dự trữ thuốc, trang thiết bị y tế của ngành.

- Triển khai chặt chẽ cây xanh để đỡ ngã, chằng chống, neo buộc đối với các cơ sở y tế bán kiên cố, lập phương án di dời bệnh nhân, thuốc, trang thiết bị đến nơi an toàn.

- Các đơn vị phải bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị y tế phục vụ cấp cứu, khám chữa bệnh, điều trị bệnh nhân. Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh kiểm tra lại cơ sở thuốc, hóa chất phòng chống lụt bão, sẵn sàng cấp cứu kịp thời các trường hợp bị nạn, cũng như dịch bệnh COVID-19.

- Tổ chức cung ứng, phân phối vật tư, hóa chất, thiết bị cho các địa phương đã sơ tán dân do thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 sử dụng kịp thời, hiệu quả.

- Tham gia cùng với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh trong công tác cấp cứu của các Đội cứu hộ, cứu nạn.

*** Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Triển khai công tác phòng, chống lụt bão cho các công trình, cơ sở giáo dục.

- Phối hợp với các địa phương sử dụng cơ sở giáo dục đào tạo làm nơi sơ tán nhân dân.

- Thông báo cho các trường học cho học sinh, sinh viên tạm nghỉ học tránh bão, lũ khi có chỉ đạo của UBND tỉnh hoặc của Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh.

*** Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Báo Bình Định và Cổng thông tin điện tử tỉnh**

- Triển khai Phương án thông tin truyền thông, kịp thời phát tin bão, các công điện, văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh và Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh cho chính quyền, cộng đồng, người dân.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền cho người dân việc thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai, dịch bệnh COVID-19 để người dân hiểu và tự giác chấp hành.

- Triển khai Phương án phân công phóng viên đến các vùng trọng điểm về thiên tai để kịp thời đưa tin về tình hình thiên tai, ứng phó và khắc phục.

- Triển khai Phương án bảo đảm an toàn các cơ sở phát thanh, truyền hình, các công trình viễn thông, các trụ ăng ten trong khu dân cư; Phương án dự phòng và bảo đảm an toàn, thông suốt liên lạc với Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện.

*** Sở Du lịch**

- Triển khai Phương án bảo đảm an toàn cho tất cả các cơ sở du lịch, kể cả tàu du lịch, khách sạn, khu nghỉ dưỡng.

- Phương án bảo đảm an toàn cho khách du lịch.

- Phối hợp với UBND các địa phương trong công tác sử dụng các cơ sở du lịch, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng làm nơi sơ tán đến cho người dân (lưu ý bảo đảm công tác phòng chống dịch COVID-19 theo quy định).

*** *Sở Văn hóa và Thể thao***

- Triển khai Phương án bảo đảm an toàn cho tất cả các cơ sở văn hóa, thể thao.

- Kiểm tra, xử lý, tháo dỡ, hạ các biển quảng cáo (nếu cần thiết) nhằm bảo đảm an toàn khi có thiên tai.

*** *Sở Ngoại vụ***

- Triển khai Phương án bảo đảm an toàn cho người nước ngoài trong trường hợp thiên tai.

- Liên hệ với Bộ Ngoại giao đề nghị cứu hộ, cứu nạn hoặc cho người, phương tiện vào trú tránh khi tàu thuyền gặp nạn theo đề nghị của Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh.

*** *Đề nghị Đài Khí tượng Thủy văn Bình Định:*** Triển khai Phương án bảo đảm thông tin về dự báo, cảnh báo đến lãnh đạo tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh.

*** *Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh***

- Triển khai Phương án phòng, chống bão cho trụ sở UBND tỉnh.

- Bố trí nơi làm việc và điều kiện làm việc của Ban Chỉ đạo tiền phương Trung ương Phòng, chống thiên tai (Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT, các Bộ, ngành, ...);

- Bảo đảm kết nối thông tin chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh với Trung ương và các địa phương tại phòng họp UBND tỉnh.

- Đăng tải thông tin bão, lũ và các văn bản chỉ đạo trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

*** *Công ty TNHH KTCT Thủy lợi Bình Định:*** Triển khai Phương án phòng, chống lụt bão và phương án phòng, chống lũ, lụt vùng hạ du các hồ chứa nước, nhất là các hồ vận hành theo Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Côn - Hà Thanh.

c. *Phương án sơ tán nhân dân*

- Phát lệnh sơ tán: Tùy tình hình, Chủ tịch UBND tỉnh kiêm Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh phát lệnh sơ tán nhân dân.

- Chỉ huy công tác sơ tán nhân dân: Chủ tịch UBND các địa phương chỉ huy công tác sơ tán dân trên địa bàn.

- Lực lượng và phương tiện hỗ trợ sơ tán nhân dân: Lực lượng vũ trang tại UBND cấp huyện, xã là chủ yếu. Các lực lượng vũ trang đã hiệp đồng với

UBND cấp huyện và của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ngành hỗ trợ.

- Rà soát lại số người sơ tán, kiểm tra an toàn nơi sơ tán đến.

- Hình thức sơ tán trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh:

+ Người dân tự di dời, sơ tán xen ghép các nhà kiên cố tại chỗ là chính. Trường hợp không đủ, sơ tán vào các trường học, trụ sở cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, khách sạn, công trình công cộng, các cơ sở tôn giáo. Ưu tiên sơ tán trước cho người già, trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật. Chú ý không để sót người tạm trú, sinh viên, công nhân trong các nhà trọ; khách dừng chân tại các bến xe, bến tàu; người trên các lồng bè nuôi trồng thủy sản, tàu thuyền đang neo đậu.

+ UBND cấp xã thực hiện linh hoạt nguyên tắc "ngăn chặn - phát hiện - cách ly - khoanh vùng - dập dịch" theo quy mô và phạm vi hẹp nhất có thể, phù hợp với diễn biến dịch bệnh và lập danh sách cụ thể các hộ dân cần sơ tán xen ghép do bão lũ có xét đến yếu tố phòng dịch COVID-19.

- Người sơ tán phải mang theo thức ăn, nước uống, thuốc chữa bệnh, vật dụng cần thiết để sử dụng trong thời gian sơ tán.

- Chính quyền địa phương nơi tiếp nhận dân tới trú tránh bão phải chuẩn bị lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, bảo đảm an ninh, vệ sinh môi trường và phòng chống dịch bệnh COVID-19.

- Sở Y tế yêu cầu Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố huy động các đội cấp cứu tại chỗ và lưu động sẵn sàng ứng cứu dân; phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS các cấp theo dõi tình hình tại các nơi đang sơ tán dân để bố trí nhân lực, phương tiện, vật tư, thuốc chữa bệnh cho phù hợp.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán đối với các tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành.

- Một số nguyên tắc trong chỉ huy sơ tán dân đối với sơ tán tập trung:

+ *Phải bảo đảm thông tin liên lạc và chế độ báo cáo:* Các địa phương, đơn vị phải bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt. Trường hợp có sự cố về đường truyền phải nhanh chóng xử lý hoặc thiết lập kênh thông tin khác. Đồng thời phải duy trì chế độ báo cáo liên tục 02 giờ/lần về kết quả thực hiện cho cấp chỉ huy trực tiếp để chỉ đạo ứng phó kịp thời.

+ *Phải bảo đảm tính cơ động:* Công tác chuẩn bị phải được thực hiện chu đáo. Các điểm tập kết dân phải gần các trục đường vận chuyển và phương tiện cơ giới phải phù hợp với địa hình thực tế, hoạt động bình thường. Tuyên truyền, vận động nhân dân ý thức tự bảo vệ và đoàn kết giúp đỡ nhau để việc sơ tán bảo đảm nhanh chóng và an toàn.

+ *Phải bảo đảm tính tự giác, nghiêm túc:* Người dân di dời, sơ tán đến các nơi trú tránh dưới sự tổ chức, hướng dẫn của lực lượng bộ đội, công an và dân quân. Phải chấp hành mọi chỉ dẫn, điều động của lực lượng hỗ trợ để việc sơ tán là tự giác, an ninh và kịp thời gian quy định.

+ *Phải bảo đảm điều kiện sinh hoạt nơi sơ tán đến:* Các nhà kiên cố, cơ sở công cộng, tôn giáo, doanh nghiệp, khách sạn ... phải bảo đảm điều kiện sinh hoạt cho người dân trong thời gian trú tránh bão. Phải có lương thực, nước uống, chăn màn và nhân viên y tế phục vụ sức khỏe nhân dân. Lưu ý: Phải bảo đảm phòng chống dịch bệnh COVID-19 theo hướng dẫn tại [Phụ lục 3](#).

- Dự kiến số người sơ tán: 7.647 hộ/ 24.888 người sơ tán theo hình thức xen ghép và tập trung, theo bảng sau:

Bảng 11: Dự kiến số người sơ tán đối với trường hợp bão và bão mạnh (cấp độ Rủi ro thiên tai cấp 3)

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Cấp độ 3			
		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
1	Vĩnh Thạnh	327	801	512	1.987
2	Vân Canh	145	481	895	2.818
3	Phù Cát	1.464	4.591	1.039	3.037
4	Tuy Phước	305	915		
5	An Nhơn	467	1.636	408	1.117
6	Hoài Nhơn	230	892	319	715
7	Quy Nhơn	74	262	1.462	5.636
Tổng Cộng		3.012	9.578	4.635	15.310

(Chi tiết xem [Phụ lục 4](#))

Bảng 12: Địa điểm sơ tán dự kiến

TT	Địa điểm (các huyện, thị xã, thành phố)	Vị trí sơ tán đến					Cự ly di chuyển (km)
		Hội trường xã	Trạm xá xã	Nhà Văn hóa, sinh hoạt cộng đồng	Trường học các cấp	Nhà trú tránh bão, mưa lũ	
1	Tây Sơn	15	15	71	46		1-4
2	Vĩnh Thạnh	9	9	60	40		1-5
3	Vân Canh	7	7	68	67		1-5
4	An Lão	10	10	75	38		1-5
5	Hoài Ân	15	15	72	38		1-4
6	Phù Mỹ	19	19	85	60		1-3
7	Phù Cát	18	18	85	57		1-3
8	Tuy Phước	13	13	80	50	4	1-3
9	An Nhơn	15	15	85	55	7	1-2
10	Hoài Nhơn	17	17	77	52		1-2
11	Quy Nhơn	21	21	90	70	1	1-1,5
	Tổng	159	159	848	573	12	

d. Phương án bảo đảm an toàn tàu thuyền

Bình Định hiện có khoảng 5.991 tàu thuyền/41.969 ngư dân thường xuyên di chuyển hoạt động đánh bắt trên biển. Tình hình hoạt động tàu thuyền trên các ngư trường: hoạt động ven bờ 1.615 tàu thuyền/3.975 người; vùng lộng 1.097 tàu thuyền/6.640 người; vùng khơi 3.279 tàu thuyền/31.354 người. Ngoài ra, còn có 4.969 lồng bè nuôi thủy sản, chủ yếu ở ven biển Quy Nhơn.

Bảng 13: Số liệu tàu thuyền đánh bắt hải sản trên biển tỉnh Bình Định

Tổng số tàu	Tổng số người	Ven bờ (số tàu/ người)	Vùng lộng (số tàu/ người)	Vùng khơi (số tàu/ người)	Có thiết bị quan sát tàu cá (số tàu)	Ngư trường đánh bắt chính
5.991	41.969	1.615/3.975	1.097/6.640	3.279/31.354	3.228	Hoàng sa; giữa Hoàng Sa - Trường Sa; Trường Sa

Phương án bảo đảm an toàn tàu thuyền như sau:

- Chủ động tăng cường công tác trực ban 24/24 để theo dõi diễn biến của thời tiết (bão, ATNĐ, ...) và tình hình hoạt động của tàu cá trên biển phục vụ công tác PCTT-TKCN.

- Khi có dự báo áp thấp nhiệt đới, bão trên biển Đông, Công điện chỉ đạo của Trung ương, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT và UBND các huyện ven biển, thị xã Hoài Nhơn, thành phố Quy Nhơn thông báo cho chủ tàu, thuyền trưởng đang hoạt động trên biển:

+ Vị trí, hướng di chuyển và diễn biến của áp thấp nhiệt đới, bão để thuyền trưởng chủ động phòng tránh; đồng thời hướng dẫn tàu thuyền di chuyển thoát ra khỏi hoặc không đi vào khu vực nguy hiểm. Hướng dẫn cho tàu thuyền di chuyển vào vùng cảng biển gần nhất, cụ thể:

Tàu thuyền khu vực Hoàng Sa, Trường Sa trên vĩ độ 13,2 di chuyển lên phía Bắc hoặc vào bờ; dưới vĩ độ 13,2 di chuyển xuống phía Nam hoặc vào bờ.

Tàu thuyền gần bờ từ Quảng Ngãi đến Quảng Ninh, từ Phú Yên đến Kiên Giang nhanh chóng di chuyển vào bờ.

Đối với tàu thuyền hoạt động gần bờ trong tỉnh di chuyển vào bờ.

+ Bộ đội Biên phòng tỉnh chỉ đạo đồn Biên phòng Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, thành phố Quy Nhơn bắn pháo hiệu cảnh báo bão theo quy định.

+ Kiểm đếm tàu thuyền hoạt động trên các vùng biển. Liên lạc với chủ các phương tiện, gia đình ngư dân để xác minh vụ việc tàu thuyền, xử lý và báo cáo cấp trên, Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh để kịp thời chỉ đạo.

- Đài Thông tin Duyên hải Quy Nhơn thông báo liên tục diễn biến áp thấp nhiệt đới, bão; liên lạc với tàu thuyền trên biển để hướng dẫn di chuyển tránh trú.

- Chi cục Thủy sản phối hợp với Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố ven biển:

- Thông qua các tổ đoàn kết khai thác hải sản trên biển, thông tin của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Trạm bờ của ngư dân... Chi cục triển khai việc nắm bắt, kiểm đếm số lượng tàu cá đang hoạt động trên các ngư trường để báo cáo về Ban chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh, Vụ Khai thác để có chỉ đạo kịp thời.

+ Đến các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão thông báo, hướng dẫn ngư dân neo đậu tránh, trú an toàn. Đồng thời liên lạc với các người nhà chủ tàu tàu kêu gọi các tàu các di chuyển tránh xa khỏi khu vực bị ảnh hưởng của bão, ATNĐ.

+ Kiểm đếm tàu thuyền đã về nơi trú tránh tại cảng Tam Quan, đầm Đề Gi, đầm Thị Nại; cập nhật tàu thuyền của tỉnh đang trú tránh ở các tỉnh bạn.

+ Kiểm đếm tàu thuyền hoạt động trên các ngư trường, thông báo diễn biến siêu bão và hướng dẫn tàu thuyền di chuyển trú tránh.

+ Liên lạc với chủ các phương tiện, gia đình ngư dân để xác minh vụ việc tàu thuyền, thông báo cho các tàu trong tổ đội hỗ trợ, giúp đỡ và báo cáo Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh để kịp thời chỉ đạo.

+ Chuẩn bị vật tư, lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia tìm kiếm cứu nạn khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Công an, Bộ đội Biên phòng và UBND cấp huyện, xã ven biển:

+ Hướng dẫn, sắp xếp tàu thuyền neo đậu bảo đảm an toàn;

+ Tuyệt đối không để người ở lại trên tàu thuyền, lồng bè, chòi canh khi siêu bão ảnh hưởng đến đất liền.

+ Bảo đảm an ninh tại các bến, cảng tàu thuyền neo đậu;

- Số lượng tàu thuyền có thể vào neo đậu: Đầm Thị Nại 2.400 chiếc, Đầm Đề Gi 2.000 chiếc, Tam Quan 1.200 chiếc. Đối với các tàu thuyền nhỏ thì đưa lên bờ hoặc nhận chìm.

Bảng 14: Vị trí khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão

TT	Khu vực	Địa điểm	Tọa độ	Chiều dài luồng (m)	Sức chứa (số tàu)
1	Đầm Thị Nại	Thành phố Quy Nhơn và huyện Tuy Phước	13 ⁰ 45'54" N; 109 ⁰ 14'48" E	1.800	2.400
2	Đầm Đề Gi	Huyện Phù Cát và huyện Phù Mỹ	14 ⁰ 07'18" N; 109 ⁰ 12'36" E	1.500	2.000
3	Tam Quan	Xã Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn	14 ⁰ 34'18" N; 109 ⁰ 04'12" E	1.000	1.200

- Đối với lồng bè nuôi trồng trên biển: UBND các huyện ven biển, thành phố Quy Nhơn hướng dẫn các chủ nuôi di chuyển 2.033 lồng bè nuôi trồng thủy

hải sản đến nơi an toàn (các đầm, vịnh kín gió) hoặc vận động các chủ nuôi thu hoạch, chế biến, cất giữ thủy sản.

Bảng 15: Số liệu lồng bè nuôi trồng thủy sản

TT	Địa bàn	Tổng số		Số lượng		Số lượng		Khu vực nuôi
		Lồng, bè (cái)	Số người	Lồng (cái)	Số người	Bè (cái)	Số người	
I	Nước mặn, lợ	2.033	167	2.033	167	0	0	
1	Quy Nhơn	1.833	150	1.833	150	0	0	Phường Hải Cảng; phường Ghềnh Ráng; xã Nhơn Hải; xã Nhơn Châu
2	Phù Mỹ	200	17	200	17	0	0	Thôn Vĩnh Lợi 3; xã Mỹ Thành
II	Nước ngọt	680	45	680	45	0	0	
1	Vĩnh Thạnh	480	36 hộ + 1 doanh nghiệp	480	36 hộ + 1 doanh nghiệp	0	0	Hồ Định Bình; hồ chứa thủy điện A, xã Vĩnh Sơn (01 doanh nghiệp nuôi cá tầm)
2	An Nhơn	30	01	30	01	0	0	Lưu vực Sông Kôn, xã Nhơn Lộc
3	Phù Cát	170	7	170	7	0	0	Hồ Mỹ Thuận, xã Cát Hưng; hồ Suối Tre, xã Cát Lâm; hồ Hội Sơn, xã Cát Sơn

đ. Phương án khắc phục hậu quả

- Chủ tịch UBND các địa phương là người tổng chỉ huy trực tiếp và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng, chống thiên tai cấp trên.

- Các lực lượng địa phương phối hợp với các lực lượng vũ trang, sở, ban, ngành tiếp tục công tác ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu người bị nạn.

- Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm theo yêu cầu của cấp trên để kịp thời ứng phó và cứu trợ khẩn cấp.

- Các huyện, thị xã, thành phố thông tin khẩn cấp cho UBND tỉnh về tình hình ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn và yêu cầu ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn khi vượt quá khả năng.

- UBND tỉnh thông tin khẩn cấp cho trung ương về tình hình ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn và yêu cầu ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn khi vượt quá khả năng.

- Tập trung khắc phục giao thông, giải phóng lòng đường ngay sau khi bão suy yếu để bảo đảm hoạt động của công tác tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu người bị nạn. Có phương án bảo đảm an toàn giao thông sau bão.

- Nhanh chóng thống kê thiệt hại, xác định nhu cầu cứu trợ báo cáo cấp trên.

- Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của nhân dân và nhà nước.

- Tổ chức đưa người sơ tán trở về nhà an toàn.

- Tổ chức cứu trợ khẩn cấp: hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm, bố trí chỗ ở tạm cho các hộ mất nhà cửa hoặc bị hư hỏng nặng.

- Huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, nhu yếu phẩm, tổ chức khắc phục hậu quả:

+ Chăm sóc, điều trị người bị thương.

+ Thăm hỏi, động viên các gia đình có người tử nạn, bị nạn.

+ Khắc phục điện, nước, giao thông, viễn thông.

+ Vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh.

+ Khôi phục nhà cửa, cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục, bưu điện, thủy lợi, tàu thuyền, thủy sản, cây xanh, cơ sở sản xuất, hỗ trợ nông dân khôi phục và tổ chức sản xuất nông nghiệp, ... ưu tiên các khu vực trọng yếu.

+ Cảnh báo người dân biết những nguy hiểm để người dân cảnh giác, đề phòng khi khắc phục hậu quả và trường hợp có mưa lũ sau bão theo các phương án đã xây dựng.

- Tổ chức bình ổn thị trường.

- Vận động, tiếp nhận và phân phối kịp thời các nguồn hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cứu trợ về lương thực, thực phẩm, thuốc men, hỗ trợ kinh phí cho người dân bị thiệt hại.

- Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền về tình hình thiệt hại và kết quả triển khai công tác khắc phục tại địa phương.

2. Kịch bản 2: Bão rất mạnh và siêu bão (gió mạnh từ bão cấp 12 trở lên)

a. Công tác truyền thông

Về cơ bản như kịch bản 1, tập trung vào các nội dung sau:

- Các Đài truyền hình, truyền thanh, phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn tăng cường thời lượng đưa tin, cảnh báo với tần suất 2 giờ đưa tin 1 lần, lưu ý cho người dân, các cơ quan, đơn vị về cường độ, sức tàn phá của bão; đưa ra các số liệu thiệt hại các cơn bão trong lịch sử để mọi người nâng cao mức độ cảnh giác.

- Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị các doanh nghiệp viễn thông trên địa phương nhắn tin thông tin về bão đến từng người dân.

b. Tổ chức ứng phó

- Thực hiện các nội dung đã nêu ở kịch bản 1.

- Chủ tịch UBND tỉnh thành lập các đoàn công tác do lãnh đạo Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh làm trưởng đoàn đến hỗ trợ, giúp đỡ các địa phương ứng phó và chỉ đạo khắc phục hậu quả.

- Thực hiện biện pháp huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, trang thiết bị, nhu yếu phẩm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, ... trên địa bàn để tổ chức ứng phó.

- Tăng cường lực lượng hỗ trợ nhân dân và các cơ quan, tổ chức: chẳng chống nhà cửa, cơ quan trụ sở, kho tàng, bệnh viện, trường học, nhà xưởng, các cơ sở an ninh, quốc phòng, ... Đặc biệt phải an toàn tuyệt đối cho bệnh viện để sẵn sàng tiếp nhận bệnh nhân.

- Cho học sinh, sinh viên các trường, công nhân các doanh nghiệp trên địa bàn tạm nghỉ để tránh bão.

- Thành lập các đội cấp cứu lưu động.

- Rà soát kế hoạch ứng cứu, nhất là các khu vực trọng điểm để sẵn sàng triển khai ngay sau khi bão bắt đầu suy yếu: lực lượng, phương tiện, vật tư, giải phóng lòng đường.

- Triển khai Phương án bảo đảm thông tin, dự phòng thông tin và đề phòng sự cố tê liệt hệ thống thông tin liên lạc: Đài phát dự phòng, điện thoại, pin, bộ đàm, ... dự phòng cho lãnh đạo tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh, huyện, thị xã, thành phố (Sở Thông tin và Truyền thông).

- Bảo đảm trú ẩn an toàn cho lực lượng ứng phó khi bão đổ bộ để sẵn sàng triển khai ứng cứu ngay khi bão bắt đầu suy yếu.

- Thường xuyên báo cáo về Trung ương (Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn).

c. Tổ chức sơ tán nhân dân: Cơ bản thực hiện như ở kịch bản 1.

- Chủ tịch UBND tỉnh quyết định huy động tất cả các nguồn lực, các cơ sở, trụ sở, nhà cửa, cơ quan, nhà thờ, chùa chiền, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng và các cơ sở an toàn chịu bão lớn khác của tất cả tổ chức, hộ gia đình, cá nhân làm cơ sở sơ tán đến cho nhân dân.

- Các địa phương thiếu nơi sơ tán an toàn nhanh chóng thực hiện các biện pháp khẩn cấp như đào hầm trú ẩn (trừ vùng lũ và ven biển).

- Số hộ, số người phải sơ tán tăng lên rất nhiều so với kịch bản 1. Dự kiến số người sơ tán: 18.995 hộ/ 65.404 người sơ tán đối với bão cấp độ 4 và 36.382 hộ/ 123.748 người sơ tán đối với bão cấp độ 5, theo bảng sau:

Bảng 16: Dự kiến số người sơ tán đối với trường hợp bão rất mạnh và siêu bão (cấp độ rủi ro thiên tai cấp 4 và cấp 5)

TT	Huyện	Cấp độ 4				Cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
1	Tây Sơn			1.678	6.712			1.678	6.712
2	Vĩnh Thạnh	292	927	547	1.961	42	154	1.873	7820
3	Vân Canh	90	257	1745	6027	380	920	2298	7757

TT	Huyện	Cấp độ 4				Cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
4	An Lão	280	1.112			280	1.112	480	1.920
5	Hoài Ân	195	610	807	2.812	56	215	946	3.207
6	Phù Mỹ	212	850	159	507	258	898	618	2.406
7	Phù Cát	2.283	8.005	2.222	6.647	2.099	7.168	9.371	32.122
8	Tuy Phước	3.215	9.646	754	2.263	7.934	23.801	2.360	7.081
9	An Nhơn	1.115	3.544	885	3.308	1.614	4.694	1.312	4.390
10	Hoài Nhơn	540	2.429	599	2.396	605	2.627	642	2.846
11	Quy Nhơn	74	262	1.462	5.636	74	262	1.462	5.636
Tổng Cộng		8.296	27.642	10.699	37.762	13.342	41.851	23.040	81.897

(Chi tiết xem [Phụ lục 4](#))

- Số hộ, số người phải sơ tán vùng ven biển ngập lụt do nước biển dâng:
Theo bảng 17.

Bảng 17: Số hộ, số người phải sơ tán vùng ven biển ngập lụt do nước biển dâng

Huyện	Bảo cấp 12-13				Bảo cấp 14-15				Bảo cấp 16-17			
	Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
Phù Mỹ	55	253	221	799	78	270	427	1.664	78	270	427	1.664
Phù Cát	533	2.062	778	3.044	710	3.012	1.363	5.738	631	2.635	1.575	6.544
Tuy Phước	296	888			1.833	5.498	362	1.087	5.900	17.701	1.100	3.299
Hoài Nhơn	710	2.374	505	1.835	1.315	4.210	859	2.981	1.682	5.519	1.711	5.981
Quy Nhơn			308	1.235			308	1.235			308	1.235
Toàn Tỉnh	1.594	5.577	1.812	6.913	3.936	12.990	3.319	12.705	8.291	26.125	5.121	18.723

(Chi tiết xem [Phụ lục 5](#))

d. Tổ chức khắc phục

Thực hiện như kịch bản 1, trong đó lưu ý những nội dung sau:

- Ngay sau bão bắt đầu suy yếu, triển khai ngay công tác ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu người bị nạn.
- Các địa phương thường xuyên liên lạc với UBND tỉnh, kiểm soát tình hình, đề nghị ứng cứu. UBND tỉnh thường xuyên báo cáo tình hình với Trung ương.
- Nhanh chóng giải phóng lòng đường, ưu tiên các tuyến đường đến ứng cứu trước.
- Huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó và cứu trợ khẩn cấp, kê cả cho các địa phương bạn theo lệnh của Thủ tướng Chính phủ.

- Các địa phương cập nhật tình hình cần ứng cứu và tình hình thiệt hại, xác định nhu cầu cứu trợ báo cáo UBND tỉnh xử lý.

- Kịp thời tổ chức cứu trợ khẩn cấp với quy mô lớn: Hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm, bố trí chỗ ở tạm cho các hộ mất nhà cửa hoặc bị hư hỏng nặng (với số lượng lớn).

- Tổ chức đưa người sơ tán trở về nhà an toàn.

- Chăm sóc người bị thương, tìm kiếm người mất tích, tổ chức mai táng, thăm hỏi động viên các gia đình có người bị nạn, tử vong.

- Tập trung khắc phục điện, nước, giao thông và viễn thông.

- Khắc phục vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.

- Khôi phục nhà cửa, cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục, bưu điện, thủy lợi, tàu thuyền, thủy sản, cây xanh, cơ sở sản xuất, hỗ trợ nông dân khôi phục và tổ chức sản xuất nông nghiệp, ...

- Cảnh báo người dân biết những nguy hiểm để người dân cảnh giác, đề phòng khi khắc phục hậu quả.

III. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI LŨ, LŨ QUÉT

1. Kịch bản 1: Đối với lũ

a. *Công tác truyền thông*: Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh và các địa phương triển khai đồng bộ công tác truyền thông như sau:

- Chuyển tải các văn bản chỉ đạo của Trung ương, địa phương đến các cơ quan, đơn vị và nhân dân.

- Các bản tin về mưa lớn, lũ, ngập lụt của cơ quan khí tượng thủy văn được cung cấp cho các cơ quan truyền thông và các cơ quan chức năng từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở để chủ động triển khai ứng phó.

- Thường xuyên theo dõi các bản tin cảnh báo, dự báo thiên tai và diễn biến dịch bệnh Covid qua các phương tiện thông tin đại chúng.

- Hình thức truyền thông tin giữa các cấp, các ngành và đến người dân:

- + Qua Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định.

- + Qua mạng xã hội: Facebook, Zalo, các báo điện tử.

- + Qua hệ thống truyền thanh của địa phương.

- + Qua loa cầm tay trực tiếp, xe loa tuyên truyền cơ động.

- + Nhận thông tin qua: Điện thoại cố định, điện thoại di động, Idesk, fax, email.

- + Các hình thức thông tin, truyền thông chính thống khác.

b. *Tổ chức ứng phó*

Thực hiện chỉ huy tập trung, thống nhất:

- Chủ tịch UBND kiêm Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS các cấp trực tiếp chỉ huy, điều hành, phân công các lực lượng có mặt trên địa bàn trong quá trình phòng tránh, ứng phó với thiên tai.

- Các sở, ngành, địa phương theo dõi chặt chẽ diễn biến thiên tai. Triển khai lực lượng tại chỗ ứng phó theo Lệnh của Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS. Chủ tịch UBND cấp huyện, xã phối hợp Chỉ huy trưởng quân sự, Công an cứu hộ, cứu nạn người hoặc xử lý sự cố công trình do thiên tai.

Tùy thuộc vào các bản tin dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn Bình Định mưa lớn, cảnh báo lũ sẽ có các phương án ứng phó. Tập trung vào các nội dung:

*** UBND các huyện, thị xã, thành phố:** Chủ tịch UBND cấp huyện là tổng chỉ huy trên địa bàn, chịu trách nhiệm:

- Trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng, chống thiên tai cấp trên.

- Tổ chức trực ban 24/24h, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa lớn, cảnh báo lũ, ngập lụt thông tin cảnh báo kịp thời đến chính quyền cơ sở và người dân để chủ động phòng, tránh.

- Tranh thủ thu hoạch, chủ động tháo nước diện tích gieo trồng vụ mùa, kê và đưa lên cao lúa giống gieo sạ; thu hoạch thủy hải sản trên các lồng bè, ao hồ.

- Phân công lãnh đạo và cán bộ xuống địa bàn kiểm tra, đôn đốc.

- Triển khai thực hiện Phương án phòng, chống lũ, lụt; rà soát các khu dân cư đang sống ở những vùng trũng, thấp, vùng ven sông, suối, vùng có nguy cơ sạt lở; lũ quét, triển khai Phương án sơ tán nhân dân; kiểm tra và thực hiện công tác bảo đảm an toàn nơi sơ tán đến phù hợp trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19. Thông báo tình hình mưa lũ để nhân dân chủ động ứng phó, hạn chế đi lại trong vùng ngập lũ.

- Chỉ đạo các địa phương, các đơn vị quản lý hồ chứa theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước các hồ chứa, tổ chức kiểm tra an toàn các hồ chứa nước trên địa bàn; tổ chức trực ban phòng, chống thiên tai các hồ chứa nước 24/24h; phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh sẵn sàng, triển khai lực lượng, phương tiện, trang thiết bị để kịp thời xử lý các sự cố, hư hỏng công trình và hỗ trợ sơ tán nhân dân hạ du hồ chứa.

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, chốt chặn, an ninh trật tự, bảo vệ tài sản trước, trong và sau lũ.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai bảo đảm an toàn hồ chứa nước trên địa bàn, đặc biệt là các hồ chứa nước nhỏ, xung yếu; yêu cầu các chủ nuôi cá lồng bè trên địa bàn tổ chức neo lồng bè an toàn, tuyệt đối không cho người ở lại trên bè khi có lũ.

- Phối hợp với sở, ngành của tỉnh khơi thông cống rãnh thoát nước, tránh ngập úng khu vực đô thị.

- Cấm biển báo, bố trí lực lượng chốt chặn ở những đoạn đường bị ngập sâu, cấm người, phương tiện qua lại ở những đoạn đường bị ngập và những nơi có dòng nước chảy xiết và các khu vực nguy hiểm; phối hợp với Công an tỉnh tổ chức sắp xếp các phương tiện giao thông đang đậu đỗ trên quốc lộ và nội thị bảo đảm an toàn và an ninh.

- Rà soát, sẵn sàng triển khai Phương án phòng, chống lũ cho các công trình đang thi công, các biện pháp phòng, chống ngập úng do mưa lớn cho các khu dân cư do công trình đang thi công dở dang.

- Sẵn sàng nguồn lực để hỗ trợ các địa bàn lân cận khi có yêu cầu.

- Cho học sinh trong vùng ngập lũ nghỉ học theo thông báo của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc của Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố.

- Dừng các cuộc họp không cần thiết để tập trung cho công tác đối phó với lũ lụt.

- Các cấp, các ngành phối hợp với các lực lượng vũ trang trên địa bàn sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, ứng cứu, sơ tán dân khi cần.

- Tổ chức hướng dẫn các tàu thuyền neo đậu an toàn tại các nơi quy định.

- Cấm các đò ngang, đò dọc hoạt động và bố trí lực lượng ứng trực tại các bến đò ngang, đò dọc để kiểm tra việc thực hiện. Cấm người dân vớt củi hoặc hoạt động sinh kế trên sông.

- Bảo đảm thông tin liên lạc, kiểm soát tình hình, các khu vực trọng điểm cần phải tổ chức ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, báo cáo Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh, UBND tỉnh.

- Bảo đảm lương thực, nước uống, y tế trước, trong và sau thiên tai.
- Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện đề nghị Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh, UBND tỉnh hỗ trợ.
- Đánh giá thiệt hại, tổ chức khắc phục hậu quả, ổn định đời sống, phục vụ sản xuất, phòng chống dịch bệnh, xử lý môi trường, do lũ lụt gây ra.
- Tổ chức cứu trợ cho cá nhân và gia đình bị thiệt hại do lũ gây ra.
- Tổng hợp, báo cáo đến cơ quan cấp trên về diễn biến mưa, lũ, lụt, tình hình thiệt hại và kết quả triển khai đối phó, khắc phục hậu quả.

*** Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh**

- Rà soát lại các Phương án hiệp đồng các lực lượng vũ trang, nhất là ứng cứu cho các vùng trọng điểm lũ, hồ chứa và vùng hạ du hồ chứa.
- Hằng năm, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh lập Kế hoạch Hiệp đồng ứng phó sự cố, thiên tai - tìm kiếm cứu nạn với các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn tỉnh Bình Định trong điều kiện phòng, chống dịch COVID-19. Trong Kế hoạch nêu cụ thể về các tình huống thiên tai và phân công trách nhiệm về địa bàn ứng phó xử lý của từng đơn vị cụ thể. Các lực lượng trong kế hoạch hiệp đồng gồm: Các lực lượng của Bộ Quốc phòng, Quân khu, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh ([Kế hoạch số 1682/KH-BCH ngày 02/8/2022 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh về hiệp đồng ứng phó sự cố, thiên tai - tìm kiếm cứu nạn với các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2022 kèm theo](#))
- Chỉ đạo kiểm tra các đơn vị bảo đảm vật chất, lương thực, thực phẩm, quân trang, xăng dầu, quân y, phương tiện vận tải phục vụ công tác sẵn sàng ứng phó mưa lớn, lũ, ngập lụt.

- Ban Chỉ huy Quân sự các huyện ven biển, thị xã Hoài Nhơn và thành phố Quy Nhơn tổ chức lực lượng phối hợp với Đoàn Biên phòng cùng với cơ quan chức năng của địa phương nắm chắc các vùng nguy cơ ngập lụt, sạt lở đất để sẵn sàng ứng cứu khi có yêu cầu.

*** Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh**

- Phối hợp với địa phương, Cảnh sát giao thông đường thủy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức di chuyển toàn bộ tàu thuyền (kể cả tàu du lịch) về neo đậu an toàn nơi quy định. Trong đó lưu ý thực hiện các biện pháp bảo đảm phòng chống dịch bệnh COVID-19 tại các khu tập trung người dân sơ tán đến bao gồm cả ngư dân trên các tàu ngoại tỉnh đến trú tránh.
- Triển khai Phương án cứu hộ, cứu nạn trên biển, trên sông.

*** Công an tỉnh**

- Tập kết lực lượng, phương tiện, trang thiết bị vào các bến bãi, vùng có nguy cơ ngập lụt, sạt lở đất, nước chảy xiết tại các tràn, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ sơ tán dân khi có lệnh.
- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các địa phương triển khai Phương án bảo đảm an toàn giao thông, chốt chặn các tuyến đường và các khu vực nguy hiểm, ngập lụt, nước chảy xiết.

- Triển khai Phương án bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản nhà nước và nhân dân. Đồng thời xử phạt nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng chống dịch bệnh COVID-19.

- Triển khai Phương án phòng cháy, chữa cháy, chú ý đến các khu vực trú đậu của tàu thuyền, khu vực đã sơ tán nhân dân.

- Triển khai Phương án cứu hộ, cứu nạn các tuyến sông còn lại và các suối, ao, hồ (trừ các hồ chứa nước thủy lợi do Công ty TNHH Khai thác thủy lợi Bình Định quản lý); phối hợp với Công ty TNHH Khai thác thủy lợi Bình Định để tổ chức cứu hộ, cứu nạn ở khu vực các hồ chứa nước do Công ty TNHH Khai thác thủy lợi Bình Định quản lý, khai thác và bảo vệ.

*** Sở Xây dựng**

- Triển khai Phương án phòng, chống lụt, bão cho các công trình, công trình đang thi công dở dang, tháp cầu, cây xanh, hệ thống điện chiếu sáng, cấp nước.

- Triển khai Phương án chống ngập lụt, ngập úng trong khu vực nội thị, vận hành các trạm bơm xử lý ngập úng.

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải triển khai Phương án huy động các trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác ứng phó lũ, lụt.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai phương án bảo đảm an toàn các công trình viễn thông, các trụ anten trong khu dân cư.

*** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến của mưa lớn, lũ.

- Rà soát, kiểm tra kế hoạch sơ tán dân vùng bị ngập lụt, chia cắt, cô lập và báo cáo về Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh.

- Phối hợp UBND cấp huyện triển khai công tác bảo đảm an toàn hồ chứa, đập dâng, đê, kè, kênh mương trên địa bàn.

- Tham mưu Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh, UBND tỉnh vận hành điều tiết hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ trên lưu vực sông Côn - Hà Thanh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; vận hành điều tiết hồ chứa nước Đồng Mít trong các tình huống khẩn cấp, lũ lớn.

- Đôn đốc, chỉ đạo công tác trực ban của Văn phòng Thường trực về Phòng, chống thiên tai tỉnh.

*** Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định, Cổng thông tin điện tử tỉnh**

- Triển khai Phương án thông tin truyền thông, kịp thời phát tin mưa lũ, các công điện, văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh và Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền cho người dân việc thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai, dịch bệnh COVID-19 để người dân hiểu và tự giác chấp hành.

- Triển khai Phương án phân công phóng viên đến các vùng trọng điểm về thiên tai để kịp thời đưa tin về tình hình thiên tai, ứng phó và khắc phục.

*** Sở Giao thông vận tải**

- Bố trí lực lượng kiểm soát giao thông, bảo vệ cầu trên tuyến Quốc lộ 1, Quốc lộ 19, Tỉnh lộ và hệ thống giao thông đô thị trong tỉnh.
- Phối hợp với Công an tỉnh chốt chặn các đoạn đường các khu vực nguy hiểm.
- Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh trong công tác giải phóng lòng đường phục vụ ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn.
- Phối hợp với Sở Xây dựng rà soát Phương án chuẩn bị huy động trang thiết bị, phương tiện, vật tư phục vụ công tác sơ tán, ứng phó.

*** Sở Công Thương và Công ty Điện lực Bình Định**

- Sở Công Thương: Rà soát Phương án chuẩn bị, dự trữ, cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân trước và sau bão; Phối hợp với Chi cục Quản lý thị trường tỉnh quản lý tốt thị trường, giá cả, chất lượng hàng hóa trong thiên tai, dịch bệnh COVID-19 xảy ra. Triển khai Phương án phòng, chống bão đối với các công trình, kho tàng, trụ sở của ngành. Chỉ đạo các hồ thủy điện vận hành theo đúng quy định.
- Công ty Điện lực Bình Định: Triển khai Phương án bảo đảm an toàn hệ thống, mạng lưới điện cho tất cả các cấp điện thế.

*** Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Phối hợp với Sở Xây dựng triển khai Phương án xử lý ngập úng.
- Sẵn sàng Phương án tổ chức khắc phục môi trường sau bão; phương án xử lý sự cố tràn dầu, phương án bảo đảm an toàn các công trình, xử lý môi trường.

*** Sở Y tế**

- Triển khai Phương án cấp cứu, tiếp nhận nạn nhân. Phương án bảo đảm an toàn cho các cơ sở y tế, bệnh viện, bệnh nhân.
- Tham gia cùng với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh trong công tác cấp cứu của các Đội cứu hộ, cứu nạn.
- Chuẩn bị lực lượng cán bộ y tế, cơ sở thuốc, phương tiện, vật tư, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu cấp cứu, khám chữa bệnh phòng chống thiên tai, dịch bệnh COVID-19.
- Tổ chức cung ứng, phân phối vật tư, hóa chất, thiết bị cho các địa phương đã sơ tán dân do thiên tai trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 sử dụng kịp thời, hiệu quả.

*** Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Triển khai công tác phòng, chống lụt bão cho các công trình, cơ sở giáo dục.
- Phối hợp với các địa phương sử dụng cơ sở giáo dục đào tạo làm nơi sơ tán nhân dân.
- Thông báo cho các trường học cho học sinh, sinh viên tạm nghỉ học tránh lũ khi có chỉ đạo của UBND tỉnh.

*** Sở Du lịch**

- Triển khai Phương án bảo đảm an toàn cho tất cả các cơ sở du lịch, kể cả tàu du lịch, khách sạn, khu nghỉ dưỡng.

- Phương án bảo đảm an toàn cho khách du lịch.

- Phối hợp với UBND các địa phương trong công tác sử dụng các cơ sở du lịch, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng làm nơi sơ tán đến cho người dân (lưu ý bảo đảm công tác phòng chống dịch COVID-19 theo quy định).

*** *Sở Văn hóa và Thể thao:*** Triển khai Phương án bảo đảm an toàn cho tất cả các cơ sở văn hóa, thể thao.

*** *Đề nghị Đài Khí tượng Thủy văn Bình Định:*** Triển khai Phương án bảo đảm thông tin về dự báo, cảnh báo đến lãnh đạo tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh.

*** *Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh***

- Bảo đảm kết nối thông tin chỉ đạo của UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh với trung ương và các địa phương tại phòng họp UBND tỉnh.

- Đăng tải thông tin bão, lũ và các văn bản chỉ đạo trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

*** *Công ty TNHH KTCT Thủy lợi Bình Định:*** Triển khai Phương án phòng, chống lụt bão và phương án phòng, chống lũ, lụt vùng hạ du các hồ chứa nước, nhất là các hồ vận hành theo Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Kôn - Hà Thanh.

c. Phương án sơ tán dân

Để thực hiện kế hoạch sơ tán dân ra khỏi vùng lũ nhanh gọn, an toàn, bảo đảm phòng, chống dịch bệnh cần triển khai thực hiện như sau: ưu tiên sơ tán xen ghép, hộ dân có nhà không chống chịu được với lũ thì sơ tán xen ghép vào nhà kiên cố, không bị ngập lũ nơi gần nhất; trường hợp không đủ thì sử dụng các cơ sở công cộng tại thôn (trụ sở thôn, trường học, nhà tránh trú bão, ...).

- Phát lệnh sơ tán: tùy tình hình, Chủ tịch UBND tỉnh kiêm Trưởng ban Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS tỉnh phát lệnh sơ tán nhân dân.

- Chỉ huy công tác sơ tán nhân dân: Chủ tịch UBND các địa phương chỉ huy công tác sơ tán dân trên địa bàn.

- Lực lượng và phương tiện hỗ trợ sơ tán nhân dân: Lực lượng vũ trang tại UBND cấp huyện, xã là chủ yếu. Các lực lượng vũ trang đã hiệp đồng với UBND cấp huyện và của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, các sở, ngành hỗ trợ.

- Rà soát lại số người sơ tán, kiểm tra an toàn nơi sơ tán đến.

- Hình thức sơ tán:

- + Người dân tự di dời, sơ tán vào các nhà kiên cố tại chỗ là chính. Trường hợp không đủ, sơ tán vào các trường học, trụ sở cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, khách sạn, công trình công cộng, các cơ sở tôn giáo. Ưu tiên sơ tán trước cho người già, trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật. Chú ý không để sót người tạm trú, sinh viên, công nhân trong các nhà trọ; khách dừng chân tại các bến xe, bến tàu; người trên các lồng bè nuôi trồng thủy sản, tàu thuyền đang neo đậu.

+ UBND cấp xã thực hiện linh hoạt nguyên tắc "ngăn chặn - phát hiện - cách ly - khoanh vùng - dập dịch" theo quy mô và phạm vi hẹp nhất có thể, phù hợp với diễn biến dịch bệnh và lập danh sách cụ thể các hộ dân cần sơ tán xen ghép do bão lũ có xét đến yếu tố phòng dịch COVID-19.

- Địa điểm sơ tán theo **Bảng 12**.

- Người sơ tán phải mang theo thức ăn, nước uống, thuốc chữa bệnh, vật dụng cần thiết để sử dụng trong thời gian sơ tán.

- Chính quyền địa phương nơi tiếp nhận dân tới trú tránh bão phải chuẩn bị lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, bảo đảm an ninh, vệ sinh môi trường và phòng chống dịch bệnh COVID-19.

- Sở Y tế yêu cầu Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố huy động các đội cấp cứu tại chỗ và lưu động sẵn sàng ứng cứu dân; phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS các cấp theo dõi tình hình tại các nơi đang sơ tán dân để bố trí nhân lực, phương tiện, vật tư, thuốc chữa bệnh cho phù hợp trong bối cảnh dịch COVID -19.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán đối với các tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành.

- Một số nguyên tắc trong chỉ huy sơ tán dân trong trường hợp sơ tán tập trung:

+ *Phải bảo đảm thông tin liên lạc và chế độ báo cáo*: Các địa phương, đơn vị phải bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt. Trường hợp có sự cố về đường truyền phải nhanh chóng xử lý hoặc thiết lập kênh thông tin khác. Đồng thời phải duy trì chế độ báo cáo liên tục 2 giờ/lần về kết quả thực hiện cho cấp chỉ huy trực tiếp để chỉ đạo ứng phó kịp thời.

+ *Phải bảo đảm tính cơ động*: Công tác chuẩn bị phải được thực hiện chu đáo. Các điểm tập kết dân phải gần các trục đường vận chuyển và phương tiện cơ giới phải phù hợp với địa hình thực tế, hoạt động bình thường. Tuyên truyền, vận động nhân dân ý thức tự bảo vệ và đoàn kết giúp đỡ nhau đề việc sơ tán bảo đảm nhanh chóng và an toàn.

+ *Phải bảo đảm tính tự giác, nghiêm túc*: Người dân di dời, sơ tán đến các nơi trú tránh dưới sự tổ chức, hướng dẫn của lực lượng bộ đội, công an và dân quân. Phải chấp hành mọi chỉ dẫn, điều động của lực lượng hỗ trợ đề việc sơ tán là tự giác, an ninh và kịp thời gian quy định.

+ *Phải bảo đảm điều kiện sinh hoạt nơi sơ tán đến*: Các nhà kiên cố, cơ sở công cộng, tôn giáo, doanh nghiệp, khách sạn, ... phải bảo đảm điều kiện sinh hoạt cho người dân trong thời gian trú tránh trú. Phải có lương thực, nước uống, chăn màn và nhân viên y tế phục vụ sức khỏe nhân dân. Lưu ý: Phải bảo đảm phòng chống dịch bệnh COVID-19 theo hướng dẫn tại Phụ lục 3.

- Dự kiến số người sơ tán: 7.888 hộ/ 28.769 người sơ tán theo hình thức xen ghép và tập trung.

Bảng 18: Dự kiến số người sơ tán đối với các cấp lũ
(cấp độ Rủi ro thiên tai cấp 3)

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Cấp độ rủi ro thiên tai cấp độ 3			
		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
1	Tây Sơn			1.251	5.121
2	Vĩnh Thạnh	10	36	382	1.184
3	Vân Canh	149	508	414	1.447
4	An Lão			464	3.536
5	Phù Cát	1.237	3.943	1.180	3.763
6	Tuy Phước	305	915		
7	An Nhơn	467	1.636	408	1.117
8	Hoài Nhơn	230	892	319	715
9	Hoài Ân	175	632	508	1.896
10	Quy Nhơn	74	262	315	1.166
Tổng Cộng		2.647	8.824	5.241	19.945

(Chi tiết [Phụ lục 6](#))

d. Phương án khắc phục hậu quả

- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố là người tổng chỉ huy trực tiếp và huy động nguồn lực theo thẩm quyền đề ứng phó thiên tai; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng chống thiên tai cấp trên.

- Các lực lượng địa phương phối hợp với các lực lượng vũ trang, sở, ban, ngành tiếp tục công tác ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu người bị nạn.

- Nhanh chóng thống kê thiệt hại, xác định nhu cầu cứu trợ.

- Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm theo yêu cầu của cấp trên để kịp thời ứng phó và cứu trợ khẩn cấp.

- Thông tin khẩn cấp cho cấp trên về tình hình ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn và yêu cầu ứng cứu, tìm kiếm cứu nạn khi vượt quá khả năng.

- Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của nhân dân và nhà nước tại khu vực xảy ra thiên tai.

- Tổ chức cứu trợ khẩn cấp (đối với lũ lớn): hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm, bố trí chỗ ở tạm cho các hộ mất nhà cửa hoặc bị hư hỏng nặng.

- Huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, nhu yếu phẩm, tổ chức khắc phục hậu quả:

+ Chăm sóc, điều trị người bị thương.

+ Thăm hỏi, động viên các gia đình có người tử nạn, bị nạn.

+ Khắc phục điện, nước, giao thông, viễn thông.

+ Vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.

+ Khôi phục nhà cửa, cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục, bưu điện, thủy lợi, tàu thuyền, thủy sản, cây xanh, cơ sở sản xuất, hỗ trợ nông dân khôi phục và tổ chức sản xuất nông nghiệp, ...

+ Cảnh báo người dân biết những nguy hiểm để người dân cảnh giác, đề phòng khi khắc phục hậu quả.

- Xác định nhu cầu trang bị vật tư, phương tiện cần thiết của địa phương để phục vụ công tác khắc phục hậu quả.

- Tổ chức bình ổn thị trường.

- Vận động, tiếp nhận và phân phối kịp thời các nguồn hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cứu trợ về lương thực, thực phẩm, thuốc men, hỗ trợ kinh phí cho người dân bị thiệt hại sớm ổn định cuộc sống, nhất là hộ gia đình chính sách, hộ đặc biệt nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Tổng hợp, báo cáo lên cấp có thẩm quyền về tình hình thiệt hại và kết quả triển khai công tác khắc phục tại địa phương.

2. Kịch bản 2: Đối với lũ quét

a. Công tác truyền thông: Các địa phương bị ảnh hưởng trực tiếp của lũ quét, sạt lở đất: Một số xã, thị trấn thuộc các huyện An Lão, Vân Canh, Hoài Ân, Vĩnh Thạnh. Do đến nay chúng ta vẫn chưa dự báo được lũ quét nên chỉ cảnh báo. Tin cảnh báo lũ quét được phát riêng hoặc lồng ghép trong các công điện, thông báo về lũ của Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh, được Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS huyện, thị xã, thành phố phát lại hoặc đưa vào công điện, thông báo của huyện, thị xã, thành phố cho các địa phương.

- Hình thức truyền thông tin từ UBND các huyện, thị xã, thành phố đến cộng đồng dân cư:

+ Qua đài phát thanh và truyền hình Bình Định.

+ Qua mạng xã hội: Facebook, Zalo, các báo điện tử.

+ Qua hệ thống truyền thanh của địa phương.

+ Qua loa cầm tay trực tiếp, xe loa tuyên truyền cơ động.

+ Nhận thông tin qua: Điện thoại cố định, điện thoại di động, idesk, fax, email.

+ Các hình thức thông tin, truyền thông chính thống khác.

b. Tổ chức ứng phó

- Trước mùa lũ phải rà soát, phổ biến lại phương án ứng phó, sơ tán lũ quét cho cộng đồng về:

+ Số hộ phải sơ tán.

+ Nơi sơ tán đến.

+ Hình thức phát tin sơ tán của chính quyền đối với cộng đồng: truyền thanh, loa, điện thoại, điện thoại di động, người dân thông báo lại với nhau.

+ Tự di dời, sơ tán đến nơi an toàn là chính.

- Mang theo lương thực, thực phẩm trong thời gian sơ tán.

- Lực lượng, phương tiện hỗ trợ sơ tán.

- Kế hoạch hạn chế, ngăn cấm người và phương tiện vào vùng nguy hiểm.

- Kế hoạch trực ban chỉ huy.
- Phương án ứng phó, tìm kiếm cứu nạn.
- Triển khai Phương án bảo đảm thông tin, dự phòng thông tin và đề phòng sự cố tê liệt hệ thống thông tin liên lạc: Đài phát dự phòng, điện thoại, pin, bộ đàm ... dự phòng cho lãnh đạo các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn, Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn.

c. Phương án sơ tán nhân dân

- Phát lệnh sơ tán: Chủ tịch UBND huyện An Lão, Vân Canh, Hoài Ân, Vĩnh Thạnh hoặc Chủ tịch UBND các xã bị lũ quét.
- Tổ chức sơ tán: Chủ tịch UBND xã trực tiếp chỉ huy công tác sơ tán.
- Tổ chức sơ tán khẩn cấp tất cả các hộ dân sống trong vùng lũ quét (chỉ trừ các hộ dân sống trong Nhà kiên cố lân cận) và các hộ dân sống ở bờ sông bị sạt lở, vùng có nguy cơ bị trượt, sạt lở đất.
- Hình thức sơ tán: người dân tự đi sơ tán là chính; các lực lượng hỗ trợ tham gia hỗ trợ sơ tán.
- Dự kiến số người sơ tán: Theo bảng sau.

Bảng 19: Dự kiến số người sơ tán đối với trường hợp lũ quét, sạt lở đất

TT	Huyện	Lũ quét		Sạt lở đất	
		Số hộ	Số người	Số hộ	Số người
I	An Lão			211	844
1	An Hòa			177	708
2	TT An Lão			7	28
3	An Toàn			12	48
4	An Trung			5	20
5	An Vinh			10	40
II	Vân Canh	186	631	28	88
1	Canh Vinh	23	62	10	20
2	Canh Thuận	123	469		
3	Canh Hòa			7	30
4	Canh Liên			11	38
5	TT Vân Canh	40	100		
III	Hoài Ân			75	315
1	Ân Hảo Đông			18	66
2	Ân Nghĩa			30	148
3	Ân Sơn			27	101
IV	Vĩnh Thạnh	364	1.464	291	1.124
1	Vĩnh Hòa			13	42
2	Vĩnh Thuận	97	400	59	246
3	Vĩnh Kim	22	81	154	591

TT	Huyện	Lũ quét		Sạt lở đất	
		Số hộ	Số người	Số hộ	Số người
4	Vĩnh Sơn	26	100	31	125
5	Vĩnh Hiệp	107	390		
6	Vĩnh Hảo	12	25		
7	Vĩnh Thịnh	100	450	34	120
V	Phù Cát	2.776	8.436	222	903
1	Cát Lâm	825	1.880	32	87
2	Cát Hanh	120	245		
3	Cát Tài	162	774	12	52
4	Cát Minh	12	45	43	225
5	Cát Khánh			5	25
6	Cát Trinh	204	674	30	105
7	Cát Tường			15	65
8	TT Cát Tiến	390	1.560	85	344
	Tổng	3.326	10.531	827	3.274

d. Tổ chức khắc phục

- Tiếp tục tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu người bị nạn.
- Thông tin khẩn cấp cho cấp trên và yêu cầu tìm kiếm cứu nạn.
- Tổ chức đưa người sơ tán trở về nhà an toàn.
- Khẩn trương thống kê, đánh giá thiệt hại, đề xuất nhu cầu hỗ trợ, cứu trợ và khắc phục.
- Xác định nhu cầu trang bị vật tư, phương tiện cần thiết của địa phương để phục vụ công tác khắc phục hậu quả.
- Tổ chức hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nước uống và các nhu yếu phẩm.
- Tổ chức nơi ở tạm cho những người bị mất nhà cửa hoặc nhà cửa bị hư hỏng nặng.
- Huy động nguồn lực, tổ chức khắc phục và đề nghị cấp trên hỗ trợ khắc phục vệ sinh môi trường, phòng chống dịch, dọn dẹp nhà cửa (đội mũ bảo hiểm khi dọn lượ), cơ sở hạ tầng: điện, nước, giao thông, thủy lợi, trường học, y tế, môi trường, khắc phục bồi lấp, sạt lở đồng ruộng, ...
- Tổ chức khôi phục sản xuất.

IV. TRƯỜNG HỢP XUẤT HIỆN ĐỒNG THỜI MỘT SỐ KỊCH BẢN

Việc tổ chức phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai khi xảy ra đồng thời một số kịch bản sẽ được thực hiện đồng thời các nội dung của từng Phương án liên quan.

V. TRƯỜNG HỢP THIÊN TAI XẢY RA CÙNG THỜI ĐIỂM VỚI DỊCH BỆNH COVID-19

Việc tổ chức phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai khi xảy ra dịch bệnh Covid sẽ thực hiện các nội dung của từng Phương án, tuy nhiên cần lưu ý:

1. Thực hiện linh hoạt nguyên tắc "ngăn chặn - phát hiện - cách ly - khoanh vùng - dập dịch" theo quy mô và phạm vi hẹp nhất có thể, phù hợp với diễn biến dịch bệnh COVID-19; áp dụng linh hoạt công thức chống dịch “5K + vaccine, thuốc + điều trị + công nghệ + ý thức người dân + các biện pháp khác”; đồng thời các huyện, thị xã, thành phố cần soát, điều chỉnh linh hoạt kế hoạch, phương án ứng phó với thiên tai phù hợp theo hướng phát huy tối đa phương châm “4 tại chỗ” để sẵn sàng ứng phó kịp thời, hiệu quả. Triển khai phương án ứng phó thiên tai cho các bệnh viện.

2. Rà soát, cập nhật phương án sơ tán dân vùng bị ảnh hưởng bão, lũ lụt theo hướng tăng cường sơ tán xen ghép tại chỗ, hạn chế sơ tán tập trung. Lập danh sách cụ thể các hộ dân xem ghép với nhau.

3. Tăng cường vận động người dân tiêm vaccine, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người (bao gồm cả người bệnh đến khám tại cơ sở y tế) để tránh bỏ sót; khẩn trương hoàn thành việc tiêm mũi 2 cho người dân từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên đến lịch tiêm chủng, trừ các đối tượng chống chỉ định tiêm; tổ chức triển khai tiêm an toàn, khoa học, hiệu quả cho trẻ em từ 5 tuổi đến dưới 12 tuổi ngay khi có vaccine; tiêm vaccine mũi thứ 4 cho người lớn và mũi thứ 3 cho trẻ em từ 5 tuổi đến dưới 18 tuổi và tiêm chủng cho trẻ em từ 3 tuổi đến 5 tuổi.

4. Phối hợp với lực lượng y tế và các đơn vị liên quan chuẩn bị trang thiết bị, máy móc cần thiết để đo thân nhiệt, phân loại các đối tượng để xây dựng phương án sơ tán nhân dân. Test nhanh COVID-19 người dân vùng bị ảnh hưởng bão, lũ phải sơ tán.

5. Sẵn sàng phương án huy động lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm thiết yếu, hóa chất khử trùng, khẩu trang y tế cho các địa điểm sơ tán dân.

6. Lập danh sách các lực lượng huy động để ứng phó thiên tai trong trường hợp dịch bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt là lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, phường, thị trấn.

7. Chuẩn bị dụng cụ, trang thiết bị, thuốc men, khẩu trang y tế, ... bảo đảm an toàn dịch bệnh cho các thành viên Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS các cấp trong trường hợp phải tập trung chỉ đạo hoặc đi kiểm tra hiện trường và các lực lượng được huy động tham gia công tác khắc phục hậu quả thiên tai.

8. Tăng cường, chủ động phương án kết nối, chỉ đạo trực tuyến và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy điều hành ứng phó và thông tin thiên tai giữa Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS các cấp.

QUẢNG NGÃI

GIA LAI

PHÚ YÊN

TT	Huyện	Đợt bão 12-13			Đợt bão 14-16			Đợt bão 16-22					
		Zén gá (m)		Tổng cộng	Zén gá (m)		Tổng cộng	Zén gá (m)		Tổng cộng			
		Số hộ	Số người	Số hộ	Số người	Số hộ	Số người	Số hộ	Số người				
1	Phước Mỹ	55	255	221	769	79	270	427	1.064	78	270	427	1.064
2	Phước Mỹ	40	2.052	778	3.069	71	3.012	1.063	678	631	2.530	1.761	6.941
3	Thị trấn Phước Mỹ	206	855	1.061	1.524	568	2.087	1.061	1.524	568	2.087	1.061	1.524
4	Huyện Phước Mỹ	274	2.274	1.055	3.815	479	5.169	2.147	3.266	1.270	3.359	2.440	7.581
5	Quận Phước Mỹ	535	1.235	1.055	1.235	535	1.235	1.055	1.235	535	1.235	1.055	1.235
6	Tổng cộng	1.084	5.277	1.812	6.131	1.819	12.390	3.819	12.629	2.816	28.126	6.316	18.723

TT	Huyện	Cấp 4-5			Cấp 4-5			Cấp 4-5			
		Xếp hạng 58/60	Xếp hạng trung bình 58	Xếp hạng trung bình 58	Xếp hạng 58/60	Xếp hạng trung bình 58	Xếp hạng trung bình 58	Xếp hạng 58/60	Xếp hạng trung bình 58	Xếp hạng trung bình 58	
1	Đà Nẵng	527	801	510	1.907	202	1.718	1.512	1.4	1.076	6
2	Thị trấn	535	818	516	1.916	207	1.725	1.517	4	1.081	7
3	Sóc Trăng	547	831	525	1.967	222	1.775	1.527	390	2.590	72
4	Đà Nẵng	558	842	536	1.978	227	1.786	1.538	390	2.590	72
5	Đà Nẵng	569	853	547	2.000	232	1.808	1.549	390	2.590	72
6	Đà Nẵng	580	864	558	2.011	237	1.819	1.560	390	2.590	72
7	Thị trấn	591	875	569	2.022	242	1.830	1.571	390	2.590	72
8	Thị trấn	602	886	580	2.033	247	1.841	1.582	390	2.590	72
9	Thị trấn	613	897	591	2.044	252	1.852	1.593	390	2.590	72
10	Thị trấn	624	908	602	2.055	257	1.863	1.604	390	2.590	72
11	Thị trấn	635	919	613	2.066	262	1.874	1.615	390	2.590	72
12	Thị trấn	646	930	624	2.077	267	1.885	1.626	390	2.590	72
13	Thị trấn	657	941	635	2.088	272	1.896	1.637	390	2.590	72
14	Thị trấn	668	952	646	2.099	277	1.907	1.648	390	2.590	72
15	Thị trấn	679	963	657	2.110	282	1.918	1.659	390	2.590	72
16	Thị trấn	690	974	668	2.121	287	1.929	1.670	390	2.590	72
17	Thị trấn	701	985	679	2.132	292	1.940	1.681	390	2.590	72
18	Thị trấn	712	996	690	2.143	297	1.951	1.692	390	2.590	72
19	Thị trấn	723	1.007	701	2.154	302	1.962	1.703	390	2.590	72
20	Thị trấn	734	1.018	712	2.165	307	1.973	1.714	390	2.590	72
21	Thị trấn	745	1.029	723	2.176	312	1.984	1.725	390	2.590	72
22	Thị trấn	756	1.040	734	2.187	317	1.995	1.736	390	2.590	72
23	Thị trấn	767	1.051	745	2.198	322	2.006	1.747	390	2.590	72
24	Thị trấn	778	1.062	756	2.209	327	2.017	1.758	390	2.590	72
25	Thị trấn	789	1.073	767	2.220	332	2.028	1.769	390	2.590	72
26	Thị trấn	800	1.084	778	2.231	337	2.039	1.780	390	2.590	72
27	Thị trấn	811	1.095	789	2.242	342	2.050	1.791	390	2.590	72
28	Thị trấn	822	1.106	800	2.253	347	2.061	1.802	390	2.590	72
29	Thị trấn	833	1.117	811	2.264	352	2.072	1.813	390	2.590	72
30	Thị trấn	844	1.128	822	2.275	357	2.083	1.824	390	2.590	72
31	Thị trấn	855	1.139	833	2.286	362	2.094	1.835	390	2.590	72
32	Thị trấn	866	1.150	844	2.297	367	2.105	1.846	390	2.590	72

TT	Huyện	Tỉnh huyện cấp 30 năm		Tỉnh huyện cấp 30 năm		Tỉnh huyện cấp 30 năm	
		Khoảng cấp 30 năm	Tổng cấp 30 năm	Khoảng cấp 30 năm	Tổng cấp 30 năm	Khoảng cấp 30 năm	Tổng cấp 30 năm
1	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
2	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
3	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
4	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
5	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
6	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
7	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
8	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
9	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
10	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
11	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
12	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
13	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
14	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
15	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
16	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
17	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
18	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
19	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
20	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
21	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
22	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
23	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
24	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
25	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
26	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
27	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
28	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
29	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
30	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
31	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
32	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
33	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
34	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
35	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
36	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
37	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
38	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
39	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
40	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
41	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
42	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
43	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
44	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
45	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
46	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
47	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
48	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
49	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
50	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
51	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
52	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
53	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
54	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
55	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
56	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
57	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
58	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0
59	T. Thủ Đức	0	0	0	0	0	0

[illegible][illegible]

PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN									
Phương tiện giao thông và công nghệ thông tin									
TT	Phường	Máy Otô	Xe gắn máy	Thuyền	Chuyến	Máy Fax	Máy Xếp	Máy Tính	Nhà
		xúc tác	xe	ca	đến	đến	đến	đến	đến
1	Tân Sơn	29	26	26	26	26	26	26	26
2	Thị trấn	16	100	25	31	26	26	26	26
3	Thị trấn	28	45	30	2	74	830	4	3
4	Thị trấn	20	100	30	29	384	2 648	8	1 648
5	Thị trấn	35	26	26	26	26	26	26	26
6	Thị trấn	50	50	52	28	28	28	28	28
7	Thị trấn	79	92	127	170	2 245	124	59	6 335
8	Thị trấn	12	12	12	12	12	12	12	12
9	Thị trấn	26	26	26	26	26	26	26	26
10	Thị trấn	98	98	98	98	98	98	98	98
11	Thị trấn	3	145	2	10	15	5	10	5

SỐ LƯỢNG LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM DƯ TRUY TÀI CÁC ĐỊA PHƯƠNG						
Lương thực, thực phẩm						
TT	Địa phương	Lương thực (tấn gạo)	Hạt màu (tấn)	Gạo (kg)	Thực phẩm (tấn)	Số hộ nghèo (hàng nghìn)
1	Tây Sơn	1.000	24.250	43.700		22,66
2	Miền Thanh	4.000	67.420	84.240	8.410	1.000
3	Việt Nam		16.270	11.200	1.985	0
4	Điền An	880	26.710	36.500	2.730	320
5	Phước Yên		27.070	17.750	7.170	320
6	Phước Mỹ	1.400	52.260	16.950		34,75
7	Phước Cát	24.000	137.280	19.890	93.895	11.661
8	Điền Bình	13.600	25.500	35.000		21,39
9	An Nhơn		25.500	35.000		21,39
10	Hải Ninh	16.725	244.960	92.007	24.783	119,10
11	Quảng Ninh	34.800	55.950	58.000		18,82
12	Điền Bắc	31.800	51.220	78.000	15.625	749,93

Số liệu các chỉ số chính của ngành thủy sản									
STT	Đơn vị	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Đơn vị	Đơn vị
		Thực hiện	Chỉ tiêu	Thực hiện	Chỉ tiêu	Thực hiện	Chỉ tiêu		
1	Số hồ nuôi	1.680	967	1.523	792	0	0	Thường là người dân địa phương	Thường là người dân địa phương
2	Số bể nuôi	10	10	10	10	0	0	Thường là người dân địa phương	Thường là người dân địa phương
3	Số bể nuôi	10	10	10	10	0	0	Thường là người dân địa phương	Thường là người dân địa phương
4	Số bể nuôi	10	10	10	10	0	0	Thường là người dân địa phương	Thường là người dân địa phương
5	Số bể nuôi	10	10	10	10	0	0	Thường là người dân địa phương	Thường là người dân địa phương
6	Số bể nuôi	10	10	10	10	0	0	Thường là người dân địa phương	Thường là người dân địa phương
7	Số bể nuôi	10	10	10	10	0	0	Thường là người dân địa phương	Thường là người dân địa phương
8	Số bể nuôi	10	10	10	10	0	0	Thường là người dân địa phương	Thường là người dân địa phương
9	Số bể nuôi	10	10	10	10	0	0	Thường là người dân địa phương	Thường là người dân địa phương
10	Số bể nuôi	10	10	10	10	0	0	Thường là người dân địa phương	Thường là người dân địa phương

SỐ LƯỢNG TÀI SẢN VÀ TỔNG SỐ LƯỢNG SỔ QUẢN LÝ					
TT	Huyện	Liquor		Số tài sản	
		Số hồ	Số người	Số hồ	Số người
1	An Khê			414	10
2	An Khê			177	758
3	TT An Khê			7	7
4	An Khê			10	16
5	An Khê			5	90
6	An Khê			10	40
7	Văn Chấn	186	431	29	58
8	Văn Chấn	186	431	10	30
9	Chư Măh			7	30
10	Chư Măh			11	38
11	Đăk Lăk	60	100		
12	Hố An Khê			73	319
13	An Khê			18	86
14	An Khê			201	1424
15	Văn Chấn	294	1.484	261	1.780
16	Văn Chấn			13	42
17	Văn Chấn	87	405	40	100
18	Văn Chấn	22	81	154	351
19	Văn Chấn	26	100	103	125
20	Văn Chấn	107	500		
21	Văn Chấn	100	400	34	120
22	Văn Chấn	2.776	4.286	226	993
23	Chư Chư	938	1.880	32	87
24	Chư Chư	320	875		
25	Chư Lăh	167	774	13	30
26	Chư Măh	12	45	25	105
27	Chư Măh	120	400	43	150
28	Chư Măh	204	674	30	125
29	Chư Tăm			16	66
30	Chư Tăm	3.329	1.580	86	344

[illegible][illegible][illegible]

SỐ LIỆT		
Tổng số khu	Tổng số người	Vườn bòn (số thửa/ người)
0.001	41.000	1.610/3.975

TÀU THUYÊN DANH BÁT TRÊN BIỂN			
Vùng Đông (số tàu/ người)	Vùng Khos (số tàu/ người)	Có thiết bị quản sát tàu cá (số tàu)	Ngư trù biển
1.027.0.010	0.279.91.304	3.228	Hoàng Hoàng S Gà. 10

[illegible]

Thị trấn	Thị xã	Khu	Kho	Thị xã	(người)
28	235	95	8	20	939
85	84	2.048	8	1	8.413
20	394	2.810	4	3	814
29	394	2.810	4	1	3.420
85	84	2.048	13	10	762
28	40	359	20	26	606
177	170	2.245	124	59	4.395
65	46	150	0	10	273
142	85	810	11	40	3.288
85	191	462	40	39	1.443
10	16	5	0	6	108
578	1.685	11.199	259	214	17.833

Bảng 1. Phân bố địa điểm nghiên cứu				
STT	Loại địa điểm	Số lượng địa điểm	Loại địa điểm	Số lượng địa điểm
1	Điểm nghiên cứu	10	Điểm nghiên cứu	10
2	Điểm nghiên cứu	10	Điểm nghiên cứu	10
3	Điểm nghiên cứu	10	Điểm nghiên cứu	10
4	Điểm nghiên cứu	10	Điểm nghiên cứu	10
5	Điểm nghiên cứu	10	Điểm nghiên cứu	10
6	Điểm nghiên cứu	10	Điểm nghiên cứu	10
7	Điểm nghiên cứu	10	Điểm nghiên cứu	10
8	Điểm nghiên cứu	10	Điểm nghiên cứu	10
9	Điểm nghiên cứu	10	Điểm nghiên cứu	10
10	Điểm nghiên cứu	10	Điểm nghiên cứu	10

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CÁC BẢNG PHÂN CHIA CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

PHỤ LỤC 2: DANH BẠ ĐIỆN THOẠI THÀNH VIÊN BAN CHỈ HUY
PCTT - TKCN VÀ PTDS TỈNH NĂM 2022

PHỤ LỤC 3: HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC SƠ TÁN DÂN VÀ KIỂM TRA
CÁC ĐIỂM TRÁNH TRÚ AN TOÀN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ
DỊCH BỆNH COVID-19

PHỤ LỤC 4: SỐ LIỆU SƠ TÁN DÂN THEO CÁC CẤP BẢO NĂM
2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

PHỤ LỤC 5: SƠ TÁN DÂN VÙNG VEN BIỂN NGẬP LỤT DO NƯỚC
BIỂN DÂNG THEO CÁC CẤP BẢO NĂM 2022

PHỤ LỤC 6: SỐ LIỆU SƠ TÁN DÂN THEO CÁC CẤP Lũ NĂM 2022
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

PHỤ LỤC 7: PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ PCTT VÀ
TKCN NĂM 2022

PHỤ LỤC 8: TỒN KHO TRANG THIẾT BỊ, VẬT TƯ, THUỐC, HÓA
CHẤT PHÒNG CHỐNG BÃO LỤT TẠI CÁC TUYẾN (ĐẾN 31/08/2022)

KẾ HOẠCH HIỆP ĐỒNG ỨNG PHÓ SỰ CỐ, THIÊN TAI - TÌM KIẾM
CỨU NẠN CỦA BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH VỚI CÁC ĐƠN CỦA BỘ,
QUÂN KHU ĐỨNG CHÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2022

PHỤ LỤC 1: CÁC BẢNG PHÂN CHIA CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI

**Bảng 1: Mã màu đặc trưng trên các loại bản đồ rủi ro thiên tai
(theo thang mã màu RGB cơ bản)**

Cấp độ rủi ro	Màu sắc	Mã màu
1	Xanh dương nhạt	(175, 225, 255)
2	Vàng nhạt	(250, 245, 140)
3	Da cam	(255, 155, 0)
4	Đỏ	(255, 10, 0)
5	Tím	(160, 40, 160)

Bảng 2: Cấp độ rủi ro do áp thấp nhiệt đới, bão

Cấp ATNĐ, bão	Cấp độ rủi ro
≥16 (siêu bão)	5
14-15 (bão rất mạnh)	5
12-13 (bão rất mạnh)	4
10-11 (bão mạnh)	3
6-9 (ATNĐ, bão)	3
Khu vực ảnh hưởng	Đất liền Nam Trung Bộ

Bảng 3: Cấp độ rủi ro do nước dâng

Độ cao mực nước ven biển (tính từ mực nước biển trung bình) (m)	Cấp độ rủi ro
> 6	4
5 - 6	4
4 - 5	4
3 - 4	4
2 - 3	3
1 - 2	2
Khu vực ảnh hưởng	Ven biển các tỉnh Đà Nẵng đến Bình Định

Bảng 4: Cấp độ rủi ro do mưa lớn

Lượng mưa (mm)	Cấp độ rủi ro					
Trên 400/24giờ	3	3	4	3	4	4
Trên 200 đến 400/24 giờ	2	3	3	2	3	4
Từ 100 đến 200/24 giờ hoặc 50-100/12 giờ	1	2	2	1	2	3
Thời gian kéo dài (ngày)	Từ 1 đến 2	Trên 2 đến 4	Trên 4	Từ 1 đến 2	Trên 2 đến 4	Trên 4
Khu vực ảnh hưởng	Đồng bằng, ven biển			Trung du, vùng núi		

Bảng 5: Cấp độ rủi ro do lũ, ngập lụt

Mức nước lũ	Cấp độ rủi ro			
Trên lũ lịch sử	3	3	3	5
(BD3+1m) đến lũ lịch sử	3	3	3	4
(BD3+0.3m) đến dưới (BD3+1.0m)	2	2	3	4
BD3 đến dưới (BD3+0.3m)	2	2	3	3
BD2 đến dưới BD3	1	2	2	3
BD1 đến dưới BD2	1	1	1	2
Khu vực xảy ra lũ, ngập lụt	Các trạm thủy văn thuộc khu vực 1 (gồm các trạm thủy văn: An Hòa, Bồng Sơn, Bình Nghi, Vĩnh Sơn)	Các trạm thủy văn thuộc khu vực 2 (trạm thủy văn Thạnh Hòa)	Các trạm thủy văn thuộc khu vực 3	Các trạm thủy văn thuộc khu vực 4

Bảng 6: Cấp độ rủi ro do lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

Vùng có nguy cơ	Cấp độ rủi ro		
Rất cao	1	2	2
Cao	1	1	2
Trung bình			1
Thấp			
Tổng lượng mưa 24 giờ (mm)	100-200	Trên 200 đến 400	Trên 400
Thời gian mưa trước đó (ngày)	1-2 ngày	Trên 2 ngày	
Khu vực xảy ra	Khu vực 4 (Bình Định)		

Bảng 7: Bảng cấp gió và sóng

Cấp gió	Tốc độ gió		Độ cao sóng trung bình	Mức độ nguy hại
Bô-pho	m/s	km/h	m	
0	0 – 0,2	< 1	-	Gió nhẹ Không gây nguy hại
1	0,3 – 1,5	1 – 5	0,1	
2	1,6 – 3,3	6 – 11	0,2	
3	3,4 – 5,4	12 – 19	0,6	
4	5,5 – 7,9	20 – 28	1,0	- Cây nhỏ có lá bắt đầu lay động, ảnh hưởng đến lúa đang phơi màu - Biển hơi động. Thuyền đánh cá bị chao nghiêng, phải cuốn bớt buồm
5	8,0 – 10,7	29 – 38	2,0	
6	10,8 – 13,8	39 – 49	3,0	- Cây cối rung chuyển. Khó đi ngược gió. - Biển động. Nguy hiểm đối với tàu, thuyền.
7	13,9 – 17,1	50 – 61	4,0	
8	17,2 – 20,7	62 – 74	5,5	- Gió làm gãy cành cây, tốc mái nhà gây thiệt hại về nhà cửa. Không thể đi ngược gió. - Biển động rất mạnh. Rất nguy hiểm đối với tàu, thuyền
9	20,8 – 24,4	75 – 88	7,0	
10	24,5 – 28,4	89 – 102	9,0	- Làm đổ cây cối, nhà cửa, cột điện. Gây thiệt hại rất nặng. - Biển động dữ dội. Làm đắm tàu biển
11	28,5 – 32,6	103 – 117	11,5	
12	32,7 – 36,9	118 – 133	14,0	- Sức phá hoại cực kỳ lớn. - Sóng biển cực kỳ mạnh. Đánh đắm tàu biển có trọng tải lớn
13	37,0 – 41,4	134 – 149		
14	41,5 – 46,1	150 – 166		
15	46,2 – 50,9	167 – 183		
16	51,0 – 56,0	184 – 201		
17	56,1 – 61,2	202 – 220		

(Nguồn: Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai)

**PHỤ LỤC 2: DANH BẠ ĐIỆN THOẠI THÀNH VIÊN BAN CHỈ HUY
PCTT - TKCN VÀ PTDS TỈNH NĂM 2022**

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức vụ	Điện thoại
1	Ông Nguyễn Tuấn Thanh	PCT Thường trực UBND tỉnh	Phó trưởng ban TT	0983477027
2	Ông Trần Văn Phúc	GĐ Sở Nông nghiệp và PTNT	Phó trưởng ban	0913434444
3	Ông Trần Thanh Hải	CHT Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Phó trưởng ban	0983115778
4	Ông Võ Đức Nguyên	GĐ Công an tỉnh	Phó trưởng ban	0913400234
5	Ông Lương Ngọc Chinh	CHT BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh	Ủy viên TT	0988651687
6	Ông Hồ Đắc Chương	PGĐ Sở Nông nghiệp và PTNT	Ủy viên TT	0914022369
7	Ông Nguyễn Đức Nam	PGĐ Công an tỉnh	Ủy viên TT	0905877799
8	Ông Đỗ Xuân Hùng	Phó CHT -Tham mưu trưởng BCH Quân sự tỉnh	Ủy viên TT	0982115925
9	Bà Nguyễn Thị Phong Vũ	Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Ủy viên	0983557976
10	Ông Lê Ngọc An	Chánh Văn phòng UBND tỉnh	Ủy viên	0905022518
11	Ông Lê Minh Tuấn	GĐ Sở Nội vụ	Ủy viên	02563502818
12	Ông Nguyễn Thành Hải	GĐ Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy viên	0903521215
13	Ông Lê Hoàng Nghi	GĐ Sở Tài chính	Ủy viên	0982980909
14	Ông Trần Kim Kha	GĐ Sở Thông tin và Truyền thông	Ủy viên	0971127777
15	Ông Lê Văn Toàn	GĐ Sở Tư pháp	Ủy viên	0913421635
16	Ông Đào Đức Tuấn	GĐ Sở Giáo dục và Đào tạo	Ủy viên	0914065697
17	Ông Tạ Xuân Chánh	GĐ Sở Văn hóa và Thể thao	Ủy viên	0982542829
18	Ông Ngô Văn Tổng	GĐ Sở Công thương	Ủy viên	0903511969
19	Ông Trần Thanh Dũng	GĐ Sở Giao thông Vận tải	Ủy viên	0983016207
20	Ông Nguyễn Mỹ Quang	GĐ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Ủy viên	0914100126
21	Ông Lê Văn Tùng	GĐ Sở Tài nguyên và Môi trường	Ủy viên	0934847968
22	Ông Trần Viết Bảo	GĐ Sở Xây dựng	Ủy viên	0914010916
23	Ông Trần Văn Thanh	GĐ Sở Du lịch	Ủy viên	0975029358
24	Ông Lê Công Nhường	GĐ Sở Khoa học và Công nghệ	Ủy viên	0935268568
25	Ông Nguyễn Thái Bình	GĐ Sở Ngoại vụ	Ủy viên	0913434608
26	Ông Lê Quang Hùng	GĐ Sở Y tế	Ủy viên	0903598047
27	Ông Nguyễn Công Sơn	GĐ Đài Phát thanh Truyền hình Bình Định	Ủy viên	0913416734
28	Ông Phan Viết Hùng	PTB Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Ủy viên	090500324
29	Ông Đinh Văn Lung	TB Ban Dân tộc tỉnh	Ủy viên	0986559514
30	Ông Tô Tấn Thi	GĐ Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT	Ủy viên	0913408278

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức vụ	Điện thoại
31	Ông Trương Khoa	GD Ban QLDA Dân dụng và CN tỉnh	Ủy viên	0914037903
32	Ông Lưu Nhất Phong	GD Ban QLDA Giao thông tỉnh	Ủy viên	0914246512
33	Ông Nguyễn Văn Tánh	GD Công ty TNHH Khai thác CTTL	Ủy viên	0983417809
34	Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Ủy viên	0938972685
35	Ông Hà Duy Trung	Bí thư Tỉnh đoàn	Ủy viên	0983457534
36	Ông Trần Sĩ Dũng	GD Đài KTTV Bình Định	Ủy viên	0905260760
37	Bà Nguyễn Thị Mỹ	Cục trưởng Cục Thống kê Bình Định	Ủy viên	0935253939
38	Ông Hà Văn Cát	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh	Ủy viên	0913421526
39	Ông Thái Văn Trương	PGD Công ty Điện lực Bình Định	Ủy viên	0963557879
40	Ông Phạm Quốc Trung	Q. GD Viễn thông Bình Định	Ủy viên	0914005234
41	Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu	GD Đài Thông tin Duyên hải Quy Nhơn	Ủy viên	0914036675
42	Ông Vũ Thế Quang	GD Cảng vụ Quy Nhơn	Ủy viên	0903255800
43	Bà Nguyễn Thị Nghiệp	GD Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long	Ủy viên	0903833099
44	Ông Phan Tuấn Linh	Tổng GD Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	Ủy viên	0968090963
45	Ông Nguyễn Anh Ngọc	GD Bệnh viện Quân y 13	Ủy viên	0914129979
46	Ông Nguyễn Khang Yên	Sư đoàn trưởng Sư đoàn Bộ binh 31	Ủy viên	0396028169
47	Ông Nguyễn Văn Tùng	Hiệu trưởng Trường Quân sự Quân đoàn 3	Ủy viên	0986110997
48	Ông Phạm Văn Lung	Lữ đoàn Pháo binh 572	Ủy viên	0982013417
49	Ông Vương Đức Vũ	Lữ đoàn Phòng không 573	Ủy viên	0972368059
50	Ông Huỳnh Thanh Minh	Trung tâm huấn luyện quân sự Quốc gia 2	Ủy viên	0965272599
51	Ông Nguyễn Hồng Tuấn	Trung đoàn Không quân 925, Sư đoàn Không quân 372	Ủy viên	0982057539
52	Ông Nguyễn Xuân Mạo	Trung đoàn Cảnh sát Cơ động Nam Trung bộ	Ủy viên	0913752108
53	Ông Đoàn Anh Tiến	Hải đoàn Biên phòng 48	Ủy viên	0913071101

PHỤ LỤC 3: HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC SƠ TÁN DÂN VÀ KIỂM TRA CÁC ĐIỂM TRÁNH TRÚ AN TOÀN PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ DỊCH BỆNH COVID-19

1. Điểm tránh trú an toàn

a) Vị trí điểm tránh trú an toàn:

- Gần nơi ở của người dân dự kiến sơ tán tránh trú.
- An toàn trước cấp gió (Đối với bão, áp thấp nhiệt đới); Không nằm vùng trũng thấp (đối với lũ, ngập lụt);
- Đường đến điểm sơ tán kiên cố/bán kiên cố, không bị ngập lụt,...

b) Lưu ý tại điểm tránh trú an toàn:

- Diện tích đủ rộng để bảo đảm khoảng cách an toàn phòng chống dịch.
- Bố trí tại điểm tránh trú: Diện tích 01 vị trí: 1,2x2m (Bảo đảm sinh hoạt và nghỉ ngơi); Khoảng cách giữa 02 vị trí tối thiểu 2m.
- Lập biển chỉ dẫn lối đi sơ tán và di chuyển 01 chiều trong điểm tránh trú an toàn.
- Lập sơ đồ vị trí, tên, địa chỉ, số điện thoại người dân để phục vụ quản lý, giám sát phòng dịch tại điểm tránh trú. (*Sơ đồ vị trí người dân tránh trú*)
- Có quạt thông gió hoặc ô thông gió trên cao để bảo đảm thông thoáng nhưng an toàn khi thiên tai xảy ra (Bão, áp thấp nhiệt đới,..).
- Có lối đi cho người khuyết tật bảo đảm đúng kỹ thuật theo quy định của Bộ Xây dựng¹ (Nếu chưa đáp ứng được điều kiện phải có giải pháp hỗ trợ).
- Hạn chế sử dụng điểm tránh trú có nhiều cửa kính dễ vỡ, vỡ do vật cứng va đập. Nếu phải sử dụng, phải có biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân (Không để người dân nằm dưới cửa kính, gia cố ván gỗ che kín cửa kính và chằng chống chắc chắn).
- Sàn nhà không trơn, trượt; nếu có điểm trơn trượt phải có biển cảnh báo cho người dân (Chữ viết to, theo ngôn ngữ địa phương và đặt gần nơi cảnh báo, người dân dễ quan sát).
- Tại mỗi cửa ra/vào nơi người dân tránh trú, bố trí nước rửa tay sát khuẩn hoặc nước rửa tay, bình nước, khăn lau. Treo hướng dẫn người dân rửa tay đúng cách phòng chống dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan y tế, Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc – Unicef.
- Bố trí bàn làm việc/bàn gấp tại lối đi vào điểm tránh trú để thực hiện các hoạt động phòng dịch bệnh: Đo thân nhiệt, khai báo y tế, phát khẩu trang (nếu người dân chưa có), rửa tay sát khuẩn và phát tờ thông báo các quy định người dân phải thực hiện phòng chống dịch bệnh tại điểm tránh trú an toàn.
- Bố trí treo các bảng thông báo, hướng dẫn phòng chống dịch bệnh lên tường tại khu người dân tập trung (Quy định phòng chống dịch; thông điệp 5K;

¹ Thông tư số 21/2014/TT-BXD ngày 29/12/2014 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng

phương pháp rửa tay đúng cách; phương pháp dùng khẩu trang đúng cách;...).
Bảng thông báo: Chữ in to, ngôn ngữ địa phương; đặt tại vị trí dễ thấy, dễ đọc.

- Khu vệ sinh cá nhân:

+ Vị trí nằm trong/gần khu người dân tập trung tránh trú. Trong trường hợp nằm tách biệt, xa hoặc ngoài trời thì cần có biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân, đặc biệt với phụ nữ, trẻ em gái, đối tượng dễ bị tổn thương.

+ Có phòng vệ sinh nam, vệ sinh nữ (Biển ghi NAM, NỮ gắn ngoài cửa); Nếu chỉ có 01 phòng vệ sinh phải bảo đảm kín đáo, có đèn điện đủ sáng, có chốt cài trong và biển lật thông báo “Đang sử dụng”.

+ Có giấy vệ sinh, nước sạch, xà phòng/nước rửa tay, nước khử khuẩn sàn và thiết bị vệ sinh.

+ Phòng vệ sinh phải thông thoáng (Quạt thông gió hoặc ô thông gió trên cao).

+ Sàn nhà không trơn, trượt; nếu có điểm trơn trượt phải có biển cảnh báo cho người dân.

+ Lối vào, vị trí đặt thiết bị vệ sinh, rửa tay bảo đảm tiếp cận cho người khuyết tật² (Trong trường hợp điều kiện chưa đáp ứng phải có giải pháp hỗ trợ).

- Phòng cách ly tạm thời được sử dụng trong trường hợp phát hiện người nghi/có triệu chứng nhiễm dịch bệnh, có F0 tại điểm tránh trú an toàn. Phòng cách ly tạm thời cần xem xét:

+ Vị trí phòng bố trí cách biệt, có lối đi riêng.

+ Diện tích đặt 02 giường cho bệnh nhân, bàn và không gian làm việc cho cán bộ y tế.

+ Có biển (KHU VỰC CÁCH LY) đặt bên ngoài và rào chắn để người dân và trẻ em không đi vào khu vực.

- Bố trí bếp nấu nướng phục vụ ăn uống của người dân và lực lượng canh trực tại điểm tránh trú.

- Phòng tắm:

+ Vị trí nằm trong/gần khu người dân tập trung tránh trú. Trong trường hợp nằm tách biệt, xa hoặc ngoài trời thì cần có biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân, đặc biệt với phụ nữ, trẻ em gái, đối tượng dễ bị tổn thương.

+ Tách biệt nam giới, phụ nữ; có đủ ánh sáng và xà phòng. Trong trường hợp chỉ có 01 nhà tắm thì phải có vách ngăn kín đáo, bên ngoài có biển báo (NAM, NỮ).

2. Sơ tán người dân

- Lập danh sách và thông báo (qua loa phát thanh, loa cầm tay, loa di động, phát tờ thông báo đến từng hộ dân, tin nhắn SMS, mạng xã hội,..) với người dân vị trí điểm tránh trú an toàn, lối đi an toàn để người dân chủ động thực hiện khi có lệnh sơ tán.

² Thông tư số 21/2014/TT-BXD ngày 29/12/2014 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng

Đối với đối tượng dễ bị tổn thương, cần hỗ trợ, phải lập danh sách, phân công lực lượng hỗ trợ và thông báo cho người dân (Cung cấp tên, số điện thoại cán bộ hỗ trợ cho người dân).

- Phân luồng, người cách người 2m và bố trí người dân đến đúng vị trí đã được bố trí theo “*Sơ đồ vị trí người dân tránh trú*”.

- Trong lúc đi sơ tán người dân cần bảo đảm an toàn phòng chống dịch bệnh (Đeo khẩu trang, giữ khoảng cách,...)

- Tại các vùng có nguy cơ dịch bệnh rất cao/cao, xem xét việc xét nghiệm nhanh ngẫu nhiên người dân tại điểm tránh trú an toàn (Có thể xét nghiệm gộp mẫu).

3. An ninh, trật tự

Bảo đảm an ninh, trật tự trong thời gian người dân sơ tán tại điểm tránh trú an toàn. Đặc biệt sẵn sàng tình huống:

- Hoạt động gây rối, mất trật tự, an ninh của người dân tại điểm tránh trú (Tranh cãi, tranh chấp, quấy rối tình dục, đánh bạc trái pháp luật, đánh nhau hoặc xúi giục người khác đánh nhau,...).

- Hành động gây rối, hoảng loạn, lo lắng khi phát hiện người nghi hoặc có triệu chứng nghi nhiễm, có F0 tại điểm tránh trú an toàn.

4. Vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh

- Quy định và hướng dẫn người dân vứt rác đúng vị trí, đúng thùng/túi phân loại rác (Rác sinh hoạt, rác y tế). Tất cả khẩu trang y tế đã qua sử dụng phải đựng trong thùng/túi đựng rác thải y tế.

- Vị trí để thùng/túi rác đặt ở vị trí thuận lợi đi lại cho người dân, không quá xa nơi ở của người dân, không gần/ đi qua phòng cách ly tạm thời, không bị ngập nước (Đặt cao, khô ráo) và có biển ghi “KHU ĐỂ RÁC”.

- Thùng/túi đựng rác phải ghi rõ “Rác sinh hoạt”, “Rác y tế” và có nắp đậy kín (Đối với thùng) hoặc buộc kín (Đối với túi).

- Thu gom, xử lý rác thực hiện theo quy định và hướng dẫn của cơ quan y tế.

5. Vật tư phòng chống dịch bệnh

Ngoài các vật tư phục vụ PCTT, một số vật tư thiết yếu, bao gồm:

- Phòng chống dịch bệnh:

- + Nước rửa tay sát khuẩn.

- + Nước rửa tay có độ cồn trên 60%

- + Khẩu trang y tế/khẩu trang vải

- + Nước súc họng (Nước muối sinh lý 9‰)

- + Thuốc nhỏ mũi.

- + Bộ bảo hộ phòng chống dịch (Bộ mũ, áo, quần chống dịch cấp độ 3-4; kính bảo hộ; Tấm che mặt; Găng tay y tế; Bao giày; Khẩu trang) đối với cán bộ y tế; cán bộ quản lý, giám sát điểm tránh trú; người nghi/có triệu chứng nghi nhiễm dịch bệnh tại phòng cách ly tạm thời (Đặc biệt đối với điểm tránh trú an

toàn trong khu vực có mức độ nguy cơ dịch bệnh rất cao/cao hoặc đã có dịch bệnh).

- Vệ sinh trong sinh hoạt:
- + Xà phòng hoặc nước rửa tay.
- + Giấy vệ sinh.
- + Nước khử khuẩn sàn và thiết bị vệ sinh.
- + Thùng/túi đựng rác thải.

6. Phương tiện

Ô tô chuyên chở người nghi/có triệu chứng nghi nhiễm dịch bệnh, F0 bảo đảm yêu cầu phòng chống dịch bệnh đến khu cách ly, khu chăm sóc, điều trị.

7. Trang thiết bị y tế

- Thiết bị đo thân nhiệt.
- Các thiết bị tối thiểu (theo hướng dẫn của cơ quan y tế) xử lý trường hợp xuất hiện người nghi/có triệu chứng nghi nhiễm dịch bệnh, có F0 tại phòng cách ly tạm thời trước khi đưa đến khu cách ly, khu chăm sóc, điều trị.

8. Tài liệu phục vụ phòng chống dịch tại điểm tránh trú an toàn

- Mẫu khai báo y tế theo quy định của Bộ Y tế.
- Danh sách người dân tại điểm tránh trú an toàn: Tên, tuổi, địa chỉ, số điện thoại, thời gian đến điểm tránh trú, thân nhiệt, tình hình sức khỏe.
- Bảng theo dõi thân nhiệt người dân trong thời gian sơ tán tại điểm tránh trú an toàn theo từng ngày (Có thể kiểm tra thân nhiệt ngẫu nhiên).
- Sơ đồ vị trí người dân tránh trú.
- Thông báo các quy định người dân phải thực hiện phòng chống dịch bệnh tại điểm tránh trú an toàn.
- Thông báo/hướng dẫn treo tường:
 - + Hướng dẫn rửa tay đúng cách phòng chống dịch bệnh.
 - + Quy định phòng chống dịch bệnh tại điểm tránh trú an toàn.
 - + Thông điệp 5K.
 - + Hướng dẫn sử dụng khẩu trang đúng cách phòng chống dịch bệnh.
- Biển chỉ dẫn, cảnh báo tại phòng cách ly tạm thời, khu vệ sinh, khu tắm, các điểm trơn, trượt nguy hiểm, hướng di chuyển, khu để rác (Rác sinh hoạt, rác y tế)

9. Hậu cần

- Nước sạch bảo đảm cho người lớn: 01-1,5 lít/người lớn/ngày.
- Nước sạch bảo đảm cho trẻ em (ước lượng theo công thức):

$$\text{Lượng nước uống (ml)} = 1.000 \text{ ml} + n \times 50 \text{ (n = số kg của trẻ - 10)}$$
- Bổ sung lương thực, thực phẩm và thuốc tăng cường sức khỏe, sức đề kháng cho người dân. Đối với phụ nữ mang thai, người cao tuổi, người mắc bệnh mãn tính cần lưu ý lương thực, thực phẩm có đủ chất: Chất đạm, vitamin C, vitamin D, vitamin E, selen, sắt, kẽm, thực phẩm chứa flavonoid và omega3.

PHỤ LỤC 4: SỐ LIỆU SƠ TÁN DÂN THEO CÁC CẤP BẢO NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

TT	Huyện/Xã	Bảo cấp độ 3				Bảo cấp độ 4				Bảo cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
I	Tây Sơn							1.510	6.445			1.663	7.120
1	Xã Bình Hòa							114	456			114	456
2	Xã Bình Nghi							84	338			123	492
3	Xã Bình Tân							195	780			195	780
4	Xã Bình Thành							126	504			126	504
5	Xã Bình Thuận							87	348			87	348
6	Xã Bình Tường							83	332			83	332
7	Xã Tây An							39	156			39	156
8	Xã Tây Bình							92	368			92	368
9	Xã Tây Giang							126	504			126	504
10	Xã Tây Phú							90	360			90	360
11	Xã Tây Thuận							111	444			111	444
12	Xã Tây Vinh							34	71			139	556
13	Xã Tây Xuân							78	780			78	780
14	Xã Vĩnh An							251	1.004			251	1.004
II	Vĩnh Thạnh	327	801	512	1.987	292	927	547	1.961	42	154	1.873	7820
1	Xã Vĩnh Hòa			55	197			98	312			131	408
2	Xã Vĩnh Quang			98	330			98	330			98	330
3	Xã Vĩnh Thuận			54	212			62	226			68	253
4	Xã Vĩnh Kim	22	81					154	591			258	967
5	Xã Vĩnh Sơn	10	36	17	58	24	84	30	112	42	154	74	291
6	Xã Vĩnh Hiệp			35	134			105	390			1.053	3.662

TT	Huyện/Xã	Bảo cấp độ 3				Bảo cấp độ 4				Bảo cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
7	Xã Vĩnh Hảo	295	684			268	645					348	1.766
8	Xã Vĩnh Thịnh			237	980								
9	TT Vĩnh Thạnh			21	76			38	141			39	143
III	Vân Canh	145	481	895	2818	90	257	1745	6027	380	920	2298	7757
1	Canh Vinh			492	1508			1270	4460			1762	5967
2	Canh Hiền			17	50			25	100			46	170
3	Canh Hiệp	91	302										
4	Canh Thuận			94	362			94	362			94	362
5	Canh Hòa	54	179			90	257			380	920		
6	Canh Liên			278	847			278	847			278	847
7	Thị trấn Vân Canh			14	51			78	258			118	411
IV	An Lão					280	1.112			280	1.112	480	1.920
1	Xã An Hòa					70	280			55	220	200	800
2	Xã An Tân					20	80			30	120	30	120
3	Xã An Quang					25	100			25	100	25	100
4	Xã An Hưng					25	100			25	100	25	100
5	TT An Lão					15	52			20	72		
6	Xã An Trung					35	140			35	140	35	140
7	Xã An Dũng					15	60			15	60	15	60
8	Xã An Vinh					35	140			35	140	70	280
9	Xã An Nghĩa					25	100			25	100	50	200
10	Xã An Toàn					15	60			15	60	30	120
V	Hoài Ân					195	610	807	2.812	56	215	946	3.207

TT	Huyện/Xã	Bảo cấp độ 3				Bảo cấp độ 4				Bảo cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
1	Xã Ân Nghĩa							78	237			78	237
2	Xã Ân Hữu					36	127					36	127
3	Xã Ân Tường Tây					56	215			56	215		
4	Xã Ân Tường Đông							11	26			11	26
5	Xã Ân Đức							118	445			118	445
6	Xã Ân Thạnh							115	380			115	380
7	Xã Ân Mỹ							290	1.064			290	1.064
8	Xã Ân Tín					103	268					103	268
9	Xã Ân Hào Tây							99	323			99	323
10	Xã Ân Hào Đông							96	337			96	337
VI	Phù Mỹ					212	850	159	507	258	898	618	2.406
1	Xã Mỹ Tài					46	221			46	221		
2	Xã Mỹ Cát							40	120			128	587
3	Xã Mỹ Chánh					52	201			52	201	70	295
4	Xã Mỹ Thọ											41	177
5	Xã Mỹ Thành					15	89			17	60	40	149
6	Xã Mỹ An					42	182			42	182	58	254
7	Xã Mỹ Thắng							55	203			83	321
8	Xã Mỹ Đức					4	9	64	184	27	48	109	403
9	Mỹ Châu					17	66			17	66	22	88
10	Mỹ Lợi					36	82			57	120	67	132
VII	Phù Cát	1.464	4.591	1.039	3.037	2.283	8.005	2.222	6.647	2.099	7.168	9.371	32.122
1	Xã Cát Chánh	108	425	0	0	312	1.261	108	425	469	1.857	627	2.503

TT	Huyện/Xã	Bảo cấp độ 3				Bảo cấp độ 4				Bảo cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
2	Xã Cát Sơn	41	111	20	39	88	151	48	112	227	716	469	1.073
3	Xã Cát Lâm	225	512	297	706	270	566	398	872	320	936	393	1.129
4	TT Ngô Mây	14	44	5	15	14	44	5	15	14	44	5	15
5	Xã Cát Hiệp	275	821	20	56	293	880	23	64	317	951	30	85
6	Xã Cát Hanh	71	235	-	-	-	-	137	430	-	-	153	451
7	Xã Cát Trinh	-	-	204	674	-	-	281	810	-	-	356	1.005
8	Xã Cát Tân	104	344	-	-	-	-	104	344	-	-	5.015	17.060
9	Xã Cát Tường	65	199	33	111	26	146	72	247	-	-	-	-
10	Xã Cát Nhon	-	-	-	-	101	305	-	-	63	201	101	305
11	Xã Cát Thắng	260	856	361	1.074	376	1.161	482	1.430	290	956	897	2.770
12	TT Cát Tiến	-	-	-	-	450	2.217	135	188	35	150	925	4.130
13	Xã Cát Hải	72	201	13	47	82	236	31	123	99	309	31	123
14	Xã Cát Hưng	-	-	-	-	-	-	41	160	-	-	-	-
15	Xã Cát Tài	42	137	-	-	-	-	63	217	-	-	63	217
16	Xã Cát Minh	64	182	86	315	64	182	86	315	64	182	86	315
17	Xã Cát Khánh	78	349	-	-	126	538	113	487	123	543	125	533
18	Xã Cát Thành	45	175	-	-	81	318	95	408	78	323	95	408
VIII	Tuy Phước	305	915			3.215	9.646	754	2.263	7.934	23.801	2.360	7.081
1	Xã Phước Thắng	37	111			383	1.150	256	767	639	1.917	153	460
2	Xã Phước Hòa	113	339			446	1.337	45	134	1.025	3.075	267	802
3	Xã Phước Sơn	55	165			642	1.925	64	193	1.155	3.466	385	1.155
4	Xã Phước Thuận	91	273			490	1.469	49	147	930	2.790	294	881
5	Xã Phước Nghĩa	9	27			74	221	15	44	192	576	44	133

TT	Huyện/Xã	Bảo cấp độ 3				Bảo cấp độ 4				Bảo cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
6	Xã Phước Hiệp					254	763	51	153	712	2.136	153	458
7	Xã Phước Hưng					186	559	37	112	485	1.454	112	335
8	Xã Phước Quang					199	596	40	119	636	1.907	159	477
9	Xã Phước Lộc					237	711	47	142	569	1.706	190	569
10	Xã Phước Thành					68	204	34	102	306	919	136	409
11	Xã Phước An					104	313	52	156	573	1.720	209	626
12	Thị trấn Diêu Trì					63	188	30	89	326	979	119	356
13	Thị trấn Tuy Phước					70	210	35	105	386	1.157	140	421
IX	Thị xã An Nhơn	467	1.636	408	1.117	1.115	3.544	885	3.308	1.614	4.694	1.312	4.390
1	Bình Định	72	235	32	90	109	418	69	207	220	626	147	439
2	Đập Đá	18	65	23	93	188	179	103	472	250	512	184	623
3	Nhơn Hưng	24	80	19	46	41	154	46	163	63	165	56	169
4	Nhơn An	29	92	36	98	64	219	97	461	87	292	124	391
5	Nhơn Phong	18	83	22	48	46	214	39	150	86	296	60	252
6	Nhơn Hạnh	51	142	39	97	87	322	91	347	126	405	141	412
7	Nhơn Thành	32	116	42	85	67	234	66	236	111	329	90	270
8	Nhơn Hậu	36	134	54	133	105	314	107	318	132	420	135	488
9	Nhơn Mỹ			7	13	26	48	27	50	29	54	36	70
10	Nhơn Phúc	22	73	26	58	61	214	41	156	82	222	63	232
11	Nhơn Khánh	20	56	17	34	43	125	30	120	51	148	35	115
12	Nhơn Hòa	50	149	28	107	100	312	54	191	144	365	77	305
13	Nhơn Lộc	9	37	18	45	31	132	35	120	38	156	36	154
14	Nhơn Thọ	67	307	30	134	114	539	47	185	151	549	91	352

TT	Huyện/Xã	Bảo cấp độ 3				Bảo cấp độ 4				Bảo cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
15	Nhon Tân	19	67	15	36	33	120	33	132	44	155	37	118
X	Thị xã Hoài Nhơn	230	892	319	715	540	2.429	599	2.396	605	2.627	642	2.846
1	Tam Quan Bắc	16	57	19	47	34	154	40	160	42	176	44	188
2	Hoài Mỹ	25	94	34	78	57	258	66	264	65	284	69	305
3	Hoài Xuân	18	65	23	55	39	179	47	188	46	202	48	214
4	Hoài Châu Bắc	13	46	18	39	28	126	35	140	29	133	33	146
5	Tam Quan Nam	18	76	23	50	43	192	40	160	48	199	49	221
6	Hoài Hương	17	69	24	52	41	187	43	172	44	197	45	213
7	Hoài Đức	12	52	18	37	30	134	30	120	31	136	33	151
8	Hoài Sơn	24	87	35	80	55	253	69	276	61	282	65	297
9	Hoài Châu	10	42	12	30	23	108	23	92	29	123	27	128
10	Hoài Phú	12	52	18	37	30	134	30	120	31	136	33	151
11	Hoài Hảo	11	43	19	40	29	128	34	136	30	136	34	148
12	Tam Quan	9	35	15	32	24	103	27	108	26	110	30	122
13	Hoài Thanh	9	35	15	32	24	103	27	108	26	110	30	122
14	Bồng Sơn	5	23	7	14	12	55	11	44	12	54	12	60
15	Tam Quan	9	35	15	32	24	103	27	108	26	110	30	122
16	Hoài Tân	11	34	12	33	22	99	29	116	30	122	32	128
17	Hoài Thanh Tây	11	47	12	27	25	113	21	84	29	117	28	130
XI	TP. Quy Nhơn	74	262	1.462	5.636	74	262	1.462	5.636	74	262	1.462	5.636
1	Xã Nhơn Lý			216	914			216	914			216	914
2	Xã Nhơn Hải			57	209			57	209			57	209
3	Xã Nhơn Châu			35	112			35	112			35	112

TT	Huyện/Xã	Bảo cấp độ 3				Bảo cấp độ 4				Bảo cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
4	Xã Phước Mỹ	10	36	107	411	10	36	107	411	10	36	107	411
5	Phường Nhơn Phú			88	315			88	315			88	315
6	Phường Quang Trung			106	382			106	382			106	382
7	Phường Thị Nại			45	192			45	192			45	192
8	Phường Lý Thường Kiệt			14	38			14	38			14	38
9	Phường Trần Hưng Đạo			20	85			20	85			20	85
10	Phường Trần Quang Diệu			120	440			120	440			120	440
11	Phường Lê Lợi			7	23			7	23			7	23
12	Phường Nguyễn Văn Cừ			14	79			14	79			14	79
13	Phường Ngô Mây			133	459			133	459			133	459
14	Phường Nhơn Bình	28	110					28	110			28	110
15	Phường Bùi Thị Xuân	36	116			36	116			36	116		
16	Phường Đống Đa			92	338			92	338			92	338
17	Phường Ghềnh Ráng			173	689			173	689			173	689
18	Phường Hải Cảng			28	102			28	102			28	102
19	Phường Lê Hồng Phong			106	448			106	448			106	448

TT	Huyện/Xã	Bảo cấp độ 3				Bảo cấp độ 4				Bảo cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
Tổng Cộng		3.012	9.578	4.635	15.310	8.296	27.642	10.699	37.762	13.342	41.851	23.025	82.305

PHỤ LỤC 5: SƠ TÁN DÂN VÙNG VEN BIỂN NGẬP LỤT DO NƯỚC BIỂN DÂNG THEO CÁC CẤP BẢO NĂM 2022

TT	Huyện/xã	Bảo cấp 12-13				Bảo cấp 14-15				Bảo cấp 16-17			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
I	Phù Mỹ	55	253	221	799	78	270	427	1.664	78	270	427	1.664
1	Mỹ Cát			115	437			145	542			145	542
2	Mỹ Thọ							31	132			31	132
3	Mỹ Thành	9	62			9	40	28	115	9	40	28	115
4	Mỹ An	42	182			42	182	58	254	42	182	58	254
5	Mỹ Thắng			42	178			56	218			56	218
6	Mỹ Đức	4	9	64	184	27	48	109	403	27	48	109	403
II	Phù Cát	533	2.062	778	3.044	710	3.012	1.363	5.738	631	2.635	1.575	6.544
1	Xã Cát Thành	81	318	109	444	81	318	95	408	78	323	95	408
2	Xã Cát Khánh	126	538	97	403	126	538	83	367	123	543	95	413
3	Xã Cát Minh	61	250	49	250	61	250	49	250	61	250	49	250
4	Xã Cát Hải	72	201	13	47	82	236	31	123	99	309	31	123
5	TT Cát Tiến	193	755	510	1900	360	1670	1105	4590	270	1210	1305	5350
III	Tuy Phước	296	888			1.833	5.498	362	1.087	5.900	17.701	1.100	3.299
1	Xã Phước Thắng	37	111			256	767	204	613	895	2.684	153	460
2	Xã Phước Hòa	113	339			446	1.337	45	134	1.560	4.679	267	802
3	Xã Phước Sơn	55	165			642	1.925	64	193	1.733	5.199	385	1.155
4	Xã Phước Thuận	91	273			490	1.469	49	147	1.713	5.140	294	881
IV	Thị xã Hoài Nhơn	710	2.374	505	1.835	1.315	4.210	859	2.981	1.682	5.519	1.711	5.981
1	Hoài Châu Bắc					24	73	16	52	82	312	44	154
2	Hoài Mỹ	45	65	0	0	57	176	162	584	172	725	565	2.077

TT	Huyện/xã	Bảo cấp 12-13				Bảo cấp 14-15				Bảo cấp 16-17			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
3	Tam Quan Bắc	50	150	0	0	172	405	0	0	0	0	298	1.192
4	Hoài Xuân	63	124			110	213			280	582	67	147
5	Tam Quan Nam	350	1.246	220	711	614	2.179	251	810	810	2.766	251	810
6	Hoài Thanh	18	69			18	69			18	39		
7	Hoài Hương	114	440	114	440	236	759	236	759	236	759	236	759
8	Hoài Hải	70	280	171	684	84	336	194	776	84	336	250	842
V	TP. Quy Nhơn			308	1.235			308	1.235			308	1.235
1	Xã Nhơn Lý			216	914			216	914			216	914
2	Xã Nhơn Hải			57	209			57	209			57	209
3	Xã Nhơn Châu			35	112			35	112			35	112
Toàn Tỉnh		1.594	5.577	1.812	6.913	3.936	12.990	3.319	12.705	8.291	26.125	5.121	18.723

PHỤ LỤC 6: SỐ LIỆU SƠ TÁN DÂN THEO CÁC CẤP LŨ NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

TT	Huyện/xã	Trên báo động 3				Trên báo động 3 +1m				Trên lũ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
I	Tây Sơn			1.251	5.121			1.290	5.229			1.383	5.664
1	Xã Bình Hòa			114	456			114	456			114	456
2	Xã Bình Nghi			132	528			132	528			132	528
3	Xã Bình Thành			300	1.200			300	1.200			300	1.200
4	Xã Bình Tường			57	228			57	228			57	228
5	Xã Tây An			54	216			54	216			54	216
6	Xã Tây Bình			92	368			92	368			92	368
7	Xã Tây Giang			126	504			126	504			126	504
8	Xã Tây Phú			16	64			16	64			16	64
9	Xã Tây Thuận			111	444			111	444			111	444
10	Xã Tây Vinh			7	13			46	121			139	556
11	Xã Tây Xuân			22	220			22	220			22	220
12	TT. Phú Phong			220	880			220	880			220	880
II	Vĩnh Thạnh	10	36	382	1.184	28	103	154	586	49	111	1.191	4.235
1	Xã Vĩnh Hòa			5	15			15	50			45	145
2	Xã Vĩnh Quang			3	11			3	11				
3	Xã Vĩnh Thuận			10	44	8	32	31	135			96	405
4	Xã Vĩnh Kim									22	81		
5	Xã Vĩnh Sơn	10	36			20	71			27	30	5	23
6	Xã Vĩnh Hiệp			35	134			105	390			1.053	3.662

TT	Huyện/xã	Trên báo động 3				Trên báo động 3 +1m				Trên lũ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
7	Xã Vĩnh Thịnh			237	980								
III	Vân Canh	149	508	414	1447	0	0	1234	4382	0	0	2985	10148
1	Canh Vinh			161	528			981	3463			2620	8851
2	Canh Hiến			72	260			72	260			72	260
3	Canh Hiệp	149	508										
4	Canh Thuận			132	469			132	469			132	469
5	Canh Hòa			6	30			6	30			6	30
6	Canh Liên			43	160			43	160			43	160
7	TT. Vân Canh			0	0			0	0			112	378
IV	An Lão			464	3.536			974	3.856			464	1.856
1	Xã An Hòa			429	3.376			884	3.536			120	480
2	Xã An Tân			25	120			60	240			289	1.156
3	TT. An Lão			10	40			30	80			55	220
V	Hoài Ân	175	632	508	1.896	175	632	623	2.276			798	2.908
1	Xã Ân Nghĩa			32	132			32	132			32	132
2	Xã Ân Hữu	36	127			36	127					36	127
3	Xã Ân Tường Tây	56	215			56	215					56	215
4	Xã Ân Tường Đông			6	20			6	20			6	20
5	Xã Ân Đức			118	445			118	445			118	445
6	Xã Ân Thạnh							115	380			115	380
7	Xã Ân Mỹ			81	324			81	324			81	324
8	Xã Ân Tín	83	290			83	290					83	290
9	Xã Ân Hảo Tây			175	638			175	638			175	638

TT	Huyện/xã	Trên báo động 3				Trên báo động 3 +1m				Trên lũ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
10	Xã Ân Hảo Đông			96	337			96	337			96	337
VI	Phù Mỹ					177	683	170	640	198	721	461	1.704
1	Xã Mỹ Tài					46	221			46	221		
2	Xã Mỹ Cát							115	437			178	707
3	Xã Mỹ Chánh					52	201			52	201	70	295
4	Xã Mỹ Thọ											10	45
5	Xã Mỹ Thành					28	119			28	119	28	99
6	Xã Mỹ Thắng							55	203			83	321
7	Xã Mỹ Châu					15	60			15	60	25	105
8	Xã Mỹ Lợi					36	82			57	120	67	132
9	Xã Mỹ Hiệp					9	36			9	36		
VII	Phù Cát	1.237	3.943	1.180	3.763	2.335	8.123	1.917	6.075	2.446	7.297	4.807	16.587
1	Xã Cát Chánh					302	843			700	1.886	10	24
2	Xã Cát Sơn	9	28			9	28			9	28		
3	Xã Cát Lâm	186	577	274	826	227	666	311	893	154	420	351	1131
4	TT. Ngô Mây	14	44	5	15	14	44	5	15	14	44	5	15
5	Xã Cát Hiệp	19	57			25	75			32	96		
6	Xã Cát Hanh	345	1060			620	1860			750	2250	946	2845
7	Xã Cát Trinh			204	674			281	810			356	1005
8	Xã Cát Tân	74	269					74	269			74	269
9	Xã Cát Tường	42	188	72	247								
10	Xã Cát Nhon					87	305			63	201	167	490
11	Xã Cát Thắng	277	877	336	1028	224	672	389	1233	163	453	1063	3258

TT	Huyện/xã	Trên báo động 3				Trên báo động 3 +1m				Trên lũ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
12	TT. Cát Tiến					450	2217	135	188	35	150	925	4130
13	Xã Cát Hưng							41	160				
14	Xã Cát Tài	207	661	203	658	313	1231	447	1523	462	1587	600	2137
15	Xã Cát Minh	64	182	86	315	64	182	86	315	64	182	86	315
16	Xã Cát Khánh							38	180			54	221
17	Xã Cát Thành							110	489			170	747
VIII	Tuy Phước	305	915			2.888	8.663	669	2.007	11.146	33.438	2.326	6.979
1	Xã Phước Thắng	37	111			256	767	204	613	895	2.684	153	460
2	Xã Phước Hòa	113	339			446	1.337	45	134	1.337	4.010	267	802
3	Xã Phước Sơn	55	165			642	1.925	64	193	1.733	5.199	385	1.155
4	Xã Phước Thuận	91	273			490	1.469	49	147	1.713	5.140	294	881
5	Xã Phước Nghĩa	9	27			74	221	15	44	369	1.107	44	133
6	Xã Phước Hiệp					254	763	51	153	1.119	3.356	153	458
7	Xã Phước Hưng					186	559	37	112	634	1.901	112	335
8	Xã Phước Quang					199	596	40	119	1.152	3.456	159	477
9	Xã Phước Lộc					237	711	47	142	711	2.133	190	569
10	Xã Phước Thành					0	0	0	0	170	511	102	306
11	Xã Phước An					0	0	52	156	573	1.720	209	626
12	Thị trấn Diêu Trì					0	0	30	89	326	979	119	356
13	Thị trấn Tuy Phước					105	316	35	105	414	1.242	140	421
IX	Thị xã An Nhơn	467	1.636	408	1.117	1.115	3.544	885	3.308	1.614	4.694	1.312	4.390
1	Bình Định	72	235	32	90	109	418	69	207	220	626	147	439
2	Đập Đá	18	65	23	93	188	179	103	472	250	512	184	623

TT	Huyện/xã	Trên báo động 3				Trên báo động 3 +1m				Trên lũ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
3	Nhon Hưng	24	80	19	46	41	154	46	163	63	165	56	169
4	Nhon An	29	92	36	98	64	219	97	461	87	292	124	391
5	Nhon Phong	18	83	22	48	46	214	39	150	86	296	60	252
6	Nhon Hạnh	51	142	39	97	87	322	91	347	126	405	141	412
7	Nhon Thành	32	116	42	85	67	234	66	236	111	329	90	270
8	Nhon Hậu	36	134	54	133	105	314	107	318	132	420	135	488
9	Nhon Mỹ	0	0	7	13	26	48	27	50	29	54	36	70
10	Nhon Phúc	22	73	26	58	61	214	41	156	82	222	63	232
11	Nhon Khánh	20	56	17	34	43	125	30	120	51	148	35	115
12	Nhon Hòa	50	149	28	107	100	312	54	191	144	365	77	305
13	Nhon Lộc	9	37	18	45	31	132	35	120	38	156	36	154
14	Nhon Thọ	67	307	30	134	114	539	47	185	151	549	91	352
15	Nhon Tân	19	67	15	36	33	120	33	132	44	155	37	118
X	Thị xã Hoài Nhơn	230	892	319	715	540	2.429	599	2.396	605	2.627	642	2.846
1	Tam Quan Bắc	16	57	19	47	34	154	40	160	42	176	44	188
2	Hoài Mỹ	25	94	34	78	57	258	66	264	65	284	69	305
3	Hoài Xuân	18	65	23	55	39	179	47	188	46	202	48	214
4	Hoài Châu Bắc	13	46	18	39	28	126	35	140	29	133	33	146
5	Tam Quan Nam	18	76	23	50	43	192	40	160	48	199	49	221
6	Hoài Hương	17	69	24	52	41	187	43	172	44	197	45	213
7	Hoài Đức	12	52	18	37	30	134	30	120	31	136	33	151
8	Hoài Sơn	24	87	35	80	55	253	69	276	61	282	65	297
9	Hoài Châu	10	42	12	30	23	108	23	92	29	123	27	128

TT	Huyện/xã	Trên báo động 3				Trên báo động 3 +1m				Trên lũ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
10	Hoài Phú	12	52	18	37	30	134	30	120	31	136	33	151
11	Hoài Hảo	11	43	19	40	29	128	34	136	30	136	34	148
12	Tam Quan	9	35	15	32	24	103	27	108	26	110	30	122
13	Hoài Thanh	9	35	15	32	24	103	27	108	26	110	30	122
14	Bồng Sơn	5	23	7	14	12	55	11	44	12	54	12	60
15	Tam Quan	9	35	15	32	24	103	27	108	26	110	30	122
16	Hoài Tân	11	34	12	33	22	99	29	116	30	122	32	128
17	Hoài Thanh Tây	11	47	12	27	25	113	21	84	29	117	28	130
XI	TP. Quy Nhơn	74	262	315	1.166	74	262	315	1.166	74	262	315	1.166
1	Xã Phước Mỹ	10	36	107	411	10	36	107	411	10	36	107	411
2	P. Bùi Thị Xuân	36	116	120	440	36	116	120	440	36	116	120	440
3	P. Trần Quang Diệu												
4	P. Nhơn Bình	28	110			28	110			28	110		
5	P. Nhơn Phú			88	315			88	315			88	315
Toàn tỉnh		2.647	8.824	5.241	19.945	7.332	24.439	8.660	31.281	16.132	49.150	16.684	58.483

PHỤ LỤC 7: PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ PCTT VÀ TKCN NĂM 2022

TT	DANH MỤC	ĐVT	THỰC LỰC			
			Tổng cộng	Lực lượng vũ trang	Sở, ban, ngành	Cấp huyện
I	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ					
1	Xe ô tô chở người dưới 16 chỗ	Chiếc	61	35: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 35.	9: Công ty Điện lực 2, Viễn thông 2, Công ty KTCTTL 3, Ban QL KKT 2	17: An Lão 2, Tuy Phước 4, Vân Canh 2, Quy Nhơn 8, Phù Mỹ 1
2	Xe ô tô chở người đến 40 chỗ	Chiếc	5	3: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.	1: Ban QL KTT 1	1: Quy Nhơn 1
3	Xe ô tô vận tải	Chiếc	53	18: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 15, Bộ Chỉ huy BDBP 3	8: Sở Giao thông vận tải 8	27: An Lão 1, Tây Sơn 2, Quy Nhơn 24
4	Xe ô tô bán tải	Chiếc	34	7: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.	16: Viễn thông 5, Chi cục Kiểm lâm 11	11: Tây Sơn 6, Quy Nhơn 5
II	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY					
1	Tàu hàng khô	Chiếc	1	1: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.	0	0
III	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG KHÔNG					
IV	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN CHỈ HUY					
1	Xe chỉ huy PCLB	Chiếc	14	10: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 3, Bộ Chỉ huy BDBP 7	1: Sở Xây dựng	3: An Nhơn
2	Trang thiết bị quan sát, ghi hình	Bộ	24	3: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.	16: Sở Xây dựng 15, Công ty KTCTTL 1	5: Phù Mỹ
3	Trang thiết bị thông tin	Bộ	13		13: Sở Xây dựng 1, Sở TTTT 12	

TT	DANH MỤC	ĐVT	THỰC LỰC			
			Tổng cộng	Lực lượng vũ trang	Sở, ban, ngành	Cấp huyện
4	Hệ thống cơ sở dữ liệu	HT	1		1: Sở Xây dựng	
5	Hệ thống truyền hình hội nghị	HT	25	1: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.	2: Sở Xây dựng 1, Sở TTTT 1	22: Quy Nhơn
V	TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN TTLL					
1	Máy thu phát sóng HF	Chiếc	10		10: Sở TTTT	
2	Tổng đài điện tử	Chiếc	3	3: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.		
3	Máy tính trạm	Chiếc				
4	Máy tính xách tay	Chiếc	2		2: Sở TTTT	
VI	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN CHCN HÀNG KHÔNG					
VII	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN CHCN TRÊN SÔNG, TRÊN BIỂN					
1	Tàu các loại	Chiếc	8	7: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 4, Bộ Chỉ huy BĐBP 3	1: Cảng vụ Hàng hải	
2	Xuồng ST - 1200	Chiếc	1	1: Bộ Chỉ huy BĐBP		
3	Xuồng ST - 750	Chiếc	10	10: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 3, Bộ Chỉ huy BĐBP 4, Công an tỉnh 3.		
4	Xuồng ST - 660	Chiếc	18	16: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 11, Bộ Chỉ huy BĐBP 3, Công an tỉnh 2.		2: An Lão 1, Tuy Phước 1.
5	Xuồng ST - 450	Chiếc	13	8: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	1: Văn phòng về PCTT tỉnh	4: An Nhơn 1, Tây Sơn 1, Quy Nhơn 1

TT	DANH MỤC	ĐVT	THỰC LỰC			
			Tổng cộng	Lực lượng vũ trang	Sở, ban, ngành	Cấp huyện
6	Xuồng đệm khí	Chiếc	1			1: Phù Mỹ
7	Xuồng máy các loại	Chiếc	33	2: Bộ Chỉ huy BĐBP		31: An Lão 5, Phù Cát 12, Vân Canh 2, Quy Nhơn 4, Hoài Ân 8,
8	Xuồng nhôm	Chiếc	266	3: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 2, Công an tỉnh 1		263: Quy Nhơn 38, Phù Mỹ 3, Hoài Ân 216
9	Loại khác	Chiếc	23	11: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		12: Tuy Phước 8, Phù Mỹ 4
10	Ca nô các loại	Chiếc	18	1: Bộ Chỉ huy BĐBP	2: Công ty KTCTTL	15: An Lão 2, Tuy Phước 4, Phù Cát 4, Tây Sơn 1, Quy Nhơn 4
11	Thuyền nhôm các loại	Chiếc	147		3: Công ty Điện lực	144: An Nhơn 142, Phù Mỹ 2
12	Thuyền loại khác	Chiếc	3			3: Quy Nhơn
13	Vỏ xuồng các loại	Chiếc	30	28: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		2: Tuy Phước
14	VSN-1500	Bộ	7	1: Bộ Chỉ huy BĐBP		6: Tây Sơn 2, Quy Nhơn 2, Phù Mỹ 2
15	Xe thiết giáp	Chiếc	3	3: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		
16	Phao cứu sinh	Chiếc	21		21: Công ty KTCTTL	
17	Phao áo cứu sinh	Chiếc	16.944	4.785: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 3.250, Bộ Chỉ huy BĐBP 1.425, Công an tỉnh 110.	1.269: Văn phòng về PCTT tỉnh 924, Sở Y tế 57, Công ty Điện lực 119, Công ty Lâm nghiệp Quy Nhơn 26, Công ty KTCTTL 93, Ban Quản lý KTT 50	10.890: An Lão 1.100, An Nhơn 2.399, Tuy Phước 1.501, Phù Cát 50, Tây Sơn 660, Vân Canh 1.032, Vĩnh Thạnh 118, Quy Nhơn 1.127, Hoài Nhơn 118, Phù Mỹ 809, Hoài Ân 1.976
18	Phao tròn cứu sinh	Chiếc	14.613	4.575: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 3.395,	824: Văn phòng về PCTT tỉnh 815, Sở Y tế 9.	9.214: An Lão 803, An Nhơn 2.388, Tuy Phước 1.596, Phù

TT	DANH MỤC	ĐVT	THỰC LỰC			
			Tổng cộng	Lực lượng vũ trang	Sở, ban, ngành	Cấp huyện
				Bộ Chỉ huy BDBP 980, Công an tỉnh 200.		Cát 100, Tây Sơn 770, Vân Canh 380, Vĩnh Thạnh 150, Quy Nhơn 1.155, Hoài Nhơn 312, Phù Mỹ 892, Hoài Ân 668
19	Phao bè cứu sinh	Chiếc	194	57: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 15, Bộ Chỉ huy BDBP 36, Công an tỉnh 6.	13: Văn phòng về PCTT tỉnh 12, Công ty Lâm nghiệp Quy Nhơn 1.	124: An Lão 6, An Nhơn 47, Tuy Phước 10, Phù Cát 6, Tây Sơn 6, Vân Canh 12, Quy Nhơn 24, Phù Mỹ 13.
20	Phao các loại	Chiếc	195			195: Phù Mỹ
21	Thiết bị bắn dây mồi	Khẩu	3	3: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 2, Bộ Chỉ huy BDBP 1.		
22	Súng bắn đạn tín hiệu	Khẩu	29	28: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 6, Bộ Chỉ huy BDBP 22.		1: Phù Mỹ
23	Đạn tín hiệu các loại	Viên	1.756	1.656: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 50, Bộ Chỉ huy BDBP 1.606.		100: Phù Mỹ
24	Pháo hiệu dù báo bão	Viên	120	120: Bộ Chỉ huy BDBP.		
25	Đèn pin CHCN	Chiếc	379	14: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		365: An Lão 39, Phù Mỹ 229, Hoài Ân 97
26	Máy đẩy 85	Chiếc	13	13: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		
27	Máy đẩy 40	Chiếc	17	13: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		4: Tây Sơn 1, Phù Mỹ 3
28	Máy đẩy các loại	Chiếc	17	17: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		

TT	DANH MỤC	ĐVT	THỰC LỰC			
			Tổng cộng	Lực lượng vũ trang	Sở, ban, ngành	Cấp huyện
VIII	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN CHCN DƯỚI NƯỚC					
1	Thiết bị lặn (quần áo lặn)	Chiếc	5	5: Bộ Chỉ huy BDBP.		
IX	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN CHCN DƯỚI LÒNG ĐẤT, SẠP ĐỒ CÔNG TRÌNH					
1	Máy xúc	Chiếc	1	1: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		
2	Máy xúc lật	Chiếc	1		1: Sở GT-VT	
3	Máy ủi, húc	Chiếc	3	1: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	2: Sở GT-VT	
4	Máy gạt	Chiếc	2		2: Sở GT-VT	
5	Máy lu	Chiếc	3		3: Sở GT-VT	
6	Xe cẩu	Chiếc	11	2: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 1, Bộ Chỉ huy BDBP 1		9: Quy Nhơn
7	Thiết bị khoan, cắt	Bộ	22	2: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	20: Ban Quản lý KTT	
8	Camera	Chiếc	1		1: Sở TTTT	
9	Máy nén khí	Chiếc	5	5: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		
10	Cửa xích cầm tay	Chiếc	60	1: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		59: An Lão 13, Quy Nhơn 38, Phù Mỹ 8
11	Cửa máy	Chiếc	75	8: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	12: Sở GT-VT 7, Chi cục Kiểm lâm 5	55: An Nhơn 20, Tuy Phước 14, Tây Sơn 4, Vân Canh 14, Quy Nhơn 2, Phù Mỹ 1

TT	DANH MỤC	ĐVT	THỰC LỰC			
			Tổng cộng	Lực lượng vũ trang	Sở, ban, ngành	Cấp huyện
12	Đèn chiếu sáng các loại	Chiếc	89			89: An Lão 8, Quy Nhơn 50, Phù Mỹ 31
13	Quần áo BHLĐ	Bộ	517			517: Quy Nhơn
X	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN PCCC					
1	Xe CC có cần vươn kết hợp CHCN	Chiếc	2		2: Ban Quản lý KTT	
2	Xe thang chữa cháy các loại	Chiếc	1			1: An Nhơn
3	Xe trạm bơm, tiếp nước	Chiếc	2			2: Quy Nhơn
4	Máy bơm chữa cháy	Chiếc	12	5: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		7: Quy Nhơn
5	Máy bơm nước các loại	Chiếc	149	3: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 2, Bộ Chỉ huy BĐBP 1	115: Văn phòng về PCTT tỉnh 1, Sở GD-ĐT 1, Sở Xây dựng 1, Sở TTTT 1, Chi cục Kiểm lâm 51, Ban Quản lý KKT 60.	31: An Lão 20, An Nhơn 1, Tây Sơn 2, Phù Mỹ 8
6	Bồn chứa nước di động	Chiếc	8			8: Quy Nhơn
7	Vòi chữa cháy	Cuộn	16	1: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		15: Tây Sơn 1, Quy Nhơn 14
8	Bộ chia nước	Bộ	1	1: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		
9	Lăng phun	Chiếc	16	1: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		15: Tây Sơn 1, Quy Nhơn 14
10	Máy cắt thực bì chữa cháy	Chiếc	13	1: Bộ Chỉ huy BĐBP	9: Chi cục Kiểm lâm	3: Tây Sơn 1, Phù Mỹ 2
11	Máy thổi gió chữa cháy	Chiếc	82	8 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	53: Chi cục Kiểm lâm	21: Tây Sơn 7, Quy Nhơn 9, Phù Mỹ 5
12	Thiết bị chữa cháy đồng bộ	Bộ	17	2 Bộ Chỉ huy BĐBP 1, Công an tỉnh 1	14: Sở Xây dựng 12, Sở TTTT 1, Công ty Lâm nghiệp Quy Nhơn 1	1: Phù Mỹ

TT	DANH MỤC	ĐVT	THỰC LỰC			
			Tổng cộng	Lực lượng vũ trang	Sở, ban, ngành	Cấp huyện
XI	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHỐNG HÓA CHẤT, ĐỘC XẠ					
1	Bộ hộp lọc độc	Bộ	1	1: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		
2	Mặt nạ phòng độc	Chiếc	515	500: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		15: Phù Mỹ
XII	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRẦN DẦU					
1	Tấm thấm dầu (tấm hút dầu)	Kiện	10	10: Bộ Chỉ huy BĐBP		
XIII	TRANG BỊ, VẬT TƯ Y TẾ					
1	Xe cứu thương	Chiếc	8	2: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 1, Bộ Chỉ huy BĐBP 1.		6: An Nhơn 2, Tây Sơn 2, Quy Nhơn 2
2	Nhà bạt cứu sinh nhẹ	Chiếc	15	15: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		
3	Nhà bạt 16,5m2	Chiếc	262	70: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 52, Bộ Chỉ huy BĐBP 18	50: Văn phòng về PCTT 47, Công ty điện lực 1, Cảng vụ Hàng hải 2.	142: An Lão 7, An Nhơn 41, Tuy Phước 29, Phù Cát 26, Tây Sơn 6, Vĩnh Thạnh 2, Quy Nhơn 11, Hoài Nhơn 10, Phù Mỹ 10
4	Nhà bạt 24,75m2	Chiếc	168	49: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 34, Bộ Chỉ huy BĐBP 15	46: Văn phòng về PCTT	73: An Lão 25, Tuy Phước 6, Phù Cát 24, Tây Sơn 7, Quy Nhơn 2, Hoài Nhơn 3, Phù Mỹ 6.
5	Nhà bạt 60m2	Chiếc	97	73: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 72, Bộ Chỉ huy BĐBP 1	1: Văn phòng về PCTT	23: Tuy Phước 5, Phù Cát 2, Tây Sơn 4, Vĩnh Thạnh 1, Quy Nhơn 2, Hoài Nhơn 4, Phù Mỹ 5.

TT	DANH MỤC	ĐVT	THỰC LỰC			
			Tổng cộng	Lực lượng vũ trang	Sở, ban, ngành	Cấp huyện
6	Nhà bạt các loại	Chiếc	55	15: Công an tỉnh	10: Văn phòng về PCTT	30: An Lão 2, Tuy Phước 1, Vân Canh 27.
7	Clomin B	Lọ				
8	Clomin B	Kg	609	200: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 150, Bộ Chỉ huy BDBP 50	399: Sở Y tế	10: Phù Mỹ
9	Thuốc khử trùng dạng nước	Lít	50	50: Bộ Chỉ huy BDBP 50		
XIV	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN CẤP NGUỒN ĐIỆN					
1	Máy phát điện 5-7KW	Chiếc	95	10: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 6, Bộ Chỉ huy BDBP 6	49: Sở GD-ĐT 1, Sở TTTT 1, Công ty Điện lực 33, Công ty KTCTTL 9, Ban Quản lý KKT 5.	36: An Lão 4, An Nhơn 4, Tuy Phước 5, Tây Sơn 5, Vân Canh 13, Quy Nhơn 2, Phù Mỹ 3.
2	Máy phát điện 30KW trở lên	Chiếc	12	5: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 4, Công an tỉnh 1	3: Văn phòng về PCTT 1, Công ty Điện lực 1, Công ty KTCTTL 1.	4: Vân Canh 1, Quy Nhơn 4.
3	Trạm nguồn điện; máy phát điện chạy Diesel (1250KVA)	Bộ	2			2: Quy Nhơn 1, Phù Mỹ 1
XV	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN KHÁC					
1	Bình chữa cháy	Cái	50		50: Sở TTTT	
2	Thiết bị Inmarsat	Cái	2		2: Viễn thông Bình Định	
3	Thiết bị Vsat IP (điện thoại cố định)	Cái	12		12: Viễn thông Bình Định	
4	Rựa	Cái	57			57: Vân Canh
5	Hệ khung Beillay đơn	Mét	41		41: Sở GT-VT	
6	Dầm thép các loại	Cái	16		16: Sở GT-VT	

TT	DANH MỤC	ĐVT	THỰC LỰC			
			Tổng cộng	Lực lượng vũ trang	Sở, ban, ngành	Cấp huyện
7	Ô tô đầu kéo	Chiếc	1		1: Sở GT-VT	
8	Hệ thống barrier rào chắn, biển báo hiệu giao thông	Bộ	44		44: Sở GT-VT	
9	Máy cắt cành	Cái	26		26: Công ty Điện lực	
10	Loa các loại	Cái	382		1: Sở GD-ĐT	381: An Lão 59, An Nhơn 199, Tuy Phước 33, Vân Canh 32, Phù Mỹ 33, Hoài Ân 25
11	Bao cát	Cái	268.456		155.158: Văn phòng về PCTT 154.658, Ban Quản lý KKT 500.	113.298: An Lão 44.800, Tuy Phước 25.000, Phù Cát 2.000, Vân Canh 22.950, Vĩnh Thạnh 11.500, Hoài Nhơn 5.000, Phù Mỹ 48
12	Quần áo mưa	Bộ	1.677		75: Văn phòng về PCTT 15, Ban Quản lý KKT 60	1.602: An Nhơn 1.545, Vân Canh 50, Vĩnh Thạnh 7
13	Ủng	Đôi	1.660		97	1.563
14	Mũ bảo hộ	Cái	1.700		137	1.563
15	Đèn cứu hộ	Cái	112	15: Bộ Chỉ huy BDBP	52: Sở GD-ĐT 2, Ban Quản lý KKT 50	45: Vân Canh 39, Vĩnh Thạnh 6
16	Đèn nháy cứu hộ	Cái	1		1: Sở Xây dựng	
17	Máy thông tin sóng ngắn	Bộ	8	3: Bộ Chỉ huy BDBP		5: An Nhơn
18	Thiết bị lọc nước Anh	Chiếc	4	4: Bộ Chỉ huy BDBP		

**PHỤ LỤC 8: TỒN KHO TRANG THIẾT BỊ, VẬT TƯ, THUỐC, HÓA CHẤT PHÒNG CHỐNG BẢO LỤT
TẠI CÁC TUYẾN (ĐẾN 31/08/2022)**

[illegible]

MỤC LỤC

PHẦN I CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA PHƯƠNG ÁN.....	1
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ.....	1
II. MỤC ĐÍCH	2
III. YÊU CẦU.....	2
PHẦN II TÌNH HÌNH CHUNG.....	3
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ DÂN SINH - KINH TẾ - XÃ HỘI.....	3
1. Điều kiện tự nhiên	3
2. Dân số và Lao động	5
3. Tình hình kinh tế - xã hội	5
II. ĐẶC ĐIỂM CƠ SỞ HẠ TẦNG, CÔNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI.....	6
1. Nhà ở, khu đô thị, kinh tế, công nghiệp.....	6
2. Cơ sở giáo dục, đào tạo	6
3. Hệ thống bệnh viện, trung tâm y tế	6
4. Hệ thống đường giao thông	6
5. Hệ thống thủy lợi	6
6. Hệ thống điện lưới	9
7. Hệ thống nước sinh hoạt.....	9
8. Hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn	9
9. Hệ thống thông tin liên lạc và truyền tin cảnh báo thiên tai.....	11
10. Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, lũ	12
III. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.....	12
1. Bão và áp thấp nhiệt đới	12
2. Lũ, ngập lụt, lũ quét.....	12
3. Khô hạn, sạt lở đất	13
4. Khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai	14
PHẦN III NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN	19
I. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ	19
1. Về Chỉ huy ứng phó các cấp độ rủi ro thiên tai	19
2. Về thông tin liên lạc.....	20
3. Về lực lượng ứng phó thiên tai	20
4. Về Phương tiện, trang thiết bị PCTT và TKCN hiện có	21
5. Vật tư, phương tiện, trang thiết bị dự kiến huy động bảo vệ công trình trọng điểm	22
5. Về nhu yếu phẩm	24
6. Về thuốc, hóa chất phòng bệnh	26
II. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI ÁP THẤP NHIỆT ĐỚI, BÃO, BÃO MẠNH ..	26
1. Kịch bản 1: Áp thấp nhiệt đới, bão và bão mạnh (gió mạnh tới cấp bão 11).....	26
2. Kịch bản 2: Bão rất mạnh và siêu bão (gió mạnh từ bão cấp 12 trở lên)	39

III. PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI LŨ, LŨ QUÉT.....	43
1. Kịch bản 1: Đối với lũ	43
2. Kịch bản 2: Đối với lũ quét	51
IV. TRƯỜNG HỢP XUẤT HIỆN ĐỒNG THỜI MỘT SỐ KỊCH BẢN.....	53
V. TRƯỜNG HỢP THIÊN TAI XẢY RA CÙNG THỜI ĐIỂM VỚI DỊCH BỆNH COVID-19	53
PHỤ LỤC.....	56
KẾ HOẠCH HIỆP ĐỒNG ỨNG PHÓ SỰ CỐ, THIÊN TAI - TÌM KIẾM CỨU NẠN CỦA BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH	98

KẾ HOẠCH HIỆP ĐỒNG ỨNG PHÓ SỰ CỐ, THIÊN TAI - TÌM KIẾM CỨU NẠN CỦA BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH

QUÂN KHU 5
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 4682 /KH-BCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 02 tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH

Hiệp đồng ứng phó sự cố, thiên tai - tìm kiếm cứu nạn với các đơn vị của Bộ Quốc phòng, Quân khu đứng chân trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2022

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm thống nhất phương án ứng phó, sử dụng lực lượng, phương tiện của các đơn vị tham gia thực hiện nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai - tìm kiếm cứu nạn đạt hiệu quả cao.

- Giảm thiểu tối đa thiệt hại do sự cố, thiên tai gây ra.

2. Yêu cầu

- Hiệp đồng chặt chẽ, đầy đủ với các đơn vị theo từng nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo đảm tuyệt đối an toàn về người và phương tiện.

II. NỘI DUNG HIỆP ĐỒNG

Tổ chức hiệp đồng ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, tập trung vào 12 tình huống cơ bản theo Quyết định số 1041/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai - tìm kiếm cứu nạn và đặc điểm tình hình của địa phương, cụ thể như sau:

1. Tình huống 1: Tai nạn tàu, thuyền trên sông, biển.
2. Tình huống 2: Sự cố tràn dầu.
3. Tình huống 3: Sự cố cháy nổ đường ống dẫn dầu, khí.
4. Tình huống 4: Sự cố cháy lớn nhà cao tầng, khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư.
5. Tình huống 5: Sự cố sập đổ công trình, nhà cao tầng, hầm lò khai thác khoáng sản.
6. Tình huống 6: Sự cố rò rỉ phóng xạ, bức xạ hạt nhân, tán phát hóa chất độc hại và môi trường.
7. Tình huống 7: Sự cố động đất, sóng thần.

8. Tình huống 8: Tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa đặc biệt nghiêm trọng

9. Tình huống 9: Tai nạn máy bay xảy ra trên địa bàn tỉnh.

10. Tình huống 10: Sự cố vỡ đê, hồ đập và xả lũ.

11. Tình huống 11: Sự cố cháy nổ, cháy rừng.

12. Tình huống 12: Bão, áp thấp nhiệt đới, lũ, ngập lụt; lũ quét, lũ ống, sạt, lở đất đá và các sự cố khác do thiên tai gây ra.

III. THÀNH PHẦN

1. Đại biểu Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS tỉnh

2. Bộ CHQS tỉnh Bình Định

- Thủ trưởng Bộ CHQS tỉnh.

- Thủ trưởng cơ quan 4 phòng.

- Ban CHQS 11 huyện, thị xã, thành phố.

3. Các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng

- Sư đoàn 31/Quân đoàn 3.

- Trường Quân sự/Quân đoàn 3.

- Lữ đoàn 7/Quân đoàn 3.

- Bộ Tư lệnh Vùng 3 Hải quân.

- Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh.

- Trung tâm phối hợp TKCN Hàng hải KV2.

- Trung đoàn 925/Sư đoàn KQ372.

- Trung đoàn 940/Trường SQKQ.

- Hải đoàn Biên phòng 48/Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

- Lữ đoàn 675/BTL Pháo binh.

- Lữ đoàn 683/Tổng cục Hậu cần.

- Tiểu đoàn PH906/Bộ Tư lệnh Hóa học.

4. Các đơn vị của Quân khu

- Sư đoàn 2.

- Lữ đoàn 572.

- Lữ đoàn 573.

- Trung đoàn 655.

- Trung tâm huấn luyện quân sự Quốc gia 2.

- Bệnh viện QY13.

- Kho Kỹ thuật K52.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan Bộ CHQS tỉnh Bình Định

a) Phòng Tham mưu

- Chỉ đạo các cơ quan theo dõi nắm chắc tình hình, diễn biến thiên tai, thảm họa trên địa bàn, kịp thời thông báo các cơ quan, đơn vị để chủ động ứng phó và chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia xử trí các tình huống xảy ra trên địa bàn.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của địa phương nắm chắc tình hình thực tế của địa phương để kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung các kế hoạch, phương án PCTT-TKCN phù hợp.

- Tham mưu Bộ Chỉ huy chỉ đạo Ban Tài chính hướng dẫn cơ quan, đơn vị thực hiện thanh quyết toán chế độ ăn thêm làm nhiệm vụ theo Thông tư số 92/2009/TT-BTC ngày 12/5/2009 của Bộ Tài chính.

- Chủ động hiệp đồng với các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia giúp nhân dân trong phòng chống thiên tai.

- Phối hợp với Trung đoàn 925/Sư đoàn KQ372/Quân chủng Phòng không Không quân; Trung đoàn 940/Trường SQKK khảo sát chuẩn bị các bãi đáp máy bay trực thăng tại các địa bàn trọng điểm của tỉnh, sẵn sàng ứng cứu và cứu trợ khi cần thiết.

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện cơ động của Bộ CHQS tỉnh tham gia ứng cứu, khắc phục thiên tai, cứu trợ giúp nhân dân trên địa bàn khi có yêu cầu của địa phương và các nhiệm vụ khác khi có lệnh.

b) Phòng Chính trị

- Thường xuyên điều chỉnh, bổ sung kế hoạch CTĐ, CTCT trong thực hiện nhiệm vụ PCTT-TKCN, ứng phó hạn hán, xâm nhập mặn, ứng phó bão mạnh, siêu bão; PCCN, cháy rừng, cứu sập; tuyên truyền, đưa tin (hình ảnh, bài viết, phóng sự) trên các phương tiện thông tin đại chúng, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, chiến sỹ LLVT tỉnh về nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai-TKCN.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị hoạt động CTĐ, CTCT trong thực hiện nhiệm vụ PCTT-TKCN, ứng phó hạn hán, xâm nhập mặn, ứng phó bão mạnh, siêu bão; PCCN, cháy rừng, cứu sập, PCCC SCH các cấp.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan kịp thời tham mưu, đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống, ứng cứu, TKCN và khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa.

- Hướng dẫn, vận động các cơ quan, đơn vị trong LLVT tỉnh đóng góp xây dựng quỹ cứu trợ thiên tai; tham mưu cho thủ trưởng các cấp sử dụng hiệu quả, đúng mục đích.

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia khắc phục hậu quả thiên tai xảy ra trên địa bàn và các nhiệm vụ khác khi có lệnh.

c) Phòng Hậu cần

- Tham mưu Bộ CHQS tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị kiểm tra rà soát kế hoạch bảo đảm hậu cần cho nhiệm vụ PCTT-TKCN, PCCN-CR, CS sát với yêu cầu nhiệm vụ.

- Tham mưu Bộ CHQS tỉnh chỉ đạo công tác xây dựng doanh trại, kho tàng, nhà xe, nhà pháo đủ điều kiện, khả năng phòng chống thiên tai. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch PCTT-TKCN; phương án ứng phó bão mạnh, siêu bão, PCCN, cháy rừng, cứu sập phù hợp với đặc điểm tình hình đơn vị.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị bảo đảm lương thực, thực phẩm, quân trang, xăng dầu, quân y và phương tiện vận tải... phục vụ cho nhiệm vụ PCTT-TKCN. Thường xuyên duy trì đủ lượng vật chất hậu cần dự trữ, bảo đảm đúng quy định.

- Chỉ đạo Tổ Quân y phối hợp với các lực lượng có liên quan tham gia tìm kiếm cứu nạn, xử lý vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh cho các đơn vị và nhân dân ở các vùng bị ảnh hưởng thiên tai.

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia khắc phục hậu quả thiên tai xảy ra trên địa bàn và các nhiệm vụ khác khi có lệnh.

d) Phòng Kỹ thuật

- Thường xuyên kiểm tra, điều chỉnh bổ sung kế hoạch bảo đảm kỹ thuật cho nhiệm vụ PCTT-TKCN, PCCN, PCCR, CS sát với yêu cầu nhiệm vụ.

- Thường xuyên duy trì đủ lượng vật chất kỹ thuật dự trữ bảo đảm cho Bộ CHQS tỉnh theo quy định.

Tổ chức kiểm tra các trang bị kỹ thuật, chỉ đạo sửa chữa, kịp thời bảo đảm phương tiện cho các cơ quan, đơn vị cơ động làm nhiệm vụ PCTT-TKCN.

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia khắc phục hậu quả thiên tai xảy ra trên địa bàn và các nhiệm vụ khác khi có lệnh.

2. Ban CHQS 11 huyện, thị xã, thành phố

a) Nhiệm vụ chung

- Thường xuyên củng cố, kiện toàn lực lượng kiêm nhiệm ứng phó sự cố, thiên tai-TKCN và PCCN-CS, cháy rừng.

- Triển khai các biện pháp củng cố doanh trại, kho tàng của đơn vị trong PCTT-TKCN, PCCN-CS.

- Thực hiện đúng tư tưởng chỉ đạo “Phòng là chính, tích cực, chủ động ứng phó nhanh, có hiệu quả”; phương châm “Vận dụng phương châm 4 tại chỗ, huy động tổng lực người, phương tiện, cơ sở vật chất ứng cứu kịp thời, cứu người trước, cứu tài sản sau, hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất về người và tài sản”.

- Phối hợp với các ban, ngành của địa phương tổ chức khảo sát nắm chắc các vùng có nguy cơ ngập lụt, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất đá, cháy nổ, sập đổ công trình, công tác quy hoạch hệ thống công trình thủy lợi, thủy điện, hồ chứa, cao trình xả lũ bảo đảm khai thác triệt để nguồn nước ngầm, điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

- Tổ chức hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn thực hiện tốt nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn; sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ khác khi có lệnh của Thủ trưởng Bộ CHQS tỉnh.

- Khi có sự cố, thiên tai, cháy nổ xảy ra, tổ chức lực lượng cứu hộ, cứu nạn trực tăng cường, sẵn sàng ứng phó các tình huống khẩn cấp về sự cố, thiên tai, cháy nổ và TKCN, giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước và nhân dân.

- Hướng dẫn các hộ gia đình ở trong vùng trọng điểm bão, ngập lụt, sạt lở, lũ ống, lũ quét vùng hạ du các đập thủy lợi, thủy điện biết chủ động tự trang bị các phương tiện, mua dự trữ lương thực thực phẩm, nước uống, thuốc men và các vật dụng cần thiết khác.

- Khi tỉnh, huyện, thị xã, thành phố tổ chức các lễ hội có đông đại biểu và nhân dân tham dự, Ban CHQS các huyện, thị xã, thành phố phải tham mưu xây dựng kế hoạch cứu hộ-TKCN và tổ chức huấn luyện, luyện tập, triển khai lực lượng trực, sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn khi có tình huống xảy ra.

b) Nhiệm vụ cụ thể

- Công tác phòng, chống hạn hán, thiên tai, xâm nhập mặn

+ Các đơn vị chủ động xây dựng bể để chứa nước, nạo vét khơi thông các giếng nước, khoan, đào giếng mới; lắp đặt đường ống nước dẫn nước từ thượng nguồn sông, suối về bể lọc nước để bộ đội sử dụng.

+ Khi thiên tai hạn hán, xâm nhập mặn xảy ra trên địa bàn, tham mưu cho UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Ban quản lý các hồ đập thủy lợi, thủy điện vận hành hợp lý, ưu tiên cấp nước sinh hoạt cho nhân dân, sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát nước. Ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm. Triển khai lực lượng, phương tiện phối hợp với các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn cùng với lực lượng của địa phương huy động tất cả các vật dụng đựng nước như: Xô, thùng, thùng phuy, can nhựa, bồn đựng nước, sử dụng các loại xe ô tô, xe máy của đơn vị; những nơi ô tô, xe máy không đến được, sử dụng lực lượng khiêng, gánh, mang, vác, gùi để vận chuyển nước giúp nhân dân vùng trọng điểm hạn hán.

- Công tác phòng, chống cháy nổ, cháy rừng, cứu sập

+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho bộ đội và nhân dân nơi đóng quân nâng cao ý thức, trách nhiệm không để bất cẩn xảy ra cháy, nổ, sập đổ công trình do con người gây ra. Mỗi tuần dành 30 phút đến 60 phút luyện tập các phương án PCCN, CR; quan tâm đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị chữa cháy. Tổ chức phát quang, thu gom các vật liệu dễ cháy, dễ gây nổ xung quanh doanh trại, kho tàng, trạm xưởng. Khi đốt rác phải xa doanh trại, kho tàng, trạm

xương, đường dây điện, điện thoại. Bố trí lực lượng, phương tiện chữa cháy trực cảnh giới quan sát để kịp thời chữa cháy, không để cháy lan. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy ở các cấp.

+ Khi xảy ra cháy nổ, cháy rừng: Huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ nhanh chóng dập tắt các đám cháy trong thời gian ngắn nhất, không để cháy lan kéo dài.

- Công tác phòng, chống bão, lụt, ATNĐ, sạt lở đất đá

+ Trước khi bão vào đất liền: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho bộ đội và nhân dân trên địa bàn chủ động triển khai thực hiện các biện pháp phòng tránh, ứng phó có hiệu quả với thiên tai ở vùng ngập lụt, xây dựng các chòi để nhân dân đến tránh lũ, tổ chức cho nhân dân sống trong các vùng trọng điểm bão, lụt, sạt lở, khu vực nhà cấp 4, nhà tạm di dời sơ tán; tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo các lực lượng di chuyển tàu thuyền nuôi trồng thủy sản trên biển, ven biển, trên sông ra khỏi khu vực nguy hiểm; hướng dẫn tàu thuyền neo đậu hoặc thực hiện biện pháp khác bảo đảm an toàn. Chỉ đạo cắt tỉa cành cây, sửa chữa hệ thống điện, nhà cửa, công trình đã xuống cấp. Chằng chống nhà cửa, kho tàng, mua dự trữ lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh. Chuẩn bị bếp củi, bếp ga, bếp dầu, đèn bão, đèn pin, chủ động sạc pin điện thoại để liên lạc khi mất điện.

+ Khắc phục hậu quả sau bão, lụt, ATNĐ, sạt lở đất đá: Tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn trên sông, trên biển và trong vùng ngập lụt, sạt lở đất, lũ quét, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc men, nước uống và các nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực bị ngập lụt nghiêm trọng, khu vực nhà cấp 4, nhà tạm, địa điểm sơ tán. Thu dọn cành cây, lá đổ, khắc phục sửa chữa hệ thống điện thấp sáng, hệ thống thông tin liên lạc bị hư hỏng, khắc phục sạt lở đất trên các trục đường giao thông. Sử dụng ca nô, tàu thuyền cơ động tiếp tế lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh cho nhân dân ở vùng ngập lụt, bị cô lập; tiếp tục sơ tán nhân dân ra khỏi vùng ngập lụt. Tổ chức lực lượng giúp sửa chữa trường học, trạm xá, nhà dân bị hư hỏng do bão, lũ lụt gây ra. Sử dụng phương tiện ô tô đưa nhân dân đi sơ tán về lại gia đình. Phối hợp với lực lượng Công an bố trí lực lượng ứng trực tại các bến đò ngang, đò dọc, những đoạn đường bị ngập để kiểm tra và chỉ cho phép các phương tiện, người qua lại đủ điều kiện bảo đảm an toàn. Chủ động hiệp đồng với các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn tham gia công tác tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả, ổn định đời sống, phục hồi sản xuất, xử lý môi trường, phòng chống dịch bệnh cho nhân dân.

c) Ngoài các nhiệm vụ đã nêu trên, cơ quan Bộ CHQS tỉnh, Ban CHQS 11 huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia cùng địa phương giải quyết sự cố sập đổ công trình, nhà cao tầng; sự cố rò rỉ phóng xạ, bức xạ hạt nhân và tán phát hóa chất độc hại; sự cố động đất, sóng thần; sự cố tai nạn giao thông đường thủy, nội địa đặc biệt nghiêm trọng; sự cố vỡ đê, hồ đập; sự cố tràn dầu, cháy nổ đường ống dẫn dầu; tai nạn tàu, thuyền trên sông, trên biển; sự cố cháy lớn nhà cao tầng, khu đô thị, khu

công nghiệp, khu dân cư; tai nạn máy bay xảy ra trên địa bàn khi có lệnh của cấp trên.

3. Đối với các đơn vị hiệp đồng của Bộ Quốc phòng và Quân khu

Triển khai thực hiện tư tưởng chỉ đạo “Phòng là chính, tích cực, chủ động ứng phó nhanh, có hiệu quả”; phương châm “Vận dụng phương châm 4 tại chỗ, huy động tổng lực người, phương tiện, cơ sở vật chất ứng cứu kịp thời, cứu người trước, cứu tài sản sau, hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất về người và tài sản của nhân dân”. Ngoài công tác PCTT-TKCN, PCCN, CS cho đơn vị mình, cần chủ động hiệp đồng với các địa phương khảo sát nắm các vùng có nguy cơ ngập lụt, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất đá, cháy nổ, sập đổ công trình, trên cơ sở đó điều chỉnh, bổ sung kịp thời kế hoạch PCTT-TKCN, PCCN-CS, PCCR. Sử dụng lực lượng, phương tiện cùng với các lực lượng tham gia giúp dân PCTT-TKCN, bảo vệ hồ đập thủy lợi, thủy điện, PCCN, CR, CS xảy ra trên địa bàn theo kế hoạch hiệp đồng với Bộ CHQS tỉnh. Cụ thể:

a) Công tác phòng, chống hạn hán, thiên tai, xâm nhập mặn

- Các đơn vị chủ động xây dựng hồ, đập, bể để chứa nước, nạo vét khơi thông các giếng nước, khoan đào giếng mới; lắp đặt đường ống nước dẫn nước từ thượng nguồn sông, suối về bể lọc nước để bộ đội sử dụng.

- Khi thiên tai hạn hán, xâm nhập mặn xảy ra trên địa bàn, huy động mọi lực lượng, phương tiện cùng với lực lượng của địa phương để vận chuyển nước giúp nhân dân vùng trọng điểm hạn hán.

b) Công tác phòng, chống cháy nổ, cháy rừng, cứu sập

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho bộ đội và nhân dân nơi đóng quân nâng cao ý thức, trách nhiệm không để bất cẩn xảy ra cháy, nổ, sập đổ công trình do con người gây ra; quan tâm đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị chữa cháy. Tổ chức phát quang, thu gom các vật liệu dễ cháy, gây nổ xung quanh doanh trại, kho tàng, trạm xưởng. Khi đốt rác phải đúng nơi quy định, xa doanh trại, kho tàng, trạm xưởng, đường dây điện, đường dây điện thoại; bố trí lực lượng, phương tiện chữa cháy trực cảnh giới quan sát để kịp thời chữa cháy, không để cháy lan. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác PCCC ở các cấp; sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia PCCN-CS, CR.

- Khi xảy ra cháy nổ, cháy rừng huy động lực lượng, phương tiện nhanh chóng dập tắt các đám cháy trong thời gian ngắn nhất, không để cháy lan kéo dài, sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng cùng với địa phương.

c) Công tác phòng, chống bão, lụt

- Trước khi bão vào đất liền: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho bộ đội và nhân dân trên địa bàn, chủ động triển khai thực hiện các biện pháp phòng tránh, ứng phó có hiệu quả với thiên tai ở vùng ngập lụt; tham gia cùng địa phương tổ chức cho nhân dân tại các vùng trọng điểm bão, lụt di dời sơ tán; di chuyển tàu thuyền nuôi trồng thủy sản trên biển, ven biển, trên sông ra khỏi khu

vực nguy hiểm; tổ chức kiểm đếm, hướng dẫn tàu thuyền neo đậu hoặc thực hiện biện pháp khác bảo đảm an toàn. Chỉ đạo cắt tĩa cành cây, sửa chữa hệ thống điện, nhà cửa, công trình đã xuống cấp. Chằng chống nhà cửa, kho tàng, mua dự trữ lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh. Chuẩn bị bếp củi, bếp ga, bếp dầu, đèn bão, đèn pin, chủ động xác pin điện thoại để liên lạc khi mất điện; trang bị radio để nghe theo dõi tin tức.

- Khi bão đổ bộ vào đất liền không cho bộ đội ra ngoài, tổ chức cho bộ đội trú tránh ở các nhà kiên cố vững chắc.

- Khắc phục hậu quả sau bão, lụt, ATNĐ: Tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn trên sông, trên biển và trong vùng ngập lụt, sạt lở đất, lũ quét, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc men, nước uống và các nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực bị ngập lụt nghiêm trọng, địa điểm sơ tán. Sử dụng ca nô, tàu thuyền cơ động tiếp tế lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh cho nhân dân ở vùng ngập lụt, bị cô lập; tiếp tục sơ tán nhân dân ra khỏi vùng ngập lụt. Tổ chức lực lượng giúp sửa chữa trường học, trạm xá, nhà dân bị hư hỏng do bão, lũ gây ra. Sử dụng phương tiện ô tô đưa nhân dân đi sơ tán về lại gia đình.

d) Ngoài các nhiệm vụ đã nêu trên, đề nghị các đơn vị sẵn sàng lực lượng, phương tiện tham gia cùng địa phương giải quyết sự cố sập đổ công trình, nhà cao tầng; sự cố rò rỉ phóng xạ, bức xạ hạt nhân và tán phát hóa chất độc hại; sự cố động đất, sóng thần; sự cố tai nạn giao thông đường thủy, nội địa đặc biệt nghiêm trọng; sự cố vỡ đê, hồ đập; sự cố tràn dầu, cháy nổ đường ống dẫn dầu; tai nạn tàu, thuyền trên sông, trên biển; sự cố cháy lớn nhà cao tầng, khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư; tai nạn máy bay xảy ra trên địa bàn khi địa phương có yêu cầu.

- Đề nghị Trung đoàn 925, Trung đoàn 940 tham gia cứu hộ, cứu nạn, vận chuyển tiếp tế lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc men cho nhân dân sống trong vùng ngập lụt, lũ quét bị cô lập bằng đường hàng không.

- Đề nghị Vùng 3 Hải quân, Hải đoàn Biên phòng 48, Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh, Trung tâm phối hợp TKCN Hàng hải KV2 tham gia cứu hộ, cứu nạn phương tiện tàu thuyền, ngư dân gặp nạn trên sông, trên biển. Tạo điều kiện cho ngư dân vào tránh trú bão tại các cảng thuộc khu vực đóng quân. Chờ hàng cứu trợ giúp nhân dân bị cô lập và cứu chữa bệnh nhân. Tham gia giải quyết sự cố tràn dầu trên biển khi có tình huống xảy ra.

- Khi có tình huống xảy ra, đề nghị các đơn vị chủ động liên hệ với địa phương, nắm chắc tình hình sự cố, thiên tai xảy ra trên địa bàn. Tổ chức cơ động lực lượng, phương tiện phối hợp với các lực lượng TKCN khác trên địa bàn giúp địa phương, nhân dân ứng phó với sự cố, thiên tai và TKCN, đồng thời thông báo cho Bộ CHQS tỉnh nắm, theo dõi, phối hợp thực hiện.

- Đề nghị các đơn vị chỉ đạo cơ quan, đơn vị thuộc quyền ký kết hiệp đồng với địa phương theo nhiệm vụ, địa bàn được giao.

đ) Trường hợp thiên tai, thảm họa gây ảnh hưởng trên một khu vực mà lực lượng, phương tiện tại khu vực đó không đủ khả năng xử lý. Khi có đề nghị của UBND tỉnh (thông qua Bộ CHQS tỉnh), đề nghị các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn tạo điều kiện điều động lực lượng, phương tiện cùng tham gia xử trí tình huống.

Căn cứ kế hoạch, các cơ quan, đơn vị của Bộ CHQS tỉnh xây dựng kế hoạch bảo đảm thông qua phê duyệt theo phân cấp; Ban CHQS 11 huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các đơn vị của Bộ, Quân khu đứng chân trên địa bàn tổ chức hội nghị ký kết biên bản, kế hoạch hiệp đồng thông qua Ban Chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS của địa phương và báo cáo về Bộ CHQS tỉnh (qua Ban Tác huấn) trước ngày 20 tháng 8 năm 2022./

Nơi nhận:

- Phòng Tác chiến/BTM Quân khu;
- BCH PCTT, TKCN và PTDS tỉnh;
- TT BCH;
- 4 Phòng (TM03);
- BCH BDBP tỉnh; f31, TQS, lư7/qđ3;
- Trung tâm phối hợp TKCN Hàng hải KV2;
- Vùng 3 Hải quân; e925/fKQ372; e940/Trường SQKQ;
- Hải đoàn 48; lư675; lư683; dPH906;
- Sư đoàn 2; lư572; lư573;
- e655; TTHLQS QG2; Viện QY13; Kho K52;
- Văn phòng BCH; TTQP; Ban Tài chính;
- Ban T.huấn/PCT;
- 11 huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị;
- Lưu: VT, TH (02), C67.

CHỈ HUY TRƯỞNG



Đại tá Trần Thanh Hải

PHỤ LỤC
Lực lượng, phương tiện các đơn vị của Bộ Quốc phòng, Quân khu tham gia nhiệm vụ PCTT-TKCN
trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố
(Kèm theo Kế hoạch số 1682/KH-BCH ngày 21/8/2022 của Bộ CHQS tỉnh Bình Định)

TT	Đơn vị	Lực lượng				Phương tiện			Địa bàn đảm nhiệm	Quảng đường (km)	Thời gian cơ động (giờ)
		Tổng	Bộ đội	DQTV	DBĐV	Ô tô các loại	xe đặc chủng	ca nô, tàu, xuồng			
I	Lực lượng Bộ Quốc phòng										
1	BCH BDBP tỉnh	115	115			10		15	Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước, thành phố Quy Nhơn và vùng biển từ Quy Nhơn đến Hoài Nhơn	20-100	0,5-2,5
2	Sư đoàn 31	50	50			02		02	Tuy Phước	15-40	0,5-1,0
3	Trường Quân sự/qđ3	300	300			03		01	Phù Mỹ, Phù Cát, thị xã An Nhơn	16-70	0,5-2,0
4	Lữ đoàn 7	60	60			11	04	03	Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước	100-120	2,5-3,0
5	Vùng 3 Hải quân	05	05					01	Vùng biển từ Quy Nhơn đến Hoài Nhơn	15-100	0,5-2,5
6	Hải đoàn Biên phòng 48	20	20					02	Vùng biển từ Quy Nhơn đến Hoài Nhơn	20-100	0,5-2,5
7	Trung tâm phối hợp Hàng hải KV2	38	38					02	Vùng biển từ Quy Nhơn đến Hoài Nhơn	15-100	0,5-2,5
8	Trung đoàn 925	120	120			06			Phù Cát, Tuy Phước, thị xã An Nhơn	10-70	1,0-2,0
9	Trung đoàn 940	50	50			02			Phù Cát, thị xã An Nhơn	10-70	1,0-2,0
10	Lữ đoàn 675	40	40			04			Tuy Phước, Văn Canh	1,0-40	0,5-1,0

TT	Đơn vị	Lực lượng				Phương tiện			Địa bàn đảm nhiệm	Quãng đường (km)	Thời gian cơ động (giờ)
		Tổng	Bộ đội	DQTV	DBDV	Ô tô các loại	xe đặc chủng	ca nô, tàu, xuồng			
11	Tiểu đoàn PH906	30	30				03		Các địa phương trên địa bàn tỉnh	1,0-150	0,5-4,0
12	Lữ đoàn 683	16	16			05			Thành phố Quy Nhơn	1,0-30	0,5-1,0
II Lực lượng Quân khu											
1	Sư đoàn 2	300	300			17		01	Vĩnh Thanh, Tây Sơn, Tuy Phước, thị xã An Nhơn, thành phố Quy Nhơn	50-110	1,5-2,5
2	Lữ đoàn 572	280	280			10		06	An Lão, Hoài Nhơn, Hoài Ân, Phù Mỹ	40-70	1,0-2,0
3	Lữ đoàn 573	130	130			08		05	Tây Sơn, Tuy Phước, thị xã An Nhơn	10-40	0,5-1,0
4	Trung đoàn 655	30	30			02			Tuy Phước, Vân Canh	1,0-40	0,5-1,0
5	TTHLQS QG2	100	100			05		04	Phù Cát, Tây Sơn và thị xã An Nhơn	1,0-80	1,0-2,0
6	Bệnh viện QY13	09	09			01			Thu dung, cấp cứu, điều trị người bị nạn trên địa bàn tỉnh	20-140	0,5-3,0
7	Kho Kỹ thuật K52	30	30			01			Tuy Phước	1,0-20	0,5

Lực lượng các đơn vị của Bộ, Quân khu tham gia thực hiện nhiệm vụ PCTT-TKCN
trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố
(Kèm theo Kế hoạch số 4682/KH-BCH ngày 02/8/2022 của Bộ CHQS tỉnh Bình Định)



T T		Đơn vị	Các đơn vị của Bộ										Các đơn vị của Quân khu							
			BCH BDBP tỉnh	Sư đoàn 31	Trường Quân sự/qđ3	Lữ đoàn 7	Vùng 3 Hải quân	Hải đoànBiên phòng 48	Trung tâm phối hợp Hàng hải KV2	Trung đoàn 925	Trung đoàn 940	Lữ đoàn 675	Tiểu đoàn PH906	Lữ đoàn 683	Sư đoàn 2	Lữ đoàn 572	Lữ đoàn 573	Trung đoàn 655	TTHLQS QG2	Bệnh viện QY13
1	Thành phố Quy Nhơn	35				05	20	38				30	16	60					09	
2	Thị xã Hoài Nhơn	20			100		20	38			30			40					09	
3	Thị xã An Nhơn								120	50		30		60		130		100	09	
4	Huyện Vân Canh										40	30					30		09	
5	Huyện Tuy Phước	20	50		60				120		40	30		60		130	30		09	30
6	Huyện Vĩnh Thạnh											30		60					09	
7	Huyện Tây Sơn											30		60		130		100	09	
8	Huyện Phù Mỹ	20		100	60		20	38				30			100				09	
9	Huyện Phù Cát	20		100	60		20	38	120	50		30						100	09	
10	Huyện An Lão											30			40				09	
11	Huyện Hoài Ân											30			100				09	
Tổng cộng		115	50	300	60	05	20	38	120	50	40	30	16	300	280	130	30	100	09	30